

LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA

Dịch giải: TK. Thích Giác Quả

LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA

**NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 2012**

LỜI TỰA

Luận Khởi Tín Đại Thừa do Bồ-tát Mã Minh sáng tác vào đầu thế kỷ thứ II Tây lịch. Trước luận *Khởi Tín* đã hiện hữu chủ thuyết *Nghiệp cảm Duyên khởi* do các Luận sư *A-tỳ-đàm* đề xướng, nhưng chủ thuyết này chưa giải thích được nguồn gốc của Nghiệp phát xuất từ đâu. Sau đó nghi vấn này đã được chủ thuyết *A-lại-da Duyên khởi* giải quyết. Dù vậy, giáo nghĩa Duy thức vẫn chưa giải đáp toàn triệt những nghi vấn giữa Mê và Ngộ, giữa Tướng và Tánh, giữa Chúng sinh và Phật, đây là động cơ để luận *Khởi Tín* ra đời. Vậy chủ thuyết luận *Khởi Tín* là gì? Thuyết minh gì?

Chủ thuyết *Khởi Tín* là *Chân như Duyên khởi* hay *Như Lai tạng Duyên khởi*. Bản thân Chân như có hai mặt, đó là mặt *Không như thật* (Chân không) - Thể của Chân như; và mặt *Bất không như thật* (Diệu hữu) - Tướng của Chân như. *Như Lai tạng* chính là mặt *Bất không như thật* của *Chân như*, là kho tàng chứa đựng vô lượng công đức vô lậu, còn được gọi là *Nhất Tâm* hay *Đại thừa*. Mặt Thể là mặt tuyệt đối ly ngôn tuyệt tướng, không thể phô diễn; mặt Tướng là mặt tương

đôi nên có thể vận dụng ngôn ngữ để lý giải. Do thế, *trọng tâm giáo nghĩa Khởi Tín là lý giải về Như Lai tạng*, hay *Nhất Tâm* hoặc *Đại thừa* này đây. Và Như Lai tạng (Nhất Tâm, Đại thừa) chính là cái *Tâm đang là* của chúng ta chứ chẳng phải cái gì khác.

Như Lai tạng là kho tàng tiềm ẩn vô lượng công đức vô lậu, bất sinh bất diệt (mặt tĩnh), là nguồn cội lưu xuất Nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian. Do nương vào tự Tướng của Như Lai tạng (Nhất Tâm, Đại thừa) mà có tâm sinh diệt (tâm chúng sinh), tức Như Lai tạng của chúng sinh hiện hữu cả pháp tịnh lẫn pháp nhiễm, nên Như Lai tạng đổi tên thành *Thức A-lại-da*, để làm cơ sở phát khởi các pháp tịnh, pháp nhiễm; pháp tịnh là Giác, pháp nhiễm là Bất giác. Như vậy, với chủ thuyết Như Lai tạng Duyên khởi, luận *Khởi Tín* vừa giải đáp tận cùng uyên nguyên các nghi vấn đương thời, vừa hệ thống giáo nghĩa Đại thừa về một mối.

Tựu trung, luận *Khởi Tín* thuyết minh hai vấn đề chính:

1. Khởi phát *đức tin chính xác giáo nghĩa Đại thừa* (Như Lai tạng, Nhất Tâm).

2. Khởi phát *đức tin chính xác cái Tâm đang là* của chúng ta đây. Nội dung Tâm này vốn sẵn đủ Thế đại, Tướng đại và Dụng đại, đây là cái Tâm đồng nhất

giữa Mê và Ngộ... giữa Chúng sinh và Phật biểu hiện khắp mười phương Pháp giới. *Chính sự thật này luận Khởi Tín mới mệnh danh là Đại thừa* (Cỗ xe vĩ đại, cỗ xe trâu trắng chúa), và do xe này chư Phật đã cưỡi, chư Bồ-tát đang cưỡi, chúng sinh sẽ cưỡi để đến cõi Vô dư Niết-bàn (Phật địa). *Điểm thứ hai này mới là trọng tâm của giáo nghĩa Khởi Tín.*

Tuy nhiên, với tâm lý hàng phàm phu (hàng Bất định tụ) chưa thành tựu đức tin hoàn hảo (chưa viên mãn 10 địa vị cấp Tín, bước lên Sơ trụ, đứng vào hàng Chánh định tụ hay Chánh tín), họ lo sợ khó được Chánh tín nên muốn thoái lui. Để cứu vớt hạng người này, Bồ-tát Mã Minh đã giới thiệu pháp tu đặc biệt mà Thế Tôn đã chỉ dạy để bảo lưu đức tin ấy, bằng cách phát tâm niệm Phật nguyện sinh về các cõi Phật. Thiết thực nhất là chuyên tâm xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà để được vãng sinh về cõi Cực Lạc phương Tây; khi đã vãng sinh thì luôn được thấy đức Phật nên đức tin không bao giờ thoái lui. Như thế, bất cứ hành giả nào chưa đứng vào hàng Chánh định tụ (Sơ trụ trở lên) tha thiết muốn chứng quả vị Phật-đà, cụ thể nhất là phát tâm kiên định nương vào Bản nguyện đức Phật A-di-đà, thuần nhất chuyên niệm danh hiệu Ngài để được vãng

sinh Cực Lạc, hầu hoàn thiện đức tin hoàn hảo, đủ nhân tố cưỡi xe vĩ đại (Đại thừa) thăng tiến về Niết-bàn, viên mãn mục đích tối hậu của sự tu tập.

Tóm lại, luận *Khởi Tín* này bút giả đã dịch-giải vào năm 1995 để đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của Tăng-Ni sinh trường Trung Cấp Phật Học Thừa Thiên Huế, giờ đây hội đủ nhân duyên, bút giả bổ cứu để xuất bản, nhằm phổ biến tư tưởng Như Lai tạng Duyên khởi (Chân như Duyên khởi), hệ tư tưởng như thật giải đáp tận nguồn cội Nhân sinh và Vũ trụ quan, đến quý Tăng-Ni, Phật tử gần xa, mong chư vị đón nhận được nhiều pháp lạc. Sau cùng, khi dịch-giải một tác phẩm quan trọng và thâm sâu như bản luận này, chắc chắn có nhiều ngộ nhận, rất mong chư vị Tôn đức, Thiện hữu tri thức hoan hỷ chỉ giáo, nhằm bổ túc, hoàn thiện khi được tái bản.

Chùa Hồng Đức ngày 15 – 9 – 2012

Tỳ - kheo Thích Giác Quả

TỔNG MỤC
LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA

LỜI TỰA	5
CHƯƠNG I: NHẬN THỨC KHÁI QUÁT	10
I.I. Bối cảnh thành lập.	10
I.II. Bản dịch.	12
I.III. Tiểu sử Luận chủ.	14
I.IV. Sơ lược nội dung.	16
I.V. Giải thích đề luận.	19
CHƯƠNG II: NỘI DUNG TƯ TƯỞNG	25
II.I. Dàn ý nội dung.	25
II.II. Dịch giải.	31

CHƯƠNG I

NHẬN THỨC KHÁI QUÁT

I.1. BỐI CẢNH THÀNH LẬP.

Do căn cứ tên ghi ở bản Luận¹, nên những tác giả của các bản sơ giải đều đồng quan điểm rằng, luận *Khởi Tín* do Bồ-tát Mã Minh trước tác vào thời gian cách đức Phật nhập Niết-bàn khoảng 600 năm (khoảng cuối thế kỷ thứ I và đầu thế kỷ thứ II Tây lịch). Bồ-tát Mã Minh là một trong những bậc *Long Tượng* của Phật giáo Ấn Độ đương thời. Đây là thời kỳ đơm hoa kết trái, muôn sắc muôn hương của Phật giáo Đại thừa.

Vấn đề kiến giải của hàng phàm phu ngoại đạo luôn quanh quẩn trong lưới tà kiến là việc hiển nhiên; nhưng bấy giờ trong Phật giáo, tiêu biểu là hệ tư tưởng *A-tỳ-đàm* cũng rơi vào thiên chấp, khi xiển dương Nhân sinh quan (bao hàm cả Vũ trụ quan) của mình là *Nghiệp*

1 Bản Hán văn.

cảm Duyên khởi. Thiên chấp này được triển khai từ giáo nghĩa nguyên thủy là *năm uẩn* và *mười hai nhân duyên*, tức là từ giáo nghĩa Vô ngã mà rơi vào hữu ngã. Và, vấn đề bế tắc của Chủ thuyết này là Nghiệp tích lũy ở đâu và do đâu mà hiện hữu? Bế tắc này sau đó đã được trường phái Duy thức giải đáp với giáo nghĩa A-lại-da Duyên khởi. Tuy vậy, phái Duy thức vẫn chưa đáp ứng vướng mắc tế nhị: Do đâu mà có A-lại-da? Đây là tặng thượng duyên đẩy đưa sự phát khởi giáo nghĩa *Khởi Tín* với Chủ thuyết *Chân như Duyên khởi*. Với Chủ thuyết này, *Khởi Tín* đã đưa Nhân sinh quan (và Vũ trụ quan) Phật giáo đến tận uyên nguyên; đồng thời, vừa phủ nhận hệ tư tưởng thiên chấp của trường phái *A-tỳ-đàm*, cũng vừa hệ thống hóa giáo nghĩa Đại thừa về một mối. Và, theo bản ý Luận chủ, đây là *Pháp* cần phải được xiển dương để phát khởi và phát triển đức tin chính xác Đại thừa nhằm hạt giống Phật được tồn tại trong cuộc đời.

Tại đây, người học cần có nhận thức căn bản rằng, Duyên khởi là pháp mà đức Thế Tôn giác ngộ đêm cuối cùng tại cội Bồ-đề. Nói khác hơn, Tri kiến Phật

là Tri kiến về Duyên khởi. Đây là giáo nghĩa cốt lõi để các trường phái sau này (trường phái *A-tỳ-đàm* và các trường phái Đại thừa) triển khai lập thành giáo nghĩa và dẫn chứng biện minh cho hệ tư tưởng của mình. Một điểm trọng yếu khác, đối tượng nghe pháp Duyên khởi không ai khác hơn là con người và nội dung chủ yếu của Duyên khởi là Duyên khởi của con người. Chính thế, khi đức Phật tại thế cũng như các Luận chủ sau này, nói pháp Duyên khởi là nhằm nói cho con người, nói bởi con người, con người là một *sinh thể gồm vật lý và tâm lý*.

Cần nắm vững nội dung Duyên khởi và đối tượng Duyên khởi thuyết minh như thế, để khi đi vào tìm hiểu tư tưởng *Khởi Tín* qua Chánh văn mới khởi bị lệch hướng.

I.II. BẢN DỊCH.

Hiện tại, nguyên bản Phạn văn (Sanskrit) của luận *Khởi Tín* chưa được tìm thấy. Đây là cơ sở căn bản để một số học giả Phật giáo Trung Hoa và Nhật Bản lập luận rằng, tác giả *Khởi Tín* là người Tàu. Tuy nhiên, một số lớn các học giả khác đã lên tiếng phản đối kịch

liệt và kết luận rằng, những luận thuyết ấy không có bảo chứng.

Dù nguyên bản chưa được phát hiện, nhưng qua hai bản dịch Trung văn của Ngài Chân Đế và Thật-xoa-nan-đà, đều ghi tác giả bản luận là Bồ-tát Mã Minh. Qua đây, chúng ta tạm ổn định ghi nhận rằng, Luận chủ là Bồ-tát Mã Minh.

Hiện tại, trong Hán tạng và Việt dịch có các bản sau:

• **Hán dịch:** Có hai bản:

1. *Đại Thừa Khởi Tín* luận, Ngài Chân Đế (*Paramàntha Ba-la-mật-đà*) dịch vào năm 553 Tây lịch, đời nhà Lương.

2. *Đại Thừa Khởi Tín* luận, Ngài Thật-xoa-nan-đà (*Sankshànanda – Học Hỷ*) dịch vào năm 699 Tây lịch, đời nhà Đường.

• **Việt dịch:** Có bốn bản:

1. Luận *Đại Thừa Khởi Tín*, Bác sĩ Lê Đình Thám dịch (?).

2. *Khởi Tín* luận, Hòa thượng Trí Quang dịch, năm 1949.

3. Luận Đại Thừa Khởi Tín, Cao Hữu Đính dịch, năm 1983.

4. Khởi Tín luận, Hòa thượng Trí Quang dịch, năm 1993.

I.III. TIỂU SỬ LUẬN CHỦ.

Bồ-tát Mã Minh (Ásvaghosa) người nước Xá-vê (Savatthi) thuộc Trung Ấn Độ. Ngài sinh trưởng vào thời đại Quy Sương (Kusana), cùng thời với Vua Ca-nị-sắc-ca (Kaniska), vào khoảng đầu thế kỷ II Tây lịch. Ngài và Vua là đôi tri kỷ của nhau cho đến trọn đời.

Mã Minh là dịch nghĩa của từ Ásvaghosa, nghĩa đen là *ngựa kêu*, do tích khi Ngài chào đời, các chú ngựa trong địa phương đều cất tiếng hí vang. Lại có thuyết, sự thuyết pháp của Ngài quá thần tình bởi văn khí của thơ và nhạc, đến nỗi loài ngựa cũng cảm nhận được, nên hí lên mừng rỡ.

Ngài xuất thân từ Bà-la-môn giáo, là người đa tài và lĩnh vực nào cũng đều đạt đến đỉnh cao: Một thi sĩ, một nhạc sĩ; một học giả và cũng là một nhà hùng biện trứ danh. Sau khi quy hướng Phật giáo, tu tập trở thành một vị Tổ sư, Ngài còn là một trước thuật gia và một

triết gia lỗi lạc nữa. Chính Ngài đã đưa nền văn học Phật giáo Phạn văn (Sanskrit) lên đến tột đỉnh rực rỡ của nó.

Theo hệ thống *Phú pháp nhân duyên*, Ngài là vị Tổ thứ 11; nhưng theo *Phật Tổ truyền đăng lục* thì Ngài ở vị trí thứ 19. Có hai thuyết nói về Bổn sư của Ngài, nhưng thuyết Tổ Phú-na-xa (Phú-na-dạ-xa) là Bổn sư được đa số học giả chấp nhận hơn là thuyết Tổ Hiệp Tôn giả. Sử chép rằng, Ngài vốn là người chủ trương có *thật ngã*, nhưng khi đến biện luận với Tổ Phú-na-xa thì đành phải khuất phục. Do đây mà phát tâm xuất gia làm đệ tử của Tổ. Sau khi đắc pháp, Ngài nỗ lực hoằng dương giáo nghĩa Đại thừa bằng cả hai mặt, vừa thuyết giảng vừa trước thuật. Một trong những địa điểm chính thức hoằng pháp của Ngài là thành Hoa Thi, cố đô của nước Ma-kiệt-đà. Tác phẩm của Ngài rất nhiều, nhưng dịch ra Trung văn chỉ có một số ít, đó là: *Phật Sở Hành Tán*, *Đại Trang Nghiêm Kinh* luận, *Ni-kiền-tử Vấn Vô Ngã Nghĩa*, *Đại Tông Địa Huyền Văn Bản* luận, *Sự Sư Ngũ Thập Tụng* và *Đại Thừa Khởi Tín* luận... Tuy chỉ dịch được sáu tác phẩm, nhưng với số đó cũng đủ làm bảo chứng nói lên sự nghiệp và tư tưởng của Ngài.

I.IV. SƠ LƯỢC NỘI DUNG.

Trước khi nói về nội dung *Khởi Tín*; tại đây, chúng ta cần phải đi ngược thời gian, để tìm hiểu quá trình diễn tiến các Chủ thuyết cơ bản của Phật giáo, dẫn đến giáo nghĩa *Khởi Tín* ra đời.

- Khi khảo sát Giáo lý Duyên khởi là *năm uẩn* và *mười hai nhân duyên*, các Luận sư *A-tỳ-đàm* nhận thức rằng, xét mặt tuyệt đối thì không có một cái ngã chủ thể ở trong đó (Vô ngã); nhưng trên mặt tương đối thì có một thật ngã kế tục từ năm uẩn này qua năm uẩn khác, lưu chuyển trong sáu đường ba cõi (hữu ngã). Kết quả sự khảo sát này là Chủ thuyết *Nghiệp cảm Duyên khởi* ra đời. Kế tiếp, giáo nghĩa *A-lại-da Duyên khởi* xuất hiện, vừa để trả lời nguồn gốc của Chủ thuyết trên, cũng vừa giải đáp nghi vấn đương thời bởi tư tưởng *Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh* được xiển dương bởi các kinh Đại thừa, như *Bát-nhã*, *Duy Mật Cật*, *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*.v.v. Nghi vấn đó là: *Chúng sinh vốn có tánh Phật thì tại sao cứ mãi sinh tử khổ đau? Như thế, phải chăng tánh Phật không khuất phục được vô minh hay sao?* - Vấn đề này, trước

trường phái Duy thức đã có trên trăm bộ kinh nối tiếp xuất hiện, nhằm đáp án thắc mắc ấy, như kinh *Như Lai Tạng*, *Tư Ích*, *Nhập Lăng Già*, *Thắng Man* v.v... Tuy vậy, phải đợi đến khi trường phái Duy thức xuất hiện, nghi vấn đó mới có đáp án minh bạch. Dù trường phái Duy thức đạt đến đỉnh cao rực rỡ như thế, nhưng vẫn chưa giải đáp toàn triệt cho nghi vấn trên, đó là, vấn đề tương quan giữa *Mê* và *Ngộ*, giữa *Pháp tánh* và *Pháp tướng*, giữa *Phật* và *Chúng sinh* như thế nào? Nói khác hơn, vì sao chúng sinh mãi luân lưu sinh tử mà tánh Phật không mất? - Vấn đề này *Khởi Tín* giải thích rằng, khi chúng sinh đang còn luân lưu trong vòng sinh tử thì đức Phật tiềm ẩn trong tâm chúng sinh, thuật ngữ gọi là *Như Lai tại triền*, khi thoát khỏi trói buộc vô minh thì chúng sinh thành Phật, gọi là *Như Lai xuất triền*. Hiện tượng *tại triền* ấy, chính là sự tương quan giữa *Mê* và *Ngộ* hay giữa *Bất giác* và *Giác*. Và, qua giáo nghĩa *Chân như Duyên khởi*, *Khởi Tín* đã giải đáp nghi vấn ấy đến triệt để. Đến đây, pháp Duyên khởi được xem là phát huy đến tột cùng tiềm năng của nó. Sau này, Chủ thuyết *Pháp giới Duyên khởi* của trường phái *Hoa*

Nghiêm xuất hiện, đó là Chủ thuyết quy kết giáo nghĩa Tánh và Tướng của Duyên khởi nhất quán về một mối (trên *hiện thực đang là*).

Qua dòng diễn tiến đi đến chung cuộc vừa được trình bày, đã mở hướng giúp chúng ta nhận thức rằng, nội dung giáo nghĩa *Khởi Tín* vừa cô kết hệ tư tưởng của trường phái *A-tỳ-đàm*, vừa hệ thống hóa tư tưởng giáo nghĩa Đại thừa.

- Vậy nội dung *Khởi Tín* thuyết minh gì? -Đại lược để nói, nội dung *Khởi Tín* thuyết minh về *Chân như Duyên khởi* hay *Như Lai tạng Duyên khởi*. Bản thân Chân như có hai mặt: Mặt *Không như thật* (Chân không) và mặt *Bất không như thật* (Diệu hữu). *Không như thật* là Thể của Chân như, *Bất không như thật* là Tướng của Chân như. Như Lai tạng chính là mặt *Bất không như thật* của Chân như, là kho tàng tích chứa vô lượng công đức, còn được gọi là *Nhất Tâm*. Mặt Thể là mặt tuyệt đối, ly ngôn tuyệt tương, nên không thể phô diễn. Mặt Tướng là mặt tương đối nên có thể vận dụng tư tưởng, ngôn ngữ để lý giải. Do thế và chính thế, trọng tâm giáo nghĩa *Khởi Tín* là lý giải về *Như Lai*

tạng hay *Nhất Tâm*. Khởi phát đức tin Đại thừa chính là tin *Nhất Tâm* hay *Như Lai tạng* này đây. Và, Như Lai tạng chính là cái *Tâm đang là* của chúng ta chứ không phải cái gì nào khác.

Tóm lại, giáo nghĩa *Khởi Tín* nhằm thuyết minh hai điểm:

- Khởi phát đức tin chính xác giáo nghĩa Đại thừa.
- Khởi phát đức tin chính xác đối với cái *Tâm đang là* của chúng ta đây. Bản thân cái Tâm này vốn sẵn đủ Thế đại, Tướng đại và Dụng đại; đây là cái Tâm đồng nhất, đồng thời giữa *Các pháp-Chúng sinh-Phật-đà* biểu hiện khắp mười phương Pháp giới. Do sự thật này, luận *Khởi Tín* mới mệnh danh là *Nhất Tâm* hay *Đại thừa* (cỗ xe vĩ đại, cỗ xe trâu trắng chúa). Chính chư Phật đã cưới, chư Bồ-tát đang cưới và chúng sinh sẽ cưới xe này để đến cõi Phật. Điểm thứ hai này mới là chủ ý đích thực của giáo nghĩa *Khởi Tín*.

I.V. GIẢI THÍCH ĐỀ LUẬN.

(*Lược trích dịch theo giải thích của Pháp sư Bảo Tịnh*)

Năm chữ *Luận Khởi Tín Đại Thừa* là tổng thể yếu

nghĩa của bản luận. Qua yếu nghĩa này đã nói lên hơn một nửa nội dung bản luận.

- ĐẠI.

Tại đây, *Đại* là giọng ép để nói, nó không phải phản nghĩa của *Tiểu*; cũng không phải trước tiểu sau đại. Đại như thế là đại có hạn lượng, có thi chung. Ý nghĩa đích thực của *Đại* là hiện hữu nằm ngoài mọi đối đãi, siêu việt không gian thời gian, vô thi vô chung. *Đại* đây là *Bản Đại*, là Bản Thể của vạn pháp, chính ý nghĩa này mới được mệnh danh là *Đại*. Nói cụ thể hơn, *Đại* chính là *Tâm tánh hiện tại của chúng sinh, của chúng ta đây*. Nó vốn sẵn đủ Thể đại, Tướng đại và Dụng đại.

+ Gọi là *Thể đại*, vì Thể của Tâm này tánh của nó vốn bình đẳng, vượt mọi đối đãi *Có-Không, Thường-Đoạn.v.v.*

+ Gọi là *Tướng đại*, vì Thể tánh của Tâm vốn sẵn vô lượng, vô số công đức.

+ Gọi là *Dụng đại*, vì Tâm thường hoạt dụng thành mọi *Nhân quả tịnh-nhiễm* (thế gian, xuất thế gian).

Đây chỉ là phân biện để có một nhận thức, chứ trên sự thật *Ba Đại* này không hẳn độc lập mà cũng

không hẳn đồng nhất, chúng dung nhiếp vô ngại và chỉ là *Nhất Tâm* mà thôi, chính như thế mới gọi là *Đại*.

- THỪA.

Thừa là xe, nghĩa của nó là *vận chuyển, chuyên chở*. Nơi đây chỉ sự vận hành hiện tại của Tâm tánh, tức chỉ sự vận hành hiện tại của Tâm tánh do nhân duyên huân tập *Tịnh-Nhiễm, Mê-Ngộ* sai khác, mà có các thừa cao cấp, thăng trầm trong Pháp giới (mười giới). Nếu tâm mê muội, đầy kiến-tư hoặc, tạo tác đủ thứ thiện ác, đó là những hoạt động (Nghệp) đẩy đưa chúng sinh luân hồi trong *sáu loài ba cõi*. Đây là ý nghĩa *cưỡi xe hư lừa què*. Nếu ngộ được khổ đau sinh tử, đoạn trừ nguyên nhân của khổ, kính mộ chân lý Niết-bàn, tu tập con đường vô lậu với tâm lý tự độ; đó là nguyên nhân đưa chúng sinh đến hóa thành *Niết-bàn thiên không*. Đây là ý nghĩa *cưỡi xe dê*. Nếu giác ngộ các pháp là vô tự tánh, do duyên sinh mà có sinh diệt, Bản Thể của chúng vốn là Vô ngã; kiên cố tu tập như thế sẽ đưa hành giả đến hóa thành *Niết-bàn Chân không*. Đây là ý nghĩa *cưỡi xe nai*. Nếu phát tâm rộng lớn, tu tập nhiều công đức tự lợi, lợi tha; trên cầu

Phật quả dưới độ chúng sinh. Đó là nguyên nhân vận chuyển hành giả đến *Đại Niết-bàn*. Đây là ý nghĩa *cưỡi xe trâu*. Nếu hành giả triệt ngộ căn nguyên của sinh tử, Mê-Ngộ; thâm tín *Nhất Tâm* này chính là *Thật tướng Chân như*, nương Tri kiến thâm diệu này mà thể hiện các diệu hạnh, cùng đưa mình và người đạt đến trọng tâm ba đức Thể, Tướng, Dụng, nhập cứu cánh Niết-bàn. Đây là ý nghĩa *cưỡi xe trâu trắng chúa*.

Từ *Đại thừa* của bản luận, chủ yếu là nói cái *nhất niệm Tâm tánh* đang là của chúng ta đây, chính đó là cái Pháp *Đại bạch ngưu xa* vận chuyển chúng ta đến cõi Phật. Tuy thế, *Đại bạch ngưu xa* không hẳn ngoài ba xe, đó là xe trâu, xe nai, xe dê và cả xe lừa hư què nữa mà có. Các thừa đó, chính là những phương tiện dẫn đưa hành giả chứng đạt *Thật tướng Chân như*. Vì vậy, cần nhận thức chính xác rằng, tất cả *vọng* chính là *chân*, *chín cõi* không khác *cảnh Phật*, *ba thừa* không ngoài *nhất thừa*.

Tóm lại, Bản Thể của mọi hiện tượng mê vọng là *Đại thừa*. Nói khác hơn, không có sinh diệt thì không có Chân như.

- KHỞI TÍN.

Tức khởi phát đức tin trong sáng chính xác đối với Pháp Đại thừa (*Nhất Tâm*). Phàm phu, ngoại đạo do không tin Pháp này mà luân chuyển trong *sinh tử khổ đau*. Hàng Nhị thừa cũng do không tin Pháp này mà thỏa mãn với *hóa thành*. Đây là lý do tác động để Bồ-tát Mã Minh đặc biệt viết luận này, nhằm thuyết minh sự thật *Nhất Tâm* đó, giúp cho chúng đương cơ phá trừ mê chấp, hướng về Đại thừa mà trực nhập cõi Phật.

Tuy nhiên, tự Tâm (Bản Thể Tâm) vốn chẳng phải khởi, chẳng phải không khởi; do vì có nhân duyên Mê-Ngộ nên cần phải bàn sự sinh khởi đó. Chẳng hạn, khi mê muội *Nhất Tâm* thì khởi lên vô số nghi hoặc, gọi là *Kiến-tư hoặc, Trần sa hoặc, Vô minh hoặc*. Ngược lại, khi giác ngộ *Nhất Tâm* thì khởi phát Chánh tín thường hằng viên mãn. Qua đây, cần nhận thức rằng *Tin* là nền tảng của Phật pháp, là mẹ của tất cả thiện pháp.

Ý nghĩa *Khởi tín* của bản luận này là mong tất cả chúng sinh, do đây mà liễu ngộ, rồi phá chấp trừ nghi, khởi phát đức tin trong sáng toàn triệt mà thực hiện vạn hạnh công đức. Tuy vậy, đức tin này không phải

là tin các thiện pháp thế gian hay tin các pháp như Tứ nhiếp pháp, Lục độ... xuất thế gian. Đó là đức tin chấp các pháp ngoài Tâm, không phải đức tin mà bản luận muốn nói. Đức tin bản luận thuyết minh chính là đức tin thường hằng tuyệt đối, đức tin cái *Tâm tánh đang là* của ta, là Thực Thể viên dung, bất khả tư duy, vượt mọi đối đãi; là Bản Thể, là trọng tâm của Pháp giới. Tin như thế mới là đức tin Đại thừa. Đây là ý nghĩa: *Từ tự Tâm mà khởi phát đức tin và tin là tin cái tự Tâm này*. Khi đạt được đức tin như thế thì nghi hoặc nào chẳng trừ, vọng chấp nào chẳng tiêu! Và, đây mới là ý nghĩa đích thực của sự phát khởi đức tin Đại thừa vậy.

- LUẬN.

Ý nghĩa của *Luận* là dựa vào lý nghĩa Kinh-Luật để phân biện Chánh-Tà, giải đáp những nghi vấn, làm sáng tỏ lý nghĩa chính xác của Kinh-Luật, nhằm phá trừ những mê hoặc, kiến chấp. Do ý nghĩa ấy nên mệnh danh là *Luận* vậy.

CHƯƠNG II NỘI DUNG TƯ TƯỞNG

II.1. DÀN Ý NỘI DUNG

A. MỞ ĐỀ (Tựa).

B. NỘI DUNG (Chánh tông): Có 5 mục:

B.I. Lý do: Có 2 điểm:

B.I.1: Nói lý do.

B.I.2: Giải thắc mắc.

B.II. Chủ thuyết (Lập nghĩa).

B.III: Giải thích. Có 3 điểm:

B.III.1: Chỉ thị nghĩa lý chính xác về Tâm: Có 4 chi:

B.III.1.a: Tâm có hai mặt.

B.III.1.b: Nói mặt Chân như của Tâm biểu thị

Thể vĩ đại của Tâm: Có 2 tiết:

B.III.1.b¹: Nói về Chân như.

B.III.1.b²: Nói về hai mặt của Chân như.

B.III.1.c: Nói mặt sinh diệt của tâm để biểu thị

Thể-Tướng-Dụng vĩ đại của Tâm: Có 2 tiết:

B.III.1.c¹: *Nói sinh diệt và sinh diệt liên tục để biểu thị Thể-Tướng-Dụng vĩ đại của Tâm trong hai lĩnh vực Mê và Ngộ:* Có 2 tiểu tiết:

B.III.1.c¹a: *Nói sinh diệt:* Có 3 ý:

B.III.1.c¹a₁: *Nói nội dung sinh diệt:* Có 4 tiểu ý:

B.III.1.c¹a₁₋₁: *Nói tổng quát.*

B.III.1.c¹a₁₋₂: *Nói về Giác (Tuệ giác):* Có 3 tiểu ý phụ:

B.III.1.c¹a₁₋₂₋₁: *Nói về Giác và Thủ giác của Giác.*

B.III.1.c¹a₁₋₂₋₂: *Nói về Thể và Dụng của Giác sau khi hoàn thiện Thủ giác.*

B.III.1.c¹a₁₋₂₋₃: *Nói rõ thêm về sự trong sáng của Giác trước và sau khi hoàn thiện Thủ giác.*

B.III.1.c¹a₁₋₃: *Nói về Bất giác.*

B.III.1.c¹a₁₋₄: *Đối quán Giác với Bất giác.*

B.III.1.c¹a₂: *Nói yếu tố sinh diệt:* Có 2 tiểu ý:

B.III.1.c¹a₂₋₁: *Nói yếu tố làm cho ô nhiễm (Bất giác).*

B.III.1.c¹a₂₋₂: *Nói yếu tố làm cho trong sáng (Giác).*

B.III.1.c¹a₃: *Nói sắc thái sinh diệt.*

B.III.1.c¹b: *Nói sự sinh diệt liên tục:* Có 4 ý:

B.III.1.c¹b₁: *Nói tổng quát.*

B.III.1.c¹b₂: Nói pháp nhiệm liên tục như thế nào.

B.III.1.c¹b₃: Nói pháp tịnh liên tục như thế nào.

B.III.1.c¹b₄: Nói pháp nào bất diệt.

B.III.1.c²: Nói **Thể-Tướng-Dụng của Chân như để biểu thị Thể-Tướng-Dụng vĩ đại của Tâm trong lĩnh vực Ngộ**: Có 2 tiểu tiết:

B.III.1.c²a: Nói **Thể và Tướng vĩ đại của Chân như**.

B.III.1.c²b: Nói **Dụng vĩ đại của Chân như**.

B.III.1.d: Chỉ cách từ sinh diệt hội nhập **Chân như**.

B.III.2. Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm:
Có 3 chi:

B.III.2.a: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan **Nhân ngã**.

B.III.2.b: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan **Pháp ngã**.

B.III.2.c: Sửa chữa triệt để mọi sự ngộ nhận.

B.III.3: Phân tích sắc thái phát huy về Tâm: Có 4 chi:

B.III.3.a: Nói tổng quát về sự phát tâm.

B.III.3.b: Nói phát tâm bằng sự tin: Có 3 tiết:

B.III.3.b¹: *Nói tư cách và lý do phát tâm bằng sự tin:* Có 2 tiêu tiết:

B.III.3.b^{1a}: *Nói tư cách và lý do phát tâm của người được đứng vào Chánh định tu.*

B.III.3.b^{1b}: *Nói tư cách và lý do phát tâm của người chưa đứng vào Chánh định tu.*

B.III.3.b²: *Nói ba tâm được phát và bốn phương tiện được tu.*

B.III.3.b³: *Nói thành quả của sự phát tâm ấy.*

B.III.3.c: *Nói sự phát tâm bằng sự biết và làm.*

B.III.3.d: *Nói sự phát tâm bằng sự chứng:* Có 2 tiết:

B.III.3.d¹: *Nói sự phát tâm bằng sự chứng (và hoạt dụng của sự phát tâm ấy).*

B.III.3.d²: *Nói sự hoàn tất của sự phát tâm bằng sự chứng (tức là sự phát huy Tâm hoàn toàn).*

B.IV. Cách tu tập: Có 4 điểm:

B.IV.1: *Nói tư cách người tu sự tin.*

B.IV.2: *Nói tổng quát về sự tin và sự tu của sự tin mà người ấy phải tu.*

B.IV.3: *Đặc biệt nói về sự tu:* Có 5 chi:

B.IV.3.a: Nói về Thí;

B.IV.3.b: Nói về Giới;

B.IV.3.c: Nói về Nhẫn;

B.IV.3.d: Nói về Tấn;

B.IV.3.e: Nói về Chỉ và Quán: Có 4 tiết:

B.IV.3.e¹: Nói lược về Chỉ, Quán.

B.IV.3.e²: Nói rộng về Chỉ, Quán: Có 2 tiểu tiết:

B.IV.3.e²a: Nói rộng về Chỉ: Có 4 ý:

B.IV.3.e²a₁: Nói Chánh định Chân như.

B.IV.3.e²a₂: Nói Ma sự của Chánh định Chân như.

B.IV.3.e²a₃: Nói sự khác nhau giữa Tà định và Chánh định.

B.IV.3.e²a₄: Nói hiệu quả của Chánh định Chân như.

B.IV.3.e²b: Nói rộng về Quán: Có 2 ý:

B.IV.3.e²b₁: Nói lý do sự Quán.

B.IV.3.e²b₂: Nói bốn sự Quán.

B.IV.3.e³: Song tu Chỉ-Quán.

B.IV.3.e⁴: Chỉ-Quán đối trị.

B.IV.4: Chỉ cách đề phòng sự thoái chuyển.

B.V. Khuyến tu.

C. KẾT LUẬN (Lưu thông).

Ghi chú: DÀN Ý NỘI DUNG.

- A, B, C : Phần
- B.I, B.II, B.III v.v. : Mục
- B.III.1, B.III.2 v.v..... : Điểm
- B.III.1.a, B.III.1.b v.v..... : Chi
- B.III.1.a¹, B.III.1.b¹ v.v. : Tiết
- B.III.1c¹a, B.III.1c²a v.v. : Tiêu tiết
- B.III.1c¹a₁, B.III.1c²a₁ v.v. : Ý
- B.III.1c¹a₁₋₁, B.III.1c²a₁₋₂ v.v. : Tiêu ý
- B.III.1c²a₁₋₂₋₁, B.III.1c²a₁₋₂₋₂ v.v. : Tiêu ý phụ
- Tâm = Chân Tâm : Như Lai tạng
- tâm = Vọng tâm : A-lại-da thức

II.II. DỊCH GIẢI LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA

- Tác giả : Bồ-tát Mã Minh.
- Hán dịch : Tam tạng Chân Đế dịch vào thời đại nhà Lương, năm 553 TL.
- Dịch giải : Tỷ-kheo Thích Giác Quả.



A. MỞ ĐỀ.

• ÂM:

**Quy mạng thập phương: Tối thắng nghiệp
biến tri, sắc vô ngại tự tại, cứu thế Đại bi giả. Cật
bỉ thân Thê-Tướng, Pháp tánh Chân như hải. Vô
lượng công đức tạng, như thật tu hành đẳng. Vị dục
linh chúng sinh, trừ nghi xả tà chấp, khởi Đại thừa
Chánh tín, Phật chủng bất đoạn cố.**

• NGHĨA:

Kính lạy Tam Bảo khắp mười phương:

Hành động chư Phật thì siêu tuyệt,
 Hiểu biết thì rớt ráo cùng khắp,
 Thân thể thì vô ngại tự tại,
 Từ bi cứu khổ mọi chúng sinh.

Pháp là Thể-Tướng của thân Phật,
 Cũng là biển Pháp tánh Chân như.
 Tăng là những vị tu hành như thật,
 Kho công đức của Pháp nói trên.

Con viết luận này giúp chúng sinh,
 Trừ diệt nghi ngờ, bỏ tà chấp,
 Phát đức tin chính xác Đại thừa,
 Đề giống Phật không bị mất đi.

• **GIẢI:**

1- Tam Bảo là khởi điểm vừa là tâm điểm cũng vừa là đích điểm của mọi người con Phật, do thế và chính thế, mọi hành động trong tiến trình tu tập của hành giả, không thể quên hay lìa Tam Bảo. Quên hay lìa Tam Bảo là vong bản, là rơi vào tà đạo. Trước thuật là Bồ thí pháp, là một trong những hạnh nguyện căn bản của Phật tử (Bồ-tát), nên quy kính, tán thán Tam Bảo là việc thiết yếu và tất nhiên.

2- Bởi sự thật trên, mở đầu tác phẩm của mình, Bồ-tát Mã Minh đã xác minh lòng tin đối với Tam Bảo. Xuyên qua các từ Ngài dùng trong bài tụng này đã hé mở cho chúng ta nhận được tông chỉ và tư tưởng mà Ngài sắp trình bày:

- Trước hết, đức Phật đề cập ở đây là *đức Phật Báo thân*, tức vị mà ba nghiệp đã hoàn thiện một cách tuyệt đối: Ý thì *Chánh biến tri*, thấu suốt chân lý Pháp giới; sắc thân thì *thù thắng vô ngại*, tùy duyên ứng hóa; khẩu thì *tùy cơ thuyết pháp* cứu đời.

- Pháp nơi đây là *Thể-Tướng Báo thân Phật*. Thể-Tướng đó chính là biển Pháp tánh Chân như, là kho tàng chứa đựng vô lượng công đức. Kho tàng này, thuật ngữ gọi là *Như Lai tạng*; mở cửa trực nhập kho tàng này chính là thời điểm thành tựu Báo thân Phật thù thắng.

- Tạng nơi đây là chỉ hàng Thập địa Bồ-tát (Bồ-tát Tạng). Vì khi tu chứng lên hàng này mới thật sự đoạn từng phần vô minh để chứng đắc từng phần Chân như. Đây là ý nghĩa mà Ngài bảo là *tu hành như thật*.

Qua trên, chủ ý của giáo nghĩa *Khởi Tín* nhằm thuyết minh *cái Pháp*, Pháp đó chính là *Như Lai tạng*

hay *Nhất Tâm*, là cái kho tàng đang tiềm ẩn trong mỗi chúng sinh. Khi trực nhập *Như Lai tạng* chính là thành tựu Báo thân Phật. Và, hành giả đang trực tiếp mở kho tàng này là hàng Thập địa Bồ-tát.

3- Sau khi xác minh đức tin của mình, tiếp đến (bốn câu cuối), Luận chủ trình bạch ý nguyện của mình lên Tam Bảo khi viết luận văn này, đề cầu Tam Bảo chứng minh gia hộ. Ý nguyện đó chính là trừ nghi xả tà, bằng cách xiển dương đức tin chính xác Đại thừa. Hàng phàm phu, ngoại đạo thì tin vào Nhất thân, hoặc Đa thân, đó gọi là tà chấp. Hàng Nhị thừa thì không tin hoặc tin mà không chính xác Đại thừa, đó gọi là nghi ngờ. Xiển dương đức tin chính xác Đại thừa là nói lên sự thật: *Ai cũng có thể thành Phật*. Nhưng Phật là do đức tin Đại thừa làm nên, đức tin Đại thừa chính là tự tin Tâm mình là Phật vậy. Đây là trọng tâm mà *Khởi Tín* nhằm thuyết minh, hầu phục hưng tinh thần nhân bản cố hữu của Phật giáo mà đức Phật đã xác minh. Và, chính thế, *Khởi Tín* đã không ngần ngại gọi *Đại thừa* là *Tâm* của chúng ta đây.



B. NỘI DUNG (Phần Chánh tông).

• ÂM:

Luận viết: Hữu pháp năng khởi Ma-ha-diễn tín căn, thị cố ưng thuyết. Thuyết hữu ngũ phần. Vân hà vi ngũ? -Nhất giả Nhân duyên phần. Nhị giả Lập nghĩa phần. Tam giả Giải thích phần. Tứ giả Tu hành tín tâm phần. Ngũ giả Khuyến tu lợi ích phần.

• NGHĨA:

Có một hệ tư tưởng có thể phát khởi đức tin Đại thừa (Mahayàna) nên cần phải nói, nội dung này gồm năm mục: Mục một là Lý do. Mục hai là Chủ thuyết. Mục ba là Giải thích. Mục bốn là Cách tu. Mục năm là Khuyến tu.

• GIẢI:

1- Luận chủ giới thiệu nội dung luận văn gồm có năm mục cơ bản và Luận chủ sẽ tuần tự thuyết minh. Nói khác hơn, do năm mục này mà bản luận có tên *Khởi tín Đại thừa*. Tức là, đem tư tưởng Đại thừa mà phát khởi và phát triển đức tin Đại thừa. Nội dung phát khởi, phát triển đức tin này chính là tin cái *Tâm Đại*

thừa của chúng ta đây. Tóm lại, nội dung *Khởi tín* chủ yếu là nói về *Tâm Đại thừa* (Nhất Tâm, Như Lai tạng) và phương pháp phát huy cái Tâm ấy.

2- Một số học giả tiền bối sắp xếp mục Lý do (Nhân duyên phần) là phần Tựa, mục năm (mục Khuyến tu) là phần Lưu thông, ba mục giữa là phần Chánh tông. Tuy vậy, người soạn lại xếp đoạn khởi đầu là phần Tựa, bốn câu cuối là phần Lưu thông, năm mục trên là phần Chánh tông.



B.I. LÝ DO: (gồm 2 điểm):

B.I.1: Nói Lý do.

• **ÂM: SƠ THUYẾT NHÂN DUYÊN PHẦN.**

Vấn viết: Hữu hà Nhân duyên nhi tạo thử luận?

Đáp viết: Thị Nhân duyên hữu bát. Vân hà vi bát? -Nhất giả, nhân duyên tổng tướng; sở vị, vị linh chúng sinh ly nhất thiết khổ, đắc cứu cánh lạc, phi cầu thế gian danh lợi cung kính cố. Nhị giả, vị dục giải thích Như Lai căn bản chi nghĩa, linh chúng sinh chánh giải bất mậu cố. Tam giả, vị linh thiện

căn thành thực chúng sinh, u Ma-ha-diễn pháp, kham nhậm bất thời tín cố. Tứ giả, vị linh thiện căn vi thiếu chúng sinh, tu tập tín tâm cố. Ngũ giả, vị thị phương tiện, tiêu ác Nghiệp chướng cố, thiện hộ kỳ tâm, viễn ly si mạn, xuất tà vãng cố. Lục giả, vị thị tu tập Chỉ-Quán, đối trị phàm phu, Nhị thừa tâm quá cố. Thất giả, vị thị chuyên niệm phương tiện, sinh u Phật tiền, tất định Bất thời tín tâm cố. Bát giả, vị thị lợi ích, khuyến tu hành cố. Hữu như thị đẳng Nhân duyên, sở dĩ tạo luận.

• NGHĨA: TRƯỚC HẾT NÓI LÝ DO.

Hỏi: Vì Lý do gì mà trước thuật luận *Khởi tín*?

Đáp: Lý do ấy có tám điểm: Một, lý do tổng quát, nghĩa là vì muốn làm cho mọi người thoát khỏi mọi thứ khổ não, đạt an vui tuyệt đối, chứ chẳng phải mong cầu danh lợi hay sự tôn kính của thế nhân. Hai, vì muốn giải thích nghĩa lý căn bản của đức Như Lai, làm cho mọi người hiểu rõ chân xác không bị lầm lẫn. Ba, vì muốn làm cho thiện căn của mọi người thành thực để đủ sức gánh vác Đại thừa và đức tin không bị thoái chuyển. Bốn, vì muốn làm cho những người thiện căn yếu kém

tu tập đức tin. Năm, vì muốn chỉ bày phương pháp để loại trừ các chướng ngại do Nghiệp ác gây ra, khéo léo giữ gìn tâm trí, xa lìa ngu si, ngã mạn, ra khỏi mạng lưới tà ma. Sáu, vì muốn chỉ phương pháp tu tập Chỉ và Quán, để sửa đổi những lỗi lầm của tâm trí phạm phu và Nhị thừa. Bảy, vì muốn chỉ phương pháp chuyên tâm niệm Phật để được vãng sinh trước Phật, thì chắc chắn đức tin không bị thối chuyển. Tám, vì muốn xiển dương sự lợi ích để khuyến khích tu hành. Bởi những lý do như thế nên phải viết luận *Khởi Tín* này.

• **GIẢI:**

1- Đây là đoạn chính thức đi vào nội dung của bản luận. Nơi đây, Luận chủ nêu tám lý do đã khích lệ Luận chủ phải viết luận văn này. Xét tám lý do, lý do thứ nhất là chung cho tất cả các trường phái Phật giáo, bảy lý do sau là lý do riêng của *Khởi tín*. Đặc biệt lý do thứ hai: “...*Giải thích nghĩa lý căn bản của đức Như Lai...*” là lý do chủ yếu mà *Khởi Tín* nhằm thuyết minh; và giáo nghĩa căn bản của đức Như Lai chính là giáo nghĩa *Như Lai tạng* hay *Nhất Tâm*.

2- Qua nội dung các lý do trên đã xác minh với

chúng ta rằng, hạnh nguyện của Phật giáo nói chung, và hạnh nguyện của Bồ-tát nói riêng là hạnh nguyện vì thế gian đau khổ mà cứu nhân độ thế, đây cũng là hạnh nguyện của Bồ-tát Mã Minh. Nói khác hơn, nơi nào hiện hữu khổ đau thì chính nơi đó có Phật giáo.



B.I.2: Giải Thác mắc.

• ÂM:

Vấn viết: Tu-đa-la trung cụ hữu thử pháp, hà tu trùng thuyết?

Đáp viết: Tu-đa-la trung tuy hữu thử pháp, dĩ chúng sinh căn hạnh bất đẳng, thọ giải duyên biệt. Sở vị Như Lai tại thế, chúng sinh lợi căn, năng thuyết chi nhân, sắc-tâm nghiệp thắng, viên âm nhất diễn, dị loại đặc giải, tác bất tu luận. Nhược Như Lai diệt hậu, hoặc hữu chúng sinh, năng dĩ tự lực quảng văn nhi thử giải giả. Hoặc hữu chúng sinh, diệc dĩ tự lực thiếu văn nhi đa giải giả. Hoặc hữu chúng sinh, vô tự trí lực, nhân ư quảng luận nhi đặc giải giả. Diệc hữu chúng sinh phục dĩ quảng luận văn đa vi

phiền, tâm nhạo tổng trì, thiếu văn nhi nhiếp đa nghĩa, năng thủ giải giả. Như thị thử luận vị dục tổng nhiếp Như Lai quảng đại thâm pháp vô biên nghĩa cố, ưng thuyết thử luận.

• **NGHĨA:**

Hỏi: Trong các kinh đã sẵn đủ những nguyên lý đáp ứng cho những lý do nêu trên, cần gì phải nói lại nữa?

Đáp: Trong các kinh tuy có đủ các nghĩa lý đó, nhưng vì căn cơ mọi người không giống nhau nên sự tiếp nhận, lý giải phải sai khác. Như khi đức Như Lai còn tại thế, người nghe thì căn tánh lanh lợi, người nói là đức Như Lai, thân và tâm của Ngài đều siêu việt, âm thanh thì hoàn hảo, nên mỗi khi nói ra, căn cơ người nghe tuy sai khác, nhưng lý giải như nhau. Vì thế, không cần đến luận. Nhưng, sau khi đức Như Lai nhập Niết-bàn, có người đem trí lực của mình nghe kinh văn nhiều mới lĩnh hội được. Có người cũng đem trí lực của mình nhưng nghe kinh văn ít mà lĩnh hội rộng sâu. Có người tự mình không đủ trí lực để hiểu kinh văn mà phải nhờ các luận văn giải thích phong phú mới lĩnh

hội được. Lại cũng có những người tự mình không có trí lực để hiểu kinh văn, nhưng cho các luận phong phú là văn nhiều phiền phức, chỉ thích tiếp nhận bản luận nào trình bày tổng quát, văn ít mà nghĩa lý đầy đủ, mới lĩnh hội được. Tóm lại, luận này vì muốn tổng quát vô biên nghĩa lý rộng sâu của Pháp Phật, nên phải viết ra.

• **GIẢI:**

1- Qua mục giải đáp nghi vấn này, Luận chủ đã khẳng định đậm nét hai điểm chủ yếu:

- *Thứ nhất*, đối tượng chủ yếu để viết luận văn thuyết trình là hàng căn cơ không đủ trí lực để hiểu bản ý của đức Phật qua kinh văn mà phải nhờ vào luận văn, nhưng phải là luận văn có nội dung ngắn gọn và hàm súc.

- *Thứ hai*, nội dung bản luận là hệ thống hóa giáo nghĩa rộng sâu mà bốn mươi lăm năm đức Như Lai đã tuyên thuyết.

2- Pháp Phật thì mênh mông vô hạn lượng. Tuy vậy, đối tượng mà đức Phật đặt căn bản để thuyết giáo là con người, bởi con người. Chính thế, trọng tâm giáo pháp nhằm thuyết minh là cái Tâm của con người. Cụ thể nhất, thời vận chuyển bánh xe pháp đầu tiên, đức

Phật đã xác minh điều đó. Trong bốn sự thật (Tứ đế), hai sự thật đầu là thuyết minh sự sinh hoạt hướng hạ của cái tâm con người (Nhân quả lưu chuyển), hai sự thật sau là thuyết minh sự sinh hoạt hướng thượng (Nhân quả hoàn tịnh). Và, suốt quá trình bốn mươi lăm năm giáo hóa, đức Phật chỉ khai triển bốn sự thật đó mà thôi. Điều này đức Phật đã nhiều lần minh xác: “*Suốt 45 năm, Ta chỉ nói lên sự khổ và con đường diệt khổ*”. Nội dung giáo nghĩa nguyên thủy là thế, nhưng sau khi đức Phật nhập diệt, vào thời kỳ bộ phái, các hành giả thiên về ngôn thuyết, lý luận, với những Chủ thuyết thiên chấp, xa nguồn. Đó là lý do xa gần để *Khởi Tín* ra đời, nhằm phục hưng tinh thần nhân bản cố hữu của Phật giáo mà đức Phật đã xiển dương.

Tóm lại, giáo nghĩa *Khởi Tín* là cô kết Pháp Phật về một mối, đó là giáo nghĩa *Nhất Tâm* (Như Lai tạng), thuyết minh về cái *Tâm đang là* của con người. Nói cách khác, thuyết minh về sự tương quan giữa *Mê* và *Ngộ*, giữa *Tánh* và *Tướng*, giữa *Chúng sinh* và *Phật*.



B.II. CHỦ THUYẾT (Lập nghĩa).

• ÂM:

Dĩ thuyết Nhân duyên phần, thứ thuyết Lập nghĩa phần. Ma-ha-diễn giả, tổng thuyết hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả Pháp, nhị giả Nghĩa. Sở ngôn Pháp giả, vị chúng sinh Tâm; thị Tâm tắc nhiếp nhất thiết thế gian pháp, xuất thế gian pháp. Y u thử Tâm, hiển thị Ma-ha-diễn nghĩa. Hà dĩ cố? Thị Tâm Chân như tướng, tức thị Ma-ha-diễn Thể cố; thị Tâm sinh diệt nhân duyên tướng, năng thị Ma-ha-diễn tự Thể, Tướng, Dụng cố. Sở ngôn Nghĩa giả, tắc hữu tam chủng. Vân hà vi tam? -Nhất giả Thể đại, vị nhất thiết pháp Chân như bình đẳng, bất tăng giảm cố. Nhị giả Tướng đại, vị Như Lai tạng cụ túc vô lượng tánh công đức cố. Tam giả Dụng đại, năng sinh nhất thiết thế gian, xuất thế gian thiện Nhân quả cố. Nhất thiết chư Phật bản sở thừa cố, nhất thiết Bồ-tát, giai thừa thử pháp, đáo Như Lai địa cố.

• NGHĨA:

Mục Lý do đã nói xong, bây giờ nói mục Chủ

thuyết. Tổng quát để nói, Đại thừa có hai phương diện: Một là bản thân Đại thừa (*Pháp*), hai là ý nghĩa của bản thân ấy (*Nghĩa*). Gọi là bản thân Đại thừa chính là Tâm chúng sinh, Tâm ấy bao gồm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian (Pháp giới Nhất Tâm), nên căn cứ Tâm ấy mà biểu thị ý nghĩa Đại thừa, tại sao như vậy? -Bởi vì, mặt Chân như của Tâm ấy là biểu thị cái Thể Đại thừa; mặt sinh diệt của Tâm ấy là biểu thị cái tự Thể, tự Tướng, tự Dụng của Đại thừa. Gọi là ý nghĩa bản thân Đại thừa tức ba ý nghĩa trên: Một là Thể đại, đó là ý nghĩa tất cả pháp chính là Chân như bình đẳng, bất biến; hai là Tướng đại, đó là ý nghĩa Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tánh đức; ba là Dụng đại, đó là ý nghĩa xuất phát toàn bộ Nhân và Quả thiện của thế gian và xuất thế gian.

Tất cả chư Phật đã vận dụng và tất cả chư vị Bồ-tát đang vận dụng cái Tâm này mà đạt quả vị Như Lai.

• GIẢI:

1- Luận Khởi Tín ra đời với một lập trường mới, do thế, việc tất yếu là cần phải giới thiệu Chủ thuyết của mình; đó là Chủ thuyết *Chân như Duyên khởi* hay

Như Lai tạng Duyên khởi. Chủ thuyết mới thì hẳn nhiên phải dùng thuật ngữ mới để thích nghi với tư tưởng; chính thế, nơi đây Luận chủ phải xác minh ý nghĩa của các thuật ngữ đó.

Thuật ngữ *Đại thừa* mà luận văn dùng, theo Luận chủ có hai nghĩa, thứ nhất là bản thân Đại thừa (Pháp, Nhất Tâm), thứ hai là ý nghĩa của bản thân đó (Nghĩa). Tiếp theo, Luận chủ nói thẳng vấn đề: “*Bản thân Đại thừa chính là Tâm chúng sinh*” chứ không phải cái gì khác. Chính lẽ đó, muốn hiểu Đại thừa là gì phải nương vào Tâm chúng sinh để khảo sát.

2- “*Bản thân Đại thừa*” (Tâm chúng sinh) vốn có hai mặt: Mặt *Chân như* và mặt *sinh diệt*. Nói khác hơn, mặt Bản Thể và mặt Hiện tượng hay mặt tuyệt đối và mặt tương đối. Mặt *Chân như* thì ly ngôn tuyệt tướng, không thể nói năng gì được; mặt *sinh diệt* là biểu hiện Tướng, Dụng của tâm. Do thế, có thể dùng tư duy, ngôn ngữ để trình bày. Nói rõ hơn, *Chân như* là Bản Thể của Tâm (Đại thừa); *sinh diệt* là biểu thị cái “*tự Thể, tự Tướng và tự Dụng*” của Tâm (Đại thừa).

Tại đây, cần nhận thức rõ *Thể* và *tự Thể* sai khác

thế nào? Các trường phái Đại thừa, khi xét *Tâm chúng sinh* trên mặt Bản Thể thì gọi là *Nhất Thể Nhất Tâm*, nghĩa là cái Tâm (Nhất Tâm) đồng đẳng, nhất như với Bản Thể Pháp giới (Nhất Thể). Khi xét trên mặt hiện tượng thì gọi là *tam tự Nhất Tâm*, nghĩa là cái Tâm có Thể riêng, Tướng riêng và Dụng riêng (tự Thể, tự Tướng, tự Dụng).

+ *Tự Thể*: Chỉ ngay cái Tâm chúng sinh mà nói.

+ *Tự Tướng*: Như Lai tạng đầy đủ vô lượng công đức đang tiềm ẩn bên trong tâm chúng sinh.

+ *Tự Dụng*: Năng lực của Tâm chúng sinh thường sinh khởi Nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian.

- “*Ý nghĩa bản thân Đại thừa*” (Tâm chúng sinh) chính là ba ý nghĩa vừa nói, tức Thể đại, Tướng đại và Dụng đại. *Đại* ở đây là *vĩ đại*, hiện hữu khắp Pháp giới:

+ Tự Thể Tâm chúng sinh vĩ đại, là cái Chân như đồng đẳng, bất biến; vì tất cả các pháp đều nhiếp thâu trong *Nhất Tâm* này.

+ Tự Tướng Tâm chúng sinh vĩ đại, là Như Lai tạng sẵn đủ vô lượng công đức.

+ Tự Dụng Tâm chúng sinh vĩ đại, là năng lực

sinh khởi Nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian.

Tâm chúng sinh vốn sẵn Thế đại, Tướng đại và Dụng đại như thế, nên *Tâm* ấy được mệnh danh là *Đại*. Đồng thời, chư Phật đã cưới, chư Bồ-tát đang cưới và chúng sinh sẽ cưới *Tâm* ấy để đạt Niết-bàn. Nên được mệnh danh là *Thừa*.

Tóm lại, cái được gọi là *Đại thừa tức cái Tâm đang là của chúng sinh*, chứ không phải cái gì khác.

3- Qua phần giới thiệu Chủ thuyết của *Khởi Tín*, chúng ta đã nhận chân được lập trường của Luận chủ là phục hoạt cái tinh thần nhân bản mà đức Phật đã xiển dương. Trọng tâm Pháp Phật là xuất phát từ *Nhân ý luận*; nói cách khác, đức Phật lấy con người làm trung tâm để thuyết giáo, nên giáo nghĩa của Phật là giáo nghĩa nói về *con người*, con người với *tâm lý*, *vật lý đang là* của chúng ta đây. Đây là điểm cơ bản mà người học cần có nhận thức chính xác, để khỏi rơi vào ngộ nhận đáng tiếc, hay lạc hướng khi học Pháp Phật.



B.III. GIẢI THÍCH. *Phân định có 3 điểm:*

• ÂM:

Dĩ thuyết Lập nghĩa phần, thứ thuyết Giải thích phần. Giải thích hữu tam chủng, vân hà vi tam? -Nhất giả, hiển thị chánh nghĩa. Nhị giả, đối trị tà chấp. Tam giả, phân biệt phát thú đạo tướng.

• NGHĨA:

Mục Chủ thuyết đã nói xong, bây giờ là mục Giải thích. Giải thích Chủ thuyết trên có ba điểm: Một là Chỉ thị nghĩa lý chính xác về Tâm; hai là Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm; ba là Phân tích sắc thái phát huy về Tâm.

• GIẢI:

1- Nội dung đoạn Giải thích giáo nghĩa Chân như Duyên khởi này (Như Lai tạng, Nhất Tâm) có hai phần chính: Phần Phân định ba điểm và phần Giải thích ba điểm đó. Ở trên là phần *Phân định ba điểm*.

- Nội dung điểm một là Giải thích ý nghĩa đích thực của Tâm (Như Lai tạng). Nội dung điểm hai là Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm của đối tượng đương thời nói riêng và tất cả chúng sinh nói chung. Nội dung

điểm ba là Phân tích sắc thái của Tâm trong tiến trình tu tập từ sơ phát tâm đến đạt cứu cánh.

2- Khi xiển dương một Chủ thuyết, để Chủ thuyết đó được tán đồng, phát triển, thì không thể không biện minh về Chủ thuyết đó. Biện minh thì không thể không giải thích nghĩa lý đích thực của Chủ thuyết, không thể không nói lên tư tưởng sai lầm của đương thời, và không thể không trình bày tiêu đích mà Chủ thuyết nhắm đến.



Giải thích ba điểm:

B.III.1: Chỉ thị nghĩa lý chính xác về Tâm (gồm có 4 chi):

B.III.1.a: Tâm có hai mặt.

B.III.1.b: Nói mặt Chân như của Tâm biểu thị Thể vĩ đại của Tâm (có 2 tiết):

B.III.1.c: Nói mặt sinh diệt của Tâm biểu thị Thể, Tướng, Dụng vĩ đại của Tâm (có 2 tiết):

B.III.1.d: Chỉ cách từ sinh diệt hội nhập Chân như.

B.III.2: Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm (gồm có 3 chi):

B.III.2.a: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan nhân ngã.

B.III.2.b: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan pháp ngã.

B.III.2.c: Sửa chữa triệt để mọi sự ngộ nhận.

B.III.3: Phân tích sắc thái phát huy về Tâm (gồm có 4 chi):

B.III.3.a: Nói tổng quát về sự phát tâm.

B.III.3.b: Nói sự phát tâm bằng sự tin (có 3 tiết):

B.III.3.c: Nói sự phát tâm bằng sự biết và sự làm.

B.III.3.d: Nói sự phát tâm bằng sự chứng (có 2 tiết):



B.III.1: Chỉ thị nghĩa lý chính xác về Tâm (gồm có 4 chi):

B.III.1.a: Tâm có hai mặt:

• **ÂM:**

Hiển thị chánh nghĩa giả, y Nhất Tâm pháp,

hữu nhị chủng môn. Vân hà vi nhị? -Nhất giả, Tâm Chân như môn. Nhị giả, tâm sinh diệt môn. Thị nhị chủng môn, giai các tổng nhiếp nhất thiết pháp. Thử nghĩa vân hà? -Dĩ thị nhị môn, bất tương ly cố.

• NGHĨA:

Chỉ thị nghĩa lý chính xác về Tâm, Tâm này có hai mặt. Hai mặt ấy là gì? -Đó là mặt Chân như và mặt sinh diệt. Hai mặt này, mặt nào cũng bao quát toàn thể các pháp. Tại sao như thế? -Bởi vì hai mặt ấy không phải tách rời nhau.

• GIẢI:

1- Đoạn này là khởi đầu giải thích chính thức Chủ thuyết đã nêu ở trước. Mục Chủ thuyết xác định: “*Đại thừa chính là Tâm chúng sinh*”. Do vậy, tại đây dựa vào Tâm chúng sinh để giải thích, làm hiển lộ ý nghĩa chính xác của Đại thừa (Tâm).

2-Như mục Chủ thuyết đã giải thích sơ lược về Tâm, tại đây, vừa khẳng định lại ý nghĩa đó, vừa đi vào chi tiết đầy đủ hơn. Đoạn trên đây khẳng định lại: *Tâm có hai mặt, đó là mặt Chân như và mặt sinh diệt*. Đây là hai mặt của sự thật Nhất Tâm. Hai mặt này không

phải là một, cũng không hẳn là khác, chúng không tách rời nhau mà nương nhau để hiện hữu. Tương tự như hai mặt của một tờ giấy, mặt phải mặt trái không thể rời nhau, mà nương nhau để có tờ giấy. Chính sự thật đó, nên Luận chủ bảo rằng, mặt nào của Tâm cũng đều bao quát tất cả các pháp trong Pháp giới.



B.III.1.b: Nói mặt Chân như của Tâm biểu thị Thể vĩ đại của Tâm (có 2 tiết):

B.III.1.b¹: Nói về Chân như.

• **ÂM:**

Tâm Chân như giả, tức thị nhất Pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể, sở vị Tâm tánh bất sinh bất diệt. Nhất thiết chư pháp, duy y vọng niệm nhi hữu sai biệt. Nhược ly vọng niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng. Thị cố nhất thiết pháp, tùng bản dĩ lai, ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng; tất cánh bình đẳng, vô hữu biến dị, bất khả phá hoại. Duy thị Nhất Tâm cố danh Chân như. Dĩ nhất thiết ngôn thuyết, giả danh

vô thật; dẫn tùy vọng niệm, bất khả đắc cố. Ngôn Chân như giả, diệt vô hữu tướng. Vị ngôn thuyết chi cực, nhân ngôn khiến ngôn. Thử Chân như Thể, vô hữu khả khiến, dĩ nhất thiết pháp, tắt giai *Chân cố*. Diệt vô khả lập, dĩ nhất thiết pháp giai đồng *Như cố*. Đương tri nhất thiết pháp bất khả thuyết, bất khả niệm, cố danh *Chân như*.

Vấn viết: Nhược như thị nghĩa giả, chư chúng sinh đẳng, vân hà tùy thuận nhi năng đắc nhập?

Đáp viết: Nhược tri nhất thiết pháp, tuy thuyết vô hữu năng thuyết khả thuyết, tuy niệm diệt vô hữu năng niệm khả niệm. Thị danh tùy thuận. Nhược ly u niệm danh vi đắc nhập.

• NGHĨA:

Chân như của Tâm tức là Bản Thể của Pháp giới (Nhu Lai tạng, Nhất Tâm), đó là *Tánh* bất sinh bất diệt của Tâm. Tất cả các pháp chỉ do phân biệt (vọng niệm) mà có sai khác. Nếu tách rời phân biệt thì sẽ không có mọi tướng trạng. Do vậy mà biết tất cả các pháp xưa nay vốn phi ngôn ngữ, phi văn tự, phi nhận thức (đê lục thức). Tuyệt đối bình đẳng, bất biến, không thể phá

hủy, chỉ là *Nhất Tâm* (toàn là Tâm Thể đồng nhất) nên gọi là Chân như. Mọi ngôn ngữ chỉ là giả danh không có thực chất, chỉ tùy thuộc phân biệt chứ không có gì có thể nắm bắt được. Gọi là Chân như cũng không phải là một đối tượng, mà là một ngôn ngữ tột đỉnh, do ngôn ngữ này để hủy bỏ ngôn ngữ. Nhưng bản thân Chân như thì không thể hủy bỏ, vì tất cả các pháp đều là *Chân*. Đồng thời, nó chẳng phải do thiết lập mà có, vì tất cả pháp đều là *Như*. Cần phải hiểu tất cả các pháp phi diễn tả, phi phân biệt, chính đó là *Chân như*.

Hỏi: Chân như như thế thì chúng sinh làm sao *thích ứng* để thể nhập Chân như?

Đáp: Nếu biết tất cả pháp tuy diễn tả nhưng siêu việt diễn tả (năng) và đối tượng diễn tả (sở); tuy phân biệt nhưng siêu việt phân biệt và đối tượng phân biệt, đó là *thích ứng*, và tách rời phân biệt (niệm) đó là *thể nhập* Chân như vậy.

• **GIẢI:**

1- Đoạn này là giải thích về *bản thân Chân như*. Mặt Chân như của Tâm chính là Bản Thể của Pháp giới, hay Bản Thể của pháp môn *Nhất Pháp giới đại*

tổng tướng. Pháp môn *Nhất Pháp giới đại tổng tướng* chính là *Như Lai tạng* mà *Khởi Tín* nhằm thuyết minh. Như thế, *Chân như* chính là *Bản Thể của Như Lai tạng*.

Nhất ở đây là toàn bộ, toàn thể; *Pháp giới* là phạm trù của các pháp thể gian và xuất thể gian; do vậy, ý nghĩa đích thực của *Nhất Pháp giới* là toàn bộ hết thảy các pháp hữu vi và vô vi. Vì *Nhất Pháp giới* chính là *Như Lai tạng* hay chính là *Nhất Tâm*.

Đại tổng tướng ở đây chính là *tự Tướng* (tướng riêng của Tâm) đã giải thích ở trước. Do vậy *tự Tướng của Nhất Tâm* chính là *Đại tổng tướng của Nhất Pháp giới* hay *Đại tổng tướng của Như Lai tạng*.

Tóm lại, *Chân như* là *Bản Thể* của cái *Tâm đang là* của chúng ta, cũng tức là *Bản Thể* của *Pháp giới* vậy.

2- *Chân như* là mặt *Bản Thể*, là mặt bất biến (tuyệt đối) của *Tâm* (*Như Lai tạng*); tại đây, siêu việt tất cả mọi ngôn ngữ, tướng trạng và phân biệt. Nói gọn, *Chân như* là cảnh giới tuyệt đối lia hết thảy tướng, lia hết thảy duyên (*Duyên sinh*).

3- *Bản thân Chân như* như vừa nói, là bất dứt mọi ý niệm phân biệt, thế thì con người làm sao thích ứng,

làm sao thể nhập Chân như? –Muốn *thích ứng* và *thể nhập* Chân như không phải tìm kiếm đâu xa, mà ở ngay trong *cuộc sống đang là* của chúng ta: Làm tất cả mọi việc thiện phụng sự cuộc đời với tinh thần vô năng-sở, đó là *thích ứng* Chân như; lìa tất cả phân biệt, đó là *thể nhập* Chân như.



B.III.1.b²: *Nói về hai mặt của Chân như.*

• ÂM:

Phục thứ, Chân như giả, y ngôn thuyết phân biệt, hữu nhị chủng nghĩa. Vân hà vi nhị? -Nhất giả, *như thật Không*, dĩ năng cứu cánh hiển thật cố. Nhị giả, *như thật Bất không*, dĩ hữu tự Thể cụ túc, vô lậu tánh công đức cố. Sở ngôn *Không giả*, tòng bản dĩ lai, nhất thiết nhiễm pháp, bất tương ưng cố. Vị ly nhất thiết pháp, sai biệt chi tướng, dĩ vô hư vọng tâm niệm cố. Đương tri Chân như tự tánh, phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu tướng, phi phi vô tướng, phi hữu-vô câu tướng; phi nhất tướng, phi dị tướng, phi phi nhất tướng, phi phi dị tướng, phi

nhất-dị câu tướng. Nãi chí tổng thuyết, y nhất thiết chúng sinh, dĩ hữu vọng tâm, niệm niệm phân biệt, giai bất tương ưng, cố thuyết vi *Không*; nhược ly vọng tâm, thật vô khả không cố. Sở ngôn *Bất không giả*, dĩ hiển Pháp Thể, không vô vọng cố, tức thị Chân Tâm, thường hằng bất biến, tịnh pháp mãn túc, tắc danh *Bất không*. Diệc vô hữu tướng khả thủ, dĩ ly niệm cảnh giới, duy chứng tương ưng cố.

• NGHĨA:

Thêm nữa, nếu phân tích theo ngôn ngữ thì Chân như có hai mặt: Một là *Không như thật* (*Không đúng như thật*), vì biểu thị Thực Thể một cách trọn vẹn; hai là *Bất không như thật* (*Có đúng như thật*), vì Thực Thể vốn đầy đủ mọi tánh công đức.

- Gọi là *Không*, vì xưa nay Chân như vốn không thích hợp với mọi sự ô nhiễm. Nghĩa là, Chân như nằm ngoài mọi phạm vi so sánh, siêu việt mọi phân biệt không thật. Cần nhận thức tự tánh Chân như là phi khẳng định, phi phủ định, phi cả vừa khẳng định vừa phủ định, phi luôn cả vừa không khẳng định vừa không không phủ định (tứ cú); phi đồng nhất, phi biệt lập,

phi cả vừa đồng nhất vừa biệt lập, và phi luôn cả vừa không đồng nhất vừa không biệt lập. Tổng quát để nói, chúng sinh thì hay phân biệt, phân biệt liên tục, nhưng mọi sự phân biệt ấy không thích hợp với Chân như, nên gọi là *Không*. Nếu tách rời phân biệt thì chẳng có cái không nào để nói.

- Gọi là *Bất không*, vì Bản Thể các pháp vốn không, không có sự hư giả; Bản Thể đó chính là *Chân Tâm*, thường hằng bất biến, sung mãn mọi pháp thanh tịnh, nên gọi là *Bất không*. *Bất không* như thế không phải có cái tướng để có thể nắm bắt, vì đó là cảnh giới siêu việt mọi phân biệt, chỉ có thực chứng mới *thích ứng* mà thôi.

• **GIẢI:**

1- Đoạn trên (B.III.1.b¹) là đứng về mặt *ly ngôn* để biểu thị *Thể* của Chân như (tức nói về *bản thân Chân như*); đoạn này là đứng về mặt *y ngôn* để biểu thị *Tướng của Chân như* (tức nói *ý nghĩa bản thân Chân như*). Tướng Chân như chính là *Không* và *Bất không*.

- Gọi là *Không* bởi lẽ bản thân Chân như không hiện hữu mọi pháp ô nhiễm, không có mọi đối đãi của

tâm-cảnh. Nói rõ hơn, *Không* ở đây chính là *không ô nhiễm, không phân biệt*, tuyệt đối thanh tịnh, chính thể mới gọi là *Không như thật*. Giáo nghĩa Bát-nhã thuyết minh *Không* này là Thực Thể của Chân như, vốn ly tứ cú, tuyệt bách phi. Rời xa tứ cú, tuyệt dứt bách phi thì Thực Thể Bát-nhã hiển lộ rõ ràng. Thực Thể Bát-nhã chính là *Không như thật* này đây, và nói theo ngôn ngữ Bát-nhã thì chính *Không như thật* này là *Chân không* vậy.

- Gọi là *Bất không (Có như thật)* cũng không phải cái gì khác hơn cái *Không* ở trên. Như trên đã nói, *Không* đây là không ô nhiễm, tuyệt đối thanh tịnh, và *Bất không* chính là sự hiện hữu mọi công đức thanh tịnh như thật này đây. Nói theo ngôn ngữ Bát-nhã thì đây chính là *Diệu hữu* vậy.

2- *Không* và *Bất không* là ý nghĩa bản thân *Chân như*, hay là hai mặt *Thể* và *Tướng* của Chân như. Tại đây, nói hai mặt *Thể-Tướng* chỉ là gượng ép để nói, trên sự thật chỉ là *Nhất Thể*, lìa mọi phân biệt, tướng trạng, duyên sinh (mặt tĩnh). Điểm cần chú ý tại đây, đó là mặt *Tướng* này (*Bất không, Diệu hữu*) Luận chủ mệnh danh là *Như Lai tạng*, có khi gọi là *Nhất Pháp*

giới đại tổng tướng hay Nhất Tâm. Và, đây là trọng tâm giáo nghĩa Khởi Tín nhằm thuyết minh; đồng thời, cũng do đây mà được gọi hệ tư tưởng trường phái Khởi Tín.



B.III.1.c: Nói mặt sinh diệt của Tâm để biểu thị Thể, Tướng và Dụng vĩ đại của Tâm (Có 2 tiết):

B.III.1.c¹: *Nói sinh diệt và sinh diệt liên tục để biểu thị Thể, Tướng, Dụng vĩ đại của Tâm trong hai lĩnh vực Mê và Ngộ* (có 2 tiểu tiết).

B.III.1.c²: *Nói Thể, Tướng, Dụng của Chân như để biểu thị Thể, Tướng và Dụng vĩ đại của Tâm trong lĩnh vực Ngộ* (có 2 tiểu tiết).



B.III.1.c¹: *Nói sinh diệt và sinh diệt liên tục để biểu thị Thể, Tướng, Dụng vĩ đại của Tâm trong hai lĩnh vực Mê và Ngộ* (có 2 tiểu tiết):

B.III.1.c¹.a: *Nói sinh diệt* (có 3 ý):

B.III.1.c¹.a₁: *Nói nội dung sinh diệt* (có 4 tiểu ý):



B.III.1.c¹.a₁₋₁: Nói tổng quát.

• **ÂM:**

Tâm sinh diệt giả, y Như Lai tạng, cố hữu sinh diệt tâm. Sở vị bất sinh bất diệt dữ sinh diệt hòa hợp, phi nhất phi dị, danh vi A-lại-da thức. Thử thức hữu nhị chủng nghĩa, năng nhiếp nhất thiết pháp, sinh nhất thiết pháp. Vân hà vi nhị? -Nhất giả Giác nghĩa, nhị giả Bất giác nghĩa.

• **NGHĨA:**

Sự sinh diệt của tâm là do Như Lai tạng mà có tâm sinh diệt. Sự kiện tâm sinh diệt này là sự hòa hợp giữa bất sinh bất diệt và sinh diệt một cách không phải đồng nhất cũng không phải biệt lập, và được gọi là Thức A-lại-da. Thức A-lại-da này có hai mặt, có công năng thu nhiếp và sinh khởi tất cả các pháp, đó là mặt Giác và mặt Bất giác.

• **GIẢI:**

1- Đoạn này là khởi đầu nói về mặt sinh diệt của tâm để biểu thị Thể, Tướng và Dụng vĩ đại của Tâm. Mặt sinh diệt có hai điểm chính: Thứ nhất là nói về sinh diệt và sinh diệt liên tục để biểu thị Thể, Tướng,

Dụng vĩ đại của Tâm trong lĩnh vực Mê và Ngộ; thứ hai là nói về Thê, Tướng, Dụng của Chân như để biểu thị Thê, Tướng và Dụng vĩ đại của Tâm trong lĩnh vực Ngộ. Điểm thứ nhất là hệ tư tưởng của *Lãng Già* và *tông Pháp Tướng*; điểm thứ hai là hệ tư tưởng về ba thân của đức Phật.

2- Và, đoạn này là khởi đầu nói về điểm chính thứ nhất. Trước hết, nói tổng quát về nguồn gốc của tâm sinh diệt (tâm chúng sinh). Sở dĩ có tâm sinh diệt là do nương ở tự Tướng của Nhất Tâm, tức nương vào Như Lai tạng mà có. Như Lai tạng là kho tàng tiềm ẩn vô lượng công đức vô lậu bất sinh diệt (mặt tịnh), là nguồn cội để Nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian phát khởi. Ở chúng sinh thì hiện hữu cả tịnh lẫn nhiễm, do vậy Như Lai tạng đổi danh là Thức A-lại-da, để làm cơ sở phát khởi các pháp thanh tịnh và pháp ô nhiễm ấy. Do ý nghĩa này, nên Luận chủ nói Thức A-lại-da này có năng lực thâm nhiếp và sinh khởi tất cả các pháp: Pháp tịnh là ý nghĩa *Giác*, pháp nhiễm là ý nghĩa *Bất giác*.

3- Như thế, A-lại-da hiện hữu là ý nghĩa hiện hữu các pháp nhiễm; và, bản thân A-lại-da vừa dung chứa

pháp tịnh (Giác, Chân) vừa dung chứa pháp nhiễm (Bất giác, Vọng); đây là ý nghĩa mà Luận chủ gọi là *hòa hợp*. Giác là bất sinh diệt, Bất giác là sinh diệt, đây là ý nghĩa *không phải đồng nhất*; tuy nhiên, xét trên Thể tánh, Bất giác vốn là tánh duyên sinh hay tánh Vô ngã, đây là ý nghĩa *chẳng phải biệt lập*. Ý nghĩa này là sự tương quan giữa *Mê* và *Ngộ* hay giữa *Chúng sinh* và *Phật*, cũng là đáp án cho nghi vấn đương thời vậy.



B.III.1.c¹.a₁₋₂: Nói về Giác (Tuệ giác, có 3 tiểu ý phụ):

B.III.1.c¹.a_{1-2,1}: Nói về Giác và Thi giác của Giác.

• **ÂM:**

Sở ngôn Giác nghĩa giả, vị Tâm Thể ly niệm. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến; Pháp giới Nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp thân. Y thử Pháp thân thuyết danh Bản giác. Hà dĩ cố? Bản giác nghĩa giả, đối Thi giác thuyết; dĩ Thi giác giả, tức đồng Bản giác. Thi giác nghĩa giả, y Bản giác cố, nhi hữu Bất giác, y Bất giác cố, thuyết hữu Thi giác. Hựu dĩ Giác Tâm nguyên cố,

đanh *Cứu cánh giác*; Bất giác Tâm nguyên cố, *Phi Cứu cánh giác*.

Thử nghĩa vân hà? Như phàm phu nhân, giác tri tiền niệm khởi ác cố, năng chỉ hậu niệm linh kỳ bất khởi; tuy phục danh Giác, tức thị *Bất giác cố*. Như Nhị thừa quán trí, sơ phát ý Bồ-tát đẳng, giác u niệm dị, niệm vô dị tướng; dĩ xả thô phân biệt chấp trước tướng cố, danh *Tương tự giác*. Như Pháp thân Bồ-tát đẳng, giác u niệm trụ, niệm vô trụ tướng; dĩ ly phân biệt thô niệm tướng cố, danh *Tùy phần giác*. Như Bồ-tát địa tận, mãn túc phương tiện, nhất niệm tương ưng, Giác Tâm sơ khởi; Tâm vô sơ tướng, dĩ viễn ly vi tế niệm cố, đặc kiến Tâm tánh, Tâm tức thường trụ, danh *Cứu cánh giác*. Thị cố Tu-đa-la thuyết: Nhược hữu chúng sinh, năng quán vô niệm giả, tác vi hướng Phật trí cố.

Hựu Tâm khởi giả, vô hữu sơ tướng khả tri, nhi ngôn tri sơ tướng giả, tức vị vô niệm. Thị cố nhất thiết chúng sinh, bất danh vi Giác, dĩ tòng bản lai, niệm niệm tương tục, vị tăng ly niệm, cố thuyết vô thử vô minh. Nhược đặc vô niệm giả, tác tri tâm

tướng Sinh-Trụ-Dị-Diệt, dĩ vô niệm đẳng cố, nhi thật vô hữu Thỉ giác chi dị, dĩ tứ tướng câu thời nhi hữu, giai vô tự lập, bổn lai bình đẳng, đồng nhất Giác cố.

• NGHĨA:

Gọi là *Giác* vì Tâm Thể tách rời mọi phân biệt. Tâm Thể tách rời phân biệt ấy (*Giác*) chính là *Pháp tánh đồng nhất*, đồng đẳng với không gian phổ biến toàn thể; là *Pháp thân bình đẳng* mà Như Lai đã chứng ngộ; chính *Pháp thân* này được gọi là *Bản giác* (Tuệ giác vốn sẵn). Tại sao như vậy? -Vì nghĩa của *Bản giác* là đối chiếu với *Thỉ giác* (Tuệ giác mới có) mà gọi như vậy, trên thực tế thì *Thỉ giác đồng nhất với Bản giác*. *Thỉ giác* nghĩa là nương vào *Bản giác* nên nói có *Bất giác*, và nương vào *Bất giác* nên nói có *Thỉ giác*. Lại nữa, do giác ngộ thấu triệt Tâm Thể thì gọi là *Cứu cánh giác*, không giác ngộ thấu triệt Tâm Thể thì gọi là *Phi Cứu cánh giác*.

Ý nghĩa ấy như thế nào? -Trước hết, những phàm phu giác ngộ được cái phân biệt (niệm) trước là ác, nên chế ngự phân biệt sau không cho khởi lên; như thế, tuy

cũng gọi là *Giác* nhưng vẫn là *Bất giác*. Thứ hai, hàng Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm, giác ngộ được cái phân biệt sai khác với Tâm Thể, nên chỉ theo phân biệt không sai khác; như thế là xả bỏ sự chấp thủ của phân biệt thô, nên gọi là *Twong tự giác*. Thứ ba, các vị Bồ-tát đã chứng *Pháp thân*, giác ngộ được cái phân biệt trú ở Tâm Thể, nên chỉ theo phân biệt không trú; như thế là xả bỏ cái phân biệt thô, nên gọi là *Tùy phân giác*. Sau hết, các vị Bồ-tát tận cùng địa vị, đã viên mãn cách tu, *thích ứng* rốt ráo với Tâm Thể, nên giác ngộ khởi lên nơi Tâm Thể; nhưng Tâm Thể ấy đâu có cái khởi lên, chỉ vì khi tách rời phân biệt vi tế thì thấy được Tâm Thể, Tâm liền an trú vĩnh viễn, nên gọi là *Cứu cánh giác*. Do bốn trạng thái trên mà khế Kinh đã dạy rằng, nếu người nào biết chiêm nghiệm *Vô niệm* tức là hướng về Trí tuệ Phật.

Lại nữa, nói Tâm Thể phát khởi nhưng thật sự không có khởi điểm (sơ tướng) để biết được; nói biết khởi điểm chính là nói Vô niệm. Do vậy mà chúng sinh không được gọi là *Giác*, vì lẽ xưa nay phân biệt liên tục, chưa từng bao giờ tách rời phân biệt, cho nên

gọi vô minh có từ vô thi. Nếu thể nhập được Vô niệm thì giác ngộ bốn trạng thái Sinh-Trụ-Dị-Diệt của tâm tướng, vì Vô niệm là bình đẳng; mà, thật ra không có cái *Thi giác* nào khác, vì nó có cùng lúc và không biệt lập với bốn trạng thái, xưa nay *đồng nhất cùng một tánh Giác* vậy.

• **GIẢI:**

1- Nội dung đoạn này nói về ý nghĩa của *Giác*. Giác là nói tổng quát, Giác ở đây chính là Pháp thân của Như Lai, là Chân như, là Như Lai tạng, là Nhất Tâm, là Phật tánh.v.v.. vốn sẵn có ở mỗi chúng sinh.

a. Trên mặt ý nghĩa để nói, nội dung *Giác* có hai: *Bản giác* và *Thi giác*. Bản giác là Bản Thể của Tâm (Phật tánh, Chân như...) vốn hiện hữu từ vô thi đến vô chung. Thi giác là sự giác ngộ mới có, là kết quả rốt ráo của quá trình tu tập; nội dung tu tập là xả bỏ bốn trạng thái phân biệt từ thô đến tế của *Diệt-Trụ-Dị-Sinh*. Xả bỏ rốt ráo bốn phân biệt này là nội dung đoạn tận *Bất giác* (vô minh); và, *Thi giác* là thời điểm hành giả giác ngộ *Bản giác* vốn sẵn xưa nay của mình.

b. Bốn trạng thái phân biệt:

- *Thứ nhất*: Biết được phân biệt trước là xấu ác nên chế ngự phân biệt sau không cho khởi lên, đây là trạng thái *đoạn diệt* (diệt tướng), và cái phân biệt bị chế ngự này là các phiền não. Sự giác ngộ này là cái biết của hàng phàm phu (hàng Thập tín), chưa phải là cái Giác đích thực, chỉ là cái biết, biết được sự suy nghĩ xấu ác mà đình chỉ, nên vẫn gọi là *Bát giác* hay *Giả danh giác*.

- *Thứ hai*: Giác ngộ được cái phân biệt sai khác với Tâm Thể, nên chỉ theo Tâm Thể, đây là trạng thái *dị biệt* (dị tướng), và, phân biệt này căn bản là chấp ngã, chấp pháp. Sự giác ngộ này là cái biết phạm trù đối kháng nhau mà không phải là Tâm Thể, chính thế mới gọi là *Tương tự giác*. Đây là sự giác ngộ của hàng Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm (Tam hiền: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hướng).

- *Thứ ba*: Giác ngộ được cái phân biệt trú Tâm Thể, nên chỉ theo phân biệt không trú Tâm Thể, đây là trạng thái *hiện hữu* (trụ tướng); và, phân biệt này là đối tượng hóa Tâm Thể mà nắm bắt. Sự giác ngộ này là hủy cả cái đối tượng hóa ấy, chính thế gọi là *Tùy phân giác*.

Đây là sự giác ngộ của các vị Bồ-tát đã chứng Pháp thân (hàng Thập địa). Ba sự giác ngộ trên là giác ngộ sự phân biệt thuộc thô tướng.

- *Thứ tư*: Giác ngộ khởi lên nơi Tâm Thể, đây là trạng thái *phát khởi* (sinh tướng); và, phân biệt này là phân biệt khởi lên, thấy được khi tách rời phân biệt, hội nhập Tâm Thể, chính thể mới gọi là *Cứu cánh giác*. Đây là sự giác ngộ của các vị Bồ-tát cao nhất (Đẳng giác) để hoàn thành quả vị Phật-đà. *Diệt-Dị-Trụ-Sinh* là bốn trạng thái thô-tế của Bất giác (vô minh) mà đã được Thi giác sửa trị.

2- Nói đến *Thi giác* thì phải nói đến đối tượng của Thi giác, đối tượng Thi giác chính là Tâm Thể vô phân biệt (Tâm Thể ly niệm), chính là Chân như tách rời *nhất niệm vô minh* (phân biệt tối sơ). Nhưng *nhất niệm* ấy thật sự có không? Nói khác hơn, nó có tướng trạng gì không? -Thế gian cho rằng, *niệm* là thật có và có tướng của nó. Luận chủ tạm chấp nhận *niệm có thật tướng*, và đã có tướng đương nhiên phải chuyển biến qua bốn trạng thái *Sinh-Trụ-Dị-Diệt* như các tướng của thế gian. Căn cứ vào giả thiết này, Luận chủ chứng

minh rằng, *niệm* ấy là hư vọng, ảo ảnh, qua quá trình khảo sát hoàn diệt bốn tướng ấy từ *Diệt* đến *Sinh*. Khi tách rời niệm (phân biệt) tức thấy niệm ấy chỉ là ảo tưởng, bấy giờ tất cả đều quy về nguồn Tâm duy nhất, và Pháp thân hiển lộ toàn vẹn (hội nhập Tâm Thể ly niệm).

3- Khi nói giác *Tướng diệt* chỉ là ngăn chặn tư tưởng xấu; giác *Tướng dị thực* chất là phá *hai chấp phân biệt*; giác *Tướng trụ* thực chất là phá *hai chấp câu sinh*; khi giác *Tướng sinh* mới chính thức phá trừ *Tướng nghiệp* (Căn bản vô minh), chỉ khi phá trừ tướng nghiệp mới *thích ứng Vô niệm*, mới là *Cứu cánh giác*, ngoài ra chỉ là *phi Cứu cánh giác* mà thôi.



B.III.1.c'.a_{1-2,2}: Nói về Thể và Dụng của Giác sau khi hoàn thiện Thi giác.

• **ÂM:**

Phục thứ, Bản giác tùy nhiễm phân biệt, sinh nhị chủng tướng, dữ bỉ Bản giác, bất tương xả ly. Vân hà vi nhị? -Nhất giả Trí tịnh tướng, nhị giả

Bất tư nghị nghiệp tướng. Trí tịnh tướng giả, vị y pháp lực huân tập, như thật tu hành, mãn túc phương tiện cố, phá Hòa hiệp thức tướng, diệt Tương tục tâm tướng, hiển hiện Pháp thân, trí thuần tịnh cố. Thử nghĩa vân hà? Dĩ nhất thiết tâm thức chi tướng, giai thị vô minh. Vô minh chi tướng, bất ly Giác tánh, phi khả hoại, phi bất khả hoại. Như đại hải thủy, nhân phong ba động, thủy tướng phong tướng, bất tương xả ly, nhi thủy phi động tánh. Nhược phong chỉ diệt, động tướng tắc diệt, thấp tánh bất hoại cố. Như thị chúng sinh, tự tánh thanh tịnh Tâm, nhân vô minh phong động, tâm dữ vô minh câu vô hình tướng, bất tương xả ly, nhi Tâm phi động tánh; nhược vô minh diệt, tương tục tắc diệt, trí tánh bất hoại cố.

Bất tư nghị nghiệp tướng giả, dĩ y Trí tịnh tướng, năng tác nhất thiết thắng diệu cảnh giới. Sở vị vô lượng công đức chi tướng, thường vô đoạn tuyệt; tùy chúng sinh căn, tự nhiên tương ưng, chủng chủng nhi hiện, giai lợi ích cố.

• **NGHĨA:**

Thêm nữa, khi Bản giác (Giác) loại trừ hết ô nhiễm Bất giác thì có hai trạng thái không tách rời nó. Đó là *Trí tuệ trong sáng*² và *Hoạt dụng siêu việt*³ (Trí tịnh tướng và Bất tư nghị nghiệp tướng).

- *Trí tuệ trong sáng* là nhờ sức mạnh của *Pháp*⁴ huân tập mà tu hành một cách chính xác, hoàn thiện rốt ráo sự tu, nên phá *Thức hòa hiệp*⁵, diệt *Tâm liên tục*⁶ làm Pháp thân hiển lộ, Trí tuệ tinh khiết. Ý nghĩa này thế nào? -Vì mọi hiện trạng *Tâm thức* đều là vô minh (Bất giác), nhưng vô minh thì không tách rời tánh Giác, nên không phải có thể hủy diệt hay không phải không thể hủy diệt. Ví như nước trong đại dương vì gió mà nổi sóng, gió và sóng cùng hỗ tương mà động, nhưng tánh của nước thì không động; nếu gió dừng thì sóng hết và tánh ướt của nước vẫn y nguyên. Tâm Thể

2 *Trí tuệ trong sáng*: Bản Thể của Bản giác (Giác, Tâm...).

3 *Hoạt dụng siêu việt*: Diệu Dụng của Bản giác (Giác, Tâm...).

4 *Pháp*: Pháp tại đây là chỉ Chân như và giáo pháp xuất từ Chân như.

5 *Thức hòa hiệp*: Thức A-lại-da (pháp tịnh và nhiễm).

6 *Tâm liên tục*: Pháp nhiễm của A-lại-da (chính là Ý và Ý thức sẽ nói ở đoạn sau).

thanh tịnh của chúng sinh cũng tương tự như thế, vì vô minh mà tâm động (động cái Dụng của Tâm). Nhưng Tâm Thể thì không biến động; tâm động này với vô minh vốn không hình tướng (Vô ngã) và không biệt lập (cùng khởi); nên khi vô minh hủy diệt thì *Tâm liên tục* (tâm động, nhiễm pháp) diệt, chứ Tâm Thể bất diệt.

- *Hoạt dụng siêu việt* chính là nương ở *Trí tuệ trong sáng* mà hoạt hiện mọi sự siêu việt tối diệu. Đó là *vô lượng công đức, thường hằng bất diệt*. Tùy theo căn cơ của chúng sinh mà *thích ứng* tự nhiên, biểu hiện đủ mọi dạng thức làm cho ai cũng được lợi ích.

• **GIẢI:**

1- Đoạn này là nói trạng thái hoàn tịnh (Như Lai xuất triền), tức kết quả hội nhập Bản giác vốn có của mọi chúng sinh. Như trước đã đề cập, bản thân A-lại-da là dung chứa cả pháp tịnh lẫn pháp nhiễm; trong dòng sinh tử, nhờ Bản giác huân tập bên trong mà đưa đến kết quả Thi giác, chuyên nhiễm thành tịnh để hội nhập Bản giác. Hội nhập Bản giác chính là làm hiển lộ nội dung: *Trí tuệ trong sáng* (Thể) và *Hoạt dụng siêu việt* (Dụng).

2- Kết quả *Trí tuệ trong sáng* là nương nhờ sự huân tập bên trong (nội huân) của Chân như (Chân Tâm) và huân tập bên ngoài (ngoại huân) của giáo pháp. Qua tiến trình tu tập *tỷ quán* ở hàng *Tam hiền*, khi bước lên hàng *Thập địa* mới chính thức *tu hành như thật*. Tại đây, hành giả *trực quán* Chân Tâm (Chân như), cứ đoạn một phần vô minh là chứng một phần Chân như (Pháp thân). Và, khi thực hiện pháp tu rốt ráo, chứng quả *Bát địa* thì thâm chứng Chân như, hành giả đoạn trừ dần dần A-lại-da (Thức hòa hiệp), và hủy diệt các pháp nhiễm của A-lại-da (Tâm liên tục), bấy giờ Chân Tâm ra khỏi mọi ô nhiễm, Pháp thân hiển lộ, Bản Thể của *Giác* hoàn toàn trong sáng (Trí tuệ trong sáng).

3- Sợ rằng thánh giả sẽ hoài nghi cho rằng *Khởi Tín* chủ trương *đoạn kiến* khi bảo hủy diệt A-lại-da và *Tâm liên tục*. Nói khác hơn, hủy diệt cái sinh diệt (tướng) thì cái bất sinh diệt (Thể) có hủy diệt hay không? -Đại lược, Luận chủ giải đáp rằng, nương vào Giác (Tâm Thể) mà có vô minh, Giác và vô minh (Bất giác) là bất nhất bất dị, không tách rời nhau. *Bất nhất* bởi lẽ Giác là vô sinh diệt, *vô minh* là sinh diệt; *Bất dị* vì Bản Thể

Giác và vô minh đồng đẳng là Tánh Vô ngã không tách rời nhau, vì cùng Nhất Thể Tánh Vô ngã và hiện hữu đồng thời (vô thi). Chính ý nghĩa này, nên mới nói: *Có thể và không thể hủy diệt vô minh*. Tức là, hủy diệt là hủy diệt *cái tướng sinh diệt* của vô minh, không thể hủy diệt là vì Bản Thể vô minh là Vô ngã, đồng đẳng với Giác.

Tóm lại, hủy diệt tại đây là hủy diệt cái vọng tâm sinh diệt, khi vọng tâm vắng mặt chính là thời điểm hội nhập Tâm Thể (Nhu Lai tạng), và Tâm Thể (Pháp thân) hiển lộ trong sáng một cách trọn vẹn (Trí tuệ trong sáng).

4- *Hoạt dụng siêu việt* chính là cái Diệu Dụng của *Trí tuệ trong sáng* hay Diệu Dụng của Như Lai tạng. Khi hội nhập Như Lai tạng tức hội nhập kho tàng vốn sẵn vô lượng công đức vô lậu. Công đức này thường hằng bất diệt và phát khởi thành những Nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian, tùy theo căn cơ chúng sinh mà làm lợi ích cho tất cả, Phẩm *Phổ Môn* diễn tả ba mươi hai hóa thân của Bồ-tát Quán Âm, chính là cái Diệu Dụng bất tư nghị này đây.

5- Hai trạng thái *Trí tuệ trong sáng* và *Hoạt dụng siêu việt* chính là Bản Thể và Diệu Dụng của Bản giác (Chân Tâm) sau khi xuất triền (Như Lai xuất triền) do Thỉ giác sửa trị.



B.III.1.c¹.a₁₋₂₋₃: Nói rõ thêm về sự trong sáng của Giác trước và sau khi hoàn thiện Thỉ giác.

• **ÂM:**

Phục thứ, Giác Thể Tướng giả, hữu tứ chủng đại nghĩa, dữ hư không đẳng, do như tịnh cảnh. Vân hà vi tứ? -Nhất giả, như thật Không cảnh, viễn ly nhất thiết tâm cảnh giới tướng, vô pháp khả hiện, phi giác chiếu nghĩa cố. Nhị giả, Nhân huân tập cảnh, vị như thật Bất không, nhất thiết thế gian cảnh giới tất ư trung hiện; bất xuất bất nhập, bất thất bất hoại, thường trụ Nhất Tâm, dĩ nhất thiết pháp, tức chân thật tánh cố; hựu nhất thiết nhiễm pháp sở bất năng nhiễm, trí Thể bất động, cụ túc vô lậu huân chúng sinh cố. Tam giả, Pháp xuất ly cảnh, vị Bất không pháp, xuất phiền não ngại trí ngại, ly

hòa hiệp tướng, thuần tịnh minh cố. Tứ giả, Duyên huân tập cảnh, vị y *Pháp xuất ly cố*; biến chiếu chúng sinh chi tâm, linh tu thiện căn, tùy niệm thị hiện cố.

• NGHĨA:

Nói thêm, nội dung Bản Thể của Giác có bốn sự vĩ đại, đồng đẳng như không gian và giống như đài gương sáng. Bốn sự vĩ đại ấy là gì? -Một là *Đài gương Không như thật*, tách rời tất cả mọi phân biệt (tâm-cảnh, ngã-ngã sở); vì tại đó hoàn toàn không hiện hữu bất cứ một pháp nào (Chân không), nghĩa là phi nhận thức, phi đối tượng. Hai là *Đài gương Nhân huân tập* cho chúng sinh, tức *Bất không như thật* (Có như thật); toàn thể các cảnh giới đều biểu hiện ở trong đó; không xuất ra, không nhập vào, không biến đổi, không hủy diệt; toàn là Tâm Thể đồng nhất và bất biến; vì tất cả pháp đều là Tâm Thể, và tất cả các pháp ô nhiễm không nhiễm được Tâm Thể, Giác bất động nên đầy đủ mọi công đức vô lậu làm Nhân tố tác động cho chúng sinh tu tập. Ba là *Đài gương Tâm Thể siêu thoát* (Pháp xuất ly cảnh), tức *Bất không như thật*, siêu thoát phiền não chướng và sở tri chướng, tách rời trạng huống hòa hợp

với các pháp nhiệm (A-lại-da), nên Tâm Thể thuần tịnh trong sáng. Bốn là *Đài gương Duyên huân tập* cho chúng sinh, tức *Tâm Thể siêu thoát* nói trên, biểu hiện tùy Tâm mà soi chiếu cùng khắp cho *Tâm thức* chúng sinh, làm duyên hỗ trợ cho chúng sinh tu hành.

• **GIẢI:**

Nội dung Bản giác (Giác) có bốn trạng thái như vừa đề cập trên, trạng thái nào cũng vĩ đại và trong sáng, hiện hữu khắp Pháp giới; chính ý nghĩa đó mới mệnh danh là *tứ đại* và *tứ cảnh*.

1- *Đài gương Không như thật*: Chỉ tự thân của Bản giác, Thể Bản giác là *Không như thật tuyệt đối*. Tại đây hoàn toàn tịch diệt, ly tứ cú, tuyệt bách phi, không có bất cứ một pháp nào hiện hữu.

2- *Đài gương Nhân huân tập*: Chỉ Phật tánh hay Như Lai tạng tiềm ẩn trong tâm chúng sinh. Phật tánh này là *Có như thật*, ở hữu tình thì gọi là Phật tánh, ở vô tình thì gọi là Pháp tánh, là Nhân tố căn bản tác động bên trong giúp chúng sinh chán ghét sinh tử, ưa thích Niết-bàn.

3- *Đài gương Tâm Thể siêu thoát*: Chỉ Bản giác

xuất triền (Nhu Lai xuất triền). Mọi phiền não chướng và sở tri chướng của A-lại-da đã được Thi giác sửa trị hoàn thiện rốt ráo, nên tánh Giác vốn sẵn (Bản giác) bừng sáng như xưa (Trí tịnh tướng).

4- *Đài gương Duyên huân tập*: Chỉ Diệu Dụng của Bản giác sau khi xuất triền, Diệu Dụng này chính là *Hoạt dụng siêu việt* đã nói ở phần (B.III.1.c¹.a₁₋₂₋₂). Sau khi đã hoàn toàn giác ngộ, Diệu Dụng tánh Giác này tùy tâm chúng sinh mà biểu hiện cùng khắp, làm trợ duyên giúp chúng sinh tu tập giải thoát (Như trường hợp ứng hiện 32 thân tướng của Bồ-tát Quán Âm đã nói ở trước).

Tóm lại, *đài gương một* và *hai*, trước hay sau khi Thi giác đều bất biến. *Đài gương ba* và *bốn*, sau khi hoàn thiện Thi giác mới có. Và, sự khác nhau giữa bốn trạng thái này là: *Đài gương một* và *đài gương hai* khác nhau ở ý nghĩa *Không* và *Bất không* (Chân không và Diệu hữu). *Đài gương một* và *ba* khác nhau ở ý nghĩa *vốn có trong tự tâm* và *mới xuất triền*. *Đài gương một* và *bốn* khác nhau ở nghĩa *Phi Giác chiếu* và *Giác chiếu* (Giác chiếu là tác động, trợ duyên cho

chúng sinh tu tập). *Đài gương hai và bốn* khác nhau ở ý nghĩa *huân tập bên trong* và *huân tập bên ngoài* (nội huân và ngoại huân).



B.III.1.c¹.a₁₋₃: Nói về Bất giác.

• **ÂM:**

Sở ngôn Bất giác nghĩa giả, vị bất như thật tri Chân như pháp nhất cố, Bất giác tâm khởi, nhi hữu kỳ niệm. Niệm vô tự tướng, bất ly Bản giác. Do như mê nhân, y phương cố mê; nhược ly u phương, tắc vô hữu mê. Chúng sinh diệt nhĩ, y Giác cố mê; nhược ly Giác tánh, tắc vô Bất giác. Dĩ hữu Bất giác vọng tưởng tâm cố, năng tri danh nghĩa, vị thuyết Chân Giác. Nhược ly Bất giác chi tâm, tắc vô Chân Giác tự tướng khả thuyết.

Phục thứ, y Bất giác cố sinh tam chủng tướng, dữ bỉ Bất giác tương ưng bất ly. Vân hà vi tam? -Nhất giả, Vô minh nghiệp tướng, dĩ y Bất giác cố tâm động, thuyết danh vi Nghiệp; Giác tức bất động, động tức hữu khổ, Quả bất ly Nhân cố.

Nhị giả, Năng kiến tướng, dĩ y động cố Năng kiến, bất động tắc vô kiến. Tam giả, Cảnh giới tướng, dĩ y Năng kiến cố, Cảnh giới vọng hiện, ly kiến tắc vô cảnh giới.

Dĩ hữu Cảnh giới duyên cố, phục sinh lục chủng tướng. Vân hà vi lục? -Nhất giả, Trí tướng, y u cảnh giới, tâm khởi phân biệt, ái dữ bất ái cố. Nhị giả, Tương tục tướng, y u trí cố, sinh kỳ khổ lạc, giác tâm khởi niệm, tương ưng bất đoạn cố. Tam giả, Chấp thủ tướng, y u tương tục, duyên niệm cảnh giới, trụ trì khổ lạc, tâm khởi trước cố. Tứ giả, Kế danh tự tướng, y u vọng chấp, phân biệt giả danh ngôn tướng cố. Ngũ giả, Khởi nghiệp tướng, y u danh tự, tầm danh thủ trước, tạo chủng chủng nghiệp cố. Lục giả, Nghiệp hệ khổ tướng, dĩ y nghiệp thọ báo, bất tự tại cố.

Đương tri vô minh năng sinh nhất thiết nhiễm pháp; dĩ nhất thiết nhiễm pháp giai thị Bất giác tướng cố.

• NGHĨA:

Được gọi Bất giác là không biết đúng như thật về

Chân như đồng nhất. Do Bất giác này mà có phân biệt; vì vậy, phân biệt ấy không phải biệt lập, không phải tách rời Bản giác. Tương tự như người lạc đường, vì có phương hướng mới có sự lạc đường, nếu không có phương hướng thì không có sự lạc đường. Chúng sinh cũng vậy, do Giác mà có Bất giác; nếu không có Giác thì không có Bất giác. Do sự phân biệt của Bất giác, nó có khả năng biết được danh từ, ý nghĩa, nên được nói về Giác (Chân Giác). Nếu không có sự phân biệt của Bất giác thì cũng không có cái Giác để có thể nói đến.

Thêm nữa, do Bất giác mà sinh khởi ba trạng thái không tách rời nó. Ba trạng thái nào? -Một là *Năng động*, vì nương vào Bất giác nên vọng động và gọi là *Nghiệp*, Giác thì không vọng động, vọng động là khổ đau vì kết quả không rời nguyên nhân. Hai là, *Năng kiến*, do vọng động chuyển thành *Nhận thức*, không vọng động thì không có nhận thức. Ba là *Năng hiện*, do nhận thức hình thành *Đối cảnh*, tách rời nhận thức thì không có đối cảnh.

Rồi do Đối cảnh mà phát sinh sáu trạng thái nữa. Sáu trạng thái nào? -Một là *Phân biệt*, do dựa vào đối

cảnh mà phân biệt cái dễ yêu dễ ghét. Hai là *Liên tục*, do phân biệt mà sinh khởi khổ vui làm cho cảm giác liên tục. Ba là *Chấp thủ*, do sự liên tục mà bám níu đối cảnh, khổ vui giữ mãi trong lòng. Bốn là *Chấp ngôn ngữ*, do sự chấp thủ hình thành ngôn ngữ. Năm là *Động tác*, do ngôn ngữ mà tạo ra đủ thứ hành vi. Sáu là *Khổ đau*, do hành vi buộc phải nhận lấy hậu quả, không còn tự do.

Cần phải nhận thức rằng, Bất giác là đầu mối phát sinh mọi sự ô nhiễm; bởi vì mọi sự ô nhiễm là biểu thị của Bất giác.

• **GIẢI:**

Tổng quát, đoạn này nói về sự sinh khởi của Bất giác (vô minh). Theo *Khởi Tín*, Bất giác nương vào Giác (Như Lai tạng) mà sinh khởi; ngược lại, Giác cũng nương vào Bất giác mà có. Nội dung này có ba phần:

- *Phần một*: “Được gọi Bất giác... đến... có thể nói đến” là phần nói về uyên nguyên sinh khởi Bất giác. Theo Luận chủ, Bất giác là nương vào Giác mà hiện hữu, và Giác cũng nương vào Bất giác mà có.

Lý do Bất giác hiện hữu là không biết đúng như thật *Chân như đồng nhất*, chính trạng thái Bất giác này mà hiện hữu sự phân biệt (niệm).

Như thế, *phân biệt chính là Bất giác, chính là tâm động, và vô phân biệt là Giác, là Tâm thanh tịnh*. Đây là định đề của giáo nghĩa *Khởi Tín*, từ định đề này *Khởi Tín* thuyết minh về sự tương quan giữa *Mê* và *Ngộ*, giữa *Phật* và *Chúng sinh* mà trước đó chưa có trường phái nào giải thích rõ ráo.

Theo định đề này, sở dĩ Bất giác hiện hữu là do không biết *Chân như đồng nhất*, đây là trạng hướng tâm động. Tuy nhiên, cái được gọi là tâm động vốn không có Thực Thể, vốn không phải là *cái biệt lập* tách rời Bản giác mà hiện hữu. Tương tự như mặt trời mọc ở hướng Đông, vì có hướng Đông mà lại đi theo hướng khác nên lạc đường, nếu hướng Đông không có thì sẽ không có vấn đề lạc đường. Cũng thế, chúng sinh vốn là Giác mà không *thích ứng* với Giác, trạng hướng đó là Bất giác.

- *Phần hai*: “*Thêm nữa... đến... không có đối cảnh*” là nói về ba tế thuộc Chi mật vô minh. Ba tướng

tê này là trạng huống vô minh sinh khởi từ Bất giác, chúng cực kỳ vi tế ở trong trạng thái tiềm năng, bởi ý nghĩa đó mà gọi là tế. Tướng thứ nhất là *Năng động*, Năng động là đặc tính của Bất giác (phân biệt), là tướng tối sơ của tâm động. Tướng Năng động này được gọi là *Nghiệp*, và khi đã có Nghiệp thì hẳn nhiên có khổ đau, vì Quả luôn gắn liền với Nhân. Phật giáo cho rằng sinh tử khổ đau là do tạo Nghiệp, với *Khởi Tín*, Nghiệp chính là cái *Năng động* tối sơ này đây. Nếu lìa động niệm là chấm dứt sinh tử. Tướng thứ hai là *Năng kiến*. Bởi do Năng động (phân biệt) nên hiện hữu chủ thể và đối tượng đối đãi nhau, chủ thể phân biệt chính là Năng kiến, và đối tượng bị phân biệt chính là tướng thứ ba *Năng hiện*. Thế là, từ tướng Năng động tách đôi thành ba tướng, cả ba tướng này là hành tướng của động niệm tối sơ của Bất giác (phân biệt), tất cả đều diễn biến trong nội tâm của chúng sinh, tức ở trạng thái tiềm năng.

- *Phần ba*: “*Rời do đối cảnh... đến hết*” là nói về sáu tướng thô biểu hiện trên mặt hiện tượng, tức những phân biệt hiện rõ nét trong cảnh giới hiện thực.

Đầu mỗi của sáu tướng thô bắt nguồn từ tướng *Năng hiện*, do tướng Năng hiện làm duyên để hiện hữu tướng *Phân biệt*, trạng thái phân biệt chính là nội dung hiện hữu năng-sở đối đãi, vì có đối đãi mà hiện hữu tâm lý yêu ghét đối nghịch. Tâm lý này diễn tiến không ngừng để hiện hữu tướng *Liên tục*. Nội dung Liên tục là hiện tượng tâm lý mãi bám níu những đối cảnh vui buồn trong lòng, đó là sự hiện hữu tướng *Chấp thủ*. Từ Chấp thủ đối cảnh để hiện hữu *Chấp thủ ngôn ngữ*, danh xưng; do đây mà sinh khởi đủ mọi tướng *Động tác* mà cụ thể là miệng nói, thân làm. Ba nghiệp đã hiện hữu thì hẳn nhiên sẽ thọ lĩnh kết quả tướng *Khổ đau* trong sinh tử luân hồi, mất hết tự do.

- Tổng quát để nói, trong *ba tế*, *sáu thô*, thì tướng Chấp thủ và tướng Chấp ngôn ngữ thuộc chấp ngã phân biệt; tướng Phân biệt và tướng Liên tục thuộc chấp pháp phân biệt; tướng Năng kiến, Năng hiện thuộc câu sinh gồm cả chấp pháp và chấp ngã.

- Nếu phối kiểm với tiến trình tu tập bốn giai đoạn từ Phàm đến Thánh đã nói ở phần trước, thì *ba tế*, *sáu thô* tương ứng như sau:

+ Hai tướng *thô năm* và *sáu* là đối tượng giác phá của hàng phạm phu.

+ Hai tướng *thô ba* và *bốn* là đối tượng giác phá của Bồ-tát sơ phát tâm.

+ Hai tướng *thô một* và *hai*, tướng *tế hai* và *tế ba* là đối tượng giác phá của Bồ-tát Pháp thân.

+ Tướng *tế một* tức tướng Năng động là đối tượng giác phá của Bồ-tát địa tận.

- Nếu phối kiểm với thuyết *Nghiệp cảm Duyên khởi* thì bốn tướng *thô đầu* thuộc *Hoặc*, tướng *thô thứ năm* thuộc *Nghiệp* và tướng *thô sau cùng* thuộc *Khổ*. Qua đây, cho chúng ta thấy rõ rằng, thuyết này chỉ mới giải thích được nguyên nhân trên mặt nổi của sinh tử luân hồi mà thôi. Với giáo nghĩa *Khởi Tín*, qua *ba tế, sáu thô* đã giải thích hoàn hảo ngọn nguồn của sinh tử. Cái uyên nguyên của sinh tử chính là cái *động niệm tối sơ* không biết như thật về Chân như, trạng huống này được gọi là *Nghiệp tướng* hay *Sinh tướng vô minh*. Do vậy, vấn đề được đặt ra cho bậc *tu hành như thật* là *diệt niệm*. Vô niệm chính là cánh cửa đi vào cảnh Phật thiên thu, và cũng chính thế nên câu đúc kết đoạn này

bảo rằng, tất cả pháp ô nhiễm đều là tướng của Bất giác (Niệm, Phân biệt), nhằm thức tỉnh hành giả diệt niệm để trở về suối nguồn vô niệm, vốn là cố hương xưa nay của mọi hành giả, mọi chúng sinh.



B.III.1.c¹.a₁₋₄: Đối quán Giác với Bất giác.

• **ÂM:**

Phục thứ, Giác dữ Bất giác hữu nhị chủng tướng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả Đồng tướng, nhị giả Dị tướng.

Đồng tướng giả, thí như chủng chủng ngỗ khí, giai đồng vi trần tánh tướng. Như thị vô lậu vô minh, chủng chủng Nghiệp huyễn, giai đồng Chân như tánh tướng. Thị cố Tu-đa-la trung, y u thử nghĩa, thuyết nhất thiết chúng sinh, bản lai thường trụ, nhập u Niết-bàn. Bồ-đề chi pháp, phi khả tu tướng, phi khả tác tướng, tất cánh vô đắc, diệt vô sắc tướng khả kiến. Nhi hữu kiến sắc tướng giả, duy thị tùy niệm Nghiệp huyễn sở tác, phi thị trí sắc bất không chi tánh, dĩ trí tướng vô khả kiến cố.

Dị tướng giả, như chủng chủng ngũ khí, các các bất đồng. Như thị vô lậu vô minh, tùy nhiễm huyễn sai biệt, tánh nhiễm huyễn sai biệt có.

• **NGHĨA:**

Thêm nữa, giữa Giác và Bất giác có hai sắc thái, đó là Đồng nhất và Dị biệt.

Đồng nhất: Như mọi thứ đồ gồm đều là tánh tướng của đất mịn; tương tự, Giác và Bất giác cũng như mọi huyễn dụng của chúng đều là Tánh Tướng của Chân như (đều là Chân như). Chính do ý nghĩa này nên trong Khế kinh bảo rằng, tất cả chúng sinh xưa nay vẫn thường trú trong Niết-bàn Bồ-đề. Niết-bàn Bồ-đề chẳng phải là cái do sửa chữa mà có, chẳng phải là cái do xây dựng mà có; tuyệt đối không thể nắm bắt được và cũng chẳng có cái sắc tướng để thấy được. Sở dĩ thấy có sắc tướng, đó là huyễn dụng của Phật-đà biểu hiện theo huyễn Nghiệp của chúng sinh, chứ không phải sắc tướng đúng sự thật của Tuệ giác, vì sắc tướng của Tuệ giác thì không thể thấy được.

Dị biệt: Như mọi thứ đồ gồm không có cái nào giống cái nào; tương tự, Giác và Bất giác, huyễn dụng

của chúng sai khác nhau, vì sai khác là đặc tính của huyễn dụng.

• **GIẢI:**

1- Ở đoạn trước, Luận chủ đã giải thích, do nương Như Lai tạng mà có tâm sinh diệt. Và, vì cái bất sinh diệt hòa hợp với cái sinh diệt nên có Thức A-lại-da. Vấn đề bất sinh diệt và sinh diệt đã thuyết minh xong; đến đây, Luận Chủ thuyết minh cái sinh diệt ấy chính là cái bất sinh diệt bằng cách khảo sát hai phương diện Đồng-Dị giữa Giác và Bất giác. Qua khảo sát này, đã biểu thị sự tương thông giữa Giác và Bất giác hay giữa Phật và Chúng sinh, nhằm xiển dương giáo nghĩa Như Lai tạng Duyên khởi, giáo nghĩa chủ trương tánh Phật vốn sẵn trong cái tâm mê muội của chúng sinh.

Để thính chúng dễ nhận chân sự *Đồng-Dị* giữa Giác và Bất giác, Luận chủ đã mượn các thứ đồ gồm để lý giải. Đứng trên mặt tánh để khảo sát, thì mọi đồ gồm đều xuất phát từ đất mịn, nghĩa là đồng *Nhất Thế*. Nhưng khảo sát theo mặt tướng thì mỗi đồ gồm hoàn toàn sai khác nhau. Tương tự, bản thân của Giác và Bất giác cũng như thế; khi xét trên mặt tánh thì đồng

Nhất Thể Chân như, còn khi xét trên mặt tướng (huyễn dụng) thì lại sai khác nhau. Do đồng Nhất Thể Chân như như thế, nên các kinh luận thường nói: “*Tất cả chúng sinh xưa nay vốn thường trú trong Niết-bàn Bồ-đề*” hay “*Tâm, Phật, Chúng sinh, tam vô sai biệt*”.

2- Tại đây, Luận chủ nhấn mạnh Thực Thể Niết-bàn Bồ-đề là thực tại hiện hữu vô thi vô chung. Nó vốn như thế, nên không phải do tu sửa mà có hay do xây dựng mà thành; vì vậy, nó nằm ngoài phạm trù của ý niệm tướng ngã; chính thế, không thể thấy sắc tướng và nắm bắt được.

3- Nơi đây, cần nhận thức rõ từ *Nghiệp huyễn* trong câu: “*Như thị vô lậu vô minh, chủng chủng Nghiệp huyễn...*”. Như thế, Nghiệp là gọi chung cả Nghiệp vô lậu và Nghiệp hữu lậu. Nghiệp vô lậu tức Nhân quả thiện xuất thế gian và thế gian phát khởi từ Như Lai tạng như đã đề cập ở mục Chủ thuyết; và, đây là Nghiệp dụng bất tư nghị của Bản giác. Nghiệp hữu lậu là Nhân quả được phát xuất từ Thức A-lại-da mà nguyên nhân tối sơ là *sinh tướng vô minh* (Nghiệp tướng). Đây là Nghiệp lực từ *ba tế, sáu thô* của Bất

giác đã nói ở trước. Như thế, sự sai khác giữa Giác và Bất giác chính là sự sai khác trên mặt Tướng và Dụng này đây. Và, khi đứng trên mặt tuyệt đối (Tánh) để xét, dù là Nghiệp vô lậu vẫn là huyễn, vì có tướng, có sinh diệt. Thế là, dù tịnh hay nhiễm, Niết-bàn hay sinh tử khi xét về hoạt dụng (Nghiệp dụng) đều là huyễn cả. Trên ý nghĩa này nên các kinh thường dạy: “*Sinh tử và Niết-bàn đều là mộng huyễn*”. Tuy thế, Nghiệp vô lậu dù có sinh diệt nhưng không đoạn diệt; ngược lại, Nghiệp hữu lậu thì có đoạn diệt. Đây là điểm tế nhị, lắt léo mà người học cần ghi nhận minh bạch. Thêm nữa, khi nói Nghiệp vô lậu có sinh diệt là phương tiện để nói cho chúng ta, những kẻ chưa giác ngộ; chứ dưới nhãn quan của bậc giác ngộ thì Thể-Tướng-Dụng của Như Lai tạng là đồng Nhất Thể, bất sinh diệt.

4- Trong giáo nghĩa *Khởi Tín*, đây là đoạn rất quan trọng, đoạn giải thích vấn đề tương quan giữa tịnh-nhiễm, giữa Phật và chúng sinh, để hiển thị giáo nghĩa Như Lai tạng Duyên khởi. Tức giáo nghĩa chủ trương mọi pháp tịnh nhiễm đều xuất phát từ Như Lai tạng và đồng Nhất Thể Chân như. Nói cách khác, giáo nghĩa

Khởi Tín là giáo nghĩa chủ trương: “*Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh*”. Và, qua nội dung đoạn này, Luận chủ cũng đã lý giải: Tại sao chúng sinh chỉ có Pháp thân (Phật tánh, Như Lai tạng) mà không có Báo thân và Hóa thân!



B.III.1.c¹.a₂: Nói yếu tố sinh diệt (Có 2 tiểu ý):

B.III.1.c¹.a₂₋₁: Nói yếu tố làm cho ô nhiễm (Bất giác).

• **ÂM:**

Phục thứ, sinh diệt nhân duyên giả, sở vị chúng sinh y Tâm, Ý, Ý thức chuyển cố. Thử nghĩa vân hà? -Dĩ y A-lại-da thức, thuyết hữu vô minh, Bất giác nhi khởi, Năng kiến, Năng hiện, Năng thủ cảnh giới, Khởi niệm tương tục, cố thuyết vi Ý.

Thử Ý phục hữu ngũ chủng danh. Vân hà vi ngũ? -Nhất giả danh vi Nghiệp thức, vị vô minh lực Bất giác tâm động cố. Nhị giả danh vi Chuyển thức, y u động tâm Năng kiến tương cố. Tam giả danh vi Hiện thức, sở vị năng hiện nhất thiết cảnh giới; do như minh cảnh hiện ư sắc tượng; Hiện thức diệt

nhĩ, tùy kỳ ngũ trần, đối chí tức hiện, vô hữu tiền hậu, dĩ nhất thiết thời nhậm vận nhi khởi, thường tại tiền cố. Tứ giả danh vi Trí thức, vị phân biệt nhiễm-tịnh pháp cố. Ngũ giả danh vi Tương tục thức, dĩ niệm tương ưng bất đoạn cố; trụ trì quá khứ vô lượng thế đẳng thiện ác chi Nghiệp, linh bất thất cố; phục năng thành thực hiện tại, vị lai khổ lạc đẳng báo, vô sai vi cố; năng linh hiện tại dĩ kinh chi sự, hốt nhiên nhi niệm vị lai chi sự, bất giác vọng lự. Thị cố, tam giới hư ngụy, duy tâm sở tác, ly tâm tác vô lự trần cảnh giới. Thử nghĩa vân hà? -Dĩ nhất thiết pháp, giai tùng tâm khởi, vọng niệm nhi sinh. Nhất thiết phân biệt tức phân biệt tự tâm. Tâm bất kiến tâm, vô tướng khả đắc. Đương tri thế gian nhất thiết cảnh giới, giai y chúng sinh vô minh vọng tâm, nhi đắc trụ trì. Thị cố, nhất thiết pháp, như cảnh trung tượng, vô thể khả đắc, duy tâm hư vọng; dĩ tâm sinh tác chủng chủng pháp sinh, tâm diệt tác chủng chủng pháp diệt cố.

Phục thứ, ngôn Ý thức giả, tức thử Tương tục thức, y chư phàm phu thủ trước chuyển tâm,

kê ngã, ngã sở, chủng chủng vọng chấp, tùy sự phan duyên, phân biệt lục trần, danh vi Ý thức; diệt danh Phân ly thức, hựu phục thuyết danh Phân biệt sự thức. Thử thức y kiến-ái phiền não tăng trưởng nghĩa cố.

• **NGHĨA:**

Lại nữa, yếu tố sinh diệt là do Tâm của chúng ta mà chuyển ra Ý và Ý thức. Ý nghĩa này thế nào? -Nghĩa là, do A-lại-da mà có Bất giác (vô minh), Năng kiến, Năng hiện, Cố thủ đôi cảnh, Phân biệt liên tục, như vậy gọi là Ý.

Ý có năm tên. Năm tên ấy là gì? -Một là *Nghiệp thức*, tức sự kiện tâm động do Bất giác. Hai là *Chuyển thức*, tức sự Năng kiến do tâm động. Ba là *Hiện thức*, tức đôi cảnh do Năng kiến hình thành; tương tự như gương sáng hiện ra các hình ảnh; Hiện thức cũng vậy, năm đôi cảnh (năm trần) đối diện là biểu hiện, không có trước sau, vì Hiện thức lúc nào cũng tự chuyển động liên tục. Bốn là *Phân biệt thức*, tức phân biệt cái đáng yêu đáng ghét. Năm là *Tương tục thức*, tức phân biệt liên tục; chính sự phân biệt này duy trì những hành vi

thiện ác quá khứ làm cho không mất đi; đồng thời, làm thành thực không sai lệch những Quả báo vui khổ trong hiện tại và vị lai. Và, ngay trong hiện tại, chính Tương tục thức làm cho những gì đã qua bỗng nhiên nhớ lại, những gì chưa đến đột nhiên nghĩ ra. Do vậy mà ba cõi là hư dối, do tâm mà chuyển biến, tách rời tâm thì sáu cảnh (sáu trần) cũng không. Ý nghĩa này thế nào? -Vì hết thấy các pháp toàn do *Tâm thức* chuyển biến, do phân biệt mà hình thành. Do vậy, mọi sự phân biệt chỉ là tự phân biệt lấy tâm mình. Nhưng tâm không phải là sự phân biệt như vậy, không phải là đối tượng để thủ đắc. Cần nhận thức rằng, hết thấy các pháp thuộc lĩnh vực chúng sinh toàn do Bất giác của chúng sinh mà hiện hữu. Cho nên hết thấy các pháp ấy như bóng trong gương, không có Thực Thể chỉ do tâm mà vọng hiện. Do vậy, hễ tâm sinh thì các pháp sinh, tâm ngừng thì các pháp ngừng.

Bây giờ nói đến *Ý thức*, thì chính là *Tương tục thức* nói trên, mà hạng phàm phu cố chấp ngày càng sâu nặng, chấp tự ngã, chấp ngã sở, chấp đủ mọi cách, chấp lấy mọi sự, bủa rộng khắp cả sáu thứ đối cảnh,

nên có tên là *Ý thức*, cũng có tên là *Phân ly thức*, lại có tên là *Phân biệt sự thức*. Thức này nương vào ngã kiến, ngã ái mà tăng trưởng.

• **GIẢI:**

1- Khi nói về yếu tố (nhân duyên) sinh diệt tức xác định hiện tượng sinh diệt lấy gì làm Nhân, lấy gì làm Duyên; và, khi khảo sát hiện tượng sinh diệt thì có hai mặt (chiều). Đoạn này là thuyết minh hiện tượng sinh diệt theo chiều lưu chuyển, gọi là *Vô minh lưu*, tức đi từ *sinh đến diệt*. Đoạn tiếp theo sẽ trình bày hiện tượng sinh diệt theo chiều hoàn diệt, gọi là *Hoàn tịnh lưu*, tức đi ngược từ *diệt đến sinh*.

Mở đầu phần thuyết minh về hiện tượng sinh diệt theo chiều lưu chuyển, Luận chủ giải thích rằng, do nương nơi Tâm mà chuyển ra Ý và Ý thức. Tâm ở đây có hai nghĩa:

- *Thứ nhất*, Tâm chính là Như Lai tạng (Chân Tâm) mà Luận chủ đã nói ở phần *mặt sinh diệt của tâm ở trước (tâm sinh diệt giả, y Như Lai tạng cố hữu sinh diệt tâm)*. Theo nghĩa này, hiện tượng sinh diệt tối sơ là lấy Như Lai tạng (Giác) làm Nhân và lấy vô minh

(Bất giác) làm Duyên mà sinh khởi *ba tế, sáu thô* (chín trạng thái Bất giác).

- *Thứ hai*, tâm chính là Thức A-lại-da (tâm thức, vọng tâm); với nghĩa này, hiện tượng sinh diệt tối sơ là lấy A-lại-da làm Nhân và lấy ba tế làm Duyên (ở trạng thái tiềm năng) mà sinh khởi sáu thô (ở hiện thực).

Qua hai nghĩa trên, nghĩa thứ nhất là đứng trên mặt Tánh để thuyết minh, nghĩa thứ hai là đứng trên mặt Tướng để thuyết minh; và, tại đây một lần nữa, Luận chủ lại tiếp tục giải thích sự tương quan giữa *Mê* và *Ngộ*.

2- Phần Bất giác ở trước, Luận chủ đã phân tích nội dung *Bất giác* (vô minh) có *ba tế, sáu thô*. Căn bản *vô minh* là không biết đúng về Chân như đồng nhất; *ba tế, sáu thô* là thuộc *Chi mạt vô minh*. Đến đây, Luận chủ lại tóm lược *ba tế* và *hai thô đầu* thuộc phạm vi hoạt động của *Ý* qua năm tên gọi, *bốn tướng thô còn lại* thuộc phạm vi hoạt động của *Ý thức* qua ba tên gọi. Nếu đối chiếu với giáo nghĩa Duy thức thì Thức *Mạt-na* tương đương với *Ý*, còn *sáu thức* thì bao hàm trong *Ý thức*. Như thế, theo luận này, sự hoạt động (sinh diệt)

của tâm lý chúng sinh gồm *ba trung khu là Tâm, Ý và Ý thức*, diễn tiến từ mặt Tánh ra mặt Tướng hay từ mặt tiềm năng ra mặt hiện thực. Trong ba trung khu này, Tâm là trung khu căn nguyên, Ý là trung khu khởi hoặc và Ý thức là trung khu tạo Nghiệp.

3- Đại lược để nói, nội dung đoạn này trình bày ba điểm:

- *Điểm thứ nhất*: Từ “*Nghĩa là, do A-lại-da mà có... đến... sáu cảnh cũng không*” là thuyết minh yếu tố sinh diệt ở trạng thái tiềm năng (sinh hoạt của Ý); nói cách khác, Luận chủ nêu lên tiến trình ô nhiễm sâu kín của vọng tâm (nội dung của hoặc). Như chúng ta đã biết, tiến trình của hiện tượng sinh diệt khởi sinh từ cái động tâm tối sơ (Năng động), tại đây được mệnh danh là *Nghiệp thức*, *Nghiệp thức* chính là bản thân của Ý. Tâm động tức nội dung hiện hữu của năng-sở, *Chuyển thức* chính là *Năng kiến*, là sự nhận thức của Ý, *Hiện thức* chính là *Năng hiện*, là đối tượng nhận thức của Ý. Do hiện hữu năng-sở đối đãi mà hiện hữu sự phân biệt cái đáng yêu đáng ghét, tức hiện hữu *Phân biệt thức*. Nhưng phân biệt không phải khởi lên một vài lần rồi

ngưng nghỉ, vì ở chúng sinh thì tâm động liên tục nên Thức Phân biệt hoạt động liên tục, sự phân biệt liên tục không dứt này chính là Tương tục thức. *Tương tục thức* không tách rời Nghiệp thức (động tâm) nên Tương tục thức hoạt động không ngừng, do đây mà ba hiện tượng tâm lý cụ thể hiện khởi trên tâm thức con người:

+ Duy trì các hành vi thiện ác có từ nhiều đời quá khứ làm cho không mất đi.

+ Làm thành thực không sai lệch những Quả báo vui khổ trong hiện tại và vị lai.

+ Bỗng nhiên làm nhớ lại những gì đã qua và nghĩ ra những gì chưa đến.

Qua ý nghĩa trên, tiến trình yếu tố sinh diệt trong nội tâm chúng sinh chỉ là những hiện tượng hư cấu mà đầu mối là “*nhất niệm vọng động tối sơ*”. Nếu nhất niệm tối sơ ấy không có thì sáu trần cũng không.

- *Điểm thứ hai*: Từ “*Vì hết thấy các pháp... đến... tâm ngừng thì các pháp cũng ngừng*” là giải thích vì sao có hiện tượng sinh diệt hay vì sao có các pháp sai biệt. Theo *Khởi Tín*, xét từ nguyên nguyên (Bản Thể), hết thấy các pháp đây khởi từ Như Lai tạng hay từ Chân Tâm.

Chân Tâm vốn vô sinh diệt, chỉ vì do “*nhất niệm vô minh tối sơ*” mà hiện hữu các pháp ô nhiễm hư dối của ba cõi, hòa hợp với Chân Tâm. Đây là cơ sở để *Khởi Tín* được mệnh danh là giáo nghĩa xiển dương *Như Lai tạng Duyên khởi (Tam giới duy Tâm)*. Mặt khác, nếu xét theo mặt sinh diệt thì hết thảy các pháp (hữu vi) được xuất pháp từ cội nguồn là cái *tâm động tối sơ* (tâm thức). Đây là ý nghĩa *Vạn pháp duy thức* và do chính ý nghĩa này mà *Khởi Tín* bảo: “*Tâm sinh thì pháp sinh, tâm ngừng thì pháp ngừng*”.

- *Điểm thứ ba*: Từ “*Bây giờ nói đến ý thức... đến... ngã ái mà tăng trưởng*” là giải thích ý nghĩa của *Ý thức*. *Ý thức* nghĩa là thức của ý, tức là sự nhận biết của ý. *Ý thức* không phải một thức nào khác mà chính là *Thức tương tục* nói trên, tức tâm lý cố chấp càng ngày càng sâu đậm mà đặc biệt chấp thủ tự ngã và ngã sở. Do vậy, trên phương diện tạo Nghiệp thì thức này đóng vai trò chủ chốt. Đồng thời, vì nội dung chấp thủ rất đa dạng nên thức này còn có tên *Thức phân ly*, tức cùng cộng tác với năm căn để phân biệt chấp thủ; cũng còn có tên là *Thức phân biệt sự*, tức phân biệt chấp thủ

đủ mọi sự kể cả sáu đối cảnh; thế nên, thức này càng ngày càng lớn mạnh do nương nào ngã kiến, ngã ái.

4- Qua nội dung lý giải về yếu tố sinh diệt của *Khởi Tín* cho chúng ta thấy rằng, trong sự tu tập, muốn chế ngự sự phát sinh ngã chấp và đoạn trừ ngã chấp, đối tượng cụ thể là ái và thủ. Quan điểm này cũng là cách tu quán của giáo nghĩa truyền thống mười hai nhân duyên.



B.III.1.c¹.a₂₋₂: Nói yếu tố làm cho trong sáng (Giác).

• **ÂM:**

Y vô minh huân tập sở khởi thức giả, phi phạm phu năng tri, diệc phi Nhị thừa Trí tuệ sở giác; vị y Bồ-tát, tòng sơ Chánh tín, phát tâm quán sát, nhược chứng Pháp thân, đắc thiếu phần tri. Nãi chí Bồ-tát, cứu cánh địa, bất năng tận tri; duy Phật cùng liễu. Hà dĩ cố? Thị Tâm tòng bản dĩ lai, tự tánh thanh tịnh, nhi hữu vô minh, vi vô minh sở nhiễm, hữu kỳ nhiễm tâm; tuy hữu nhiễm tâm, nhi thường hằng

bất biến. Thị cố thử nghĩa, duy Phật năng tri; sở vị tâm tánh thường vô niệm cố, danh vi bất biến; dĩ bất đạt Nhất Pháp giới cố, tâm bất tương ưng, hốt nhiên niệm khởi, danh vi vô minh.

Nhiệm tâm giả, hữu lục chủng. Vân hà vi lục? -Nhất giả, Chấp tương ưng nhiễm, y Nhị thừa giải thoát, cập tín tương ưng địa viễn ly cố. Nhị giả, Bất đoạn tương ưng nhiễm, y tín tương ưng địa tu học phương tiện, tiệm tiệm năng xả, đắc tịnh tâm địa, cứu cánh ly cố. Tam giả, Phân biệt trí tương ưng nhiễm, y cụ giới địa tiệm ly, nãi chí vô tướng phương tiện địa cứu cánh ly cố. Tứ giả, Hiện sắc bất tương ưng nhiễm, y sắc tự tại địa năng ly cố. Ngũ giả, Năng kiến tâm bất tương ưng nhiễm, y Tâm tự tại địa năng ly cố. Lục giả, Căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm, y Bồ-tát địa tận, đắc nhập Như Lai địa năng ly cố. Bất liễu Nhất Pháp giới nghĩa giả, tùy tín tương ưng địa, quán sát học đoạn, nhập tịnh tâm địa, tùy phần đắc ly, nãi chí Như Lai địa, năng cứu cánh ly cố.

Ngôn tương ưng nghĩa giả, vị tâm niệm pháp

dị, y nhiễm-tịnh sai biệt nhi tri tương duyên tương đồng cố.

Bất tương ưng nghĩa giả, vị tức tâm Bất giác, thường vô biệt dị, bất tri tương duyên tương đồng cố.

Hựu nhiễm tâm nghĩa giả, danh vi phiền não ngại, năng chướng Chân như Căn bản trí cố. Vô minh nghĩa giả, danh vi trí ngại, năng chướng thế gian tự nhiên nghiệp trí cố. Thử nghĩa vân hà? -Dĩ y nhiễm tâm, Năng kiến Năng hiện, Vọng thủ cảnh giới, vi bình đẳng tánh cố; dĩ nhất thiết pháp thường tịnh, vô hữu khởi tướng, vô minh Bất giác, vọng dữ pháp vi; cố bất đắc tùy thuận thế gian nhất thiết cảnh giới chủng chủng tri cố.

• NGHĨA:

Cái thức (tâm nhiễm) do vô minh (Bất giác) huân tập mà hiện hữu, điều này không phải kẻ phàm phu biết được, cũng không phải Trí tuệ hàng Nhị thừa ngộ được, mà phải là *Bồ-tát từ cấp Chánh tín*⁷ tu tập quán chiếu đến khi thể chứng Pháp thân mới biết được ít phần. Nhưng dù Bồ-tát tận cùng địa vị cũng chưa biết

⁷ *Bồ-tát từ cấp Chánh tín*: Bồ-tát từ Sơ trụ trở lên.

được toàn triệt, chỉ có địa vị *Phật-đà* mới biết toàn triệt mà thôi. Tại sao như vậy? -Vì Tâm Thể xưa nay vốn thanh tịnh, nhưng lại có Bất giác, vì Bất giác mà có tâm nhiễm; có tâm nhiễm mà Tâm Thể vẫn bất biến. Sự kiện này chỉ đức Phật mới thấu triệt, đó là Tâm Thể siêu việt phân biệt nên gọi là bất biến; và vì không thấu triệt Pháp giới là cái Nhất Thể mà sinh khởi phân biệt gọi là Bất giác.

Tâm nhiễm có sáu thứ. Một là *Sự cố chấp*, sẽ được đoạn diệt ở địa vị Nhị thừa và địa vị *Bồ-tát Chánh tín* (sự tin hoàn hảo). Hai là *Sự liên tục*, sẽ được hủy diệt dần dần từ địa vị *Bồ-tát Chánh tín*, cho đến đoạn tận trọn vẹn ở địa vị *Bồ-tát Trí tuệ thanh tịnh*⁸. Ba là *Sự phân biệt*, sẽ được đoạn diệt dần dần từ địa vị *Bồ-tát giới pháp hoàn hảo*⁹ cho đến đoạn triệt trọn vẹn ở địa vị *Bồ-tát phương tiện vô tướng*¹⁰. Bốn là *Sự Năng hiện*, sẽ được đoạn diệt ở địa vị *Bồ-tát tự tại với cảnh*¹¹. Năm là *Sự Năng kiến*, sẽ được đoạn diệt ở địa vị *Bồ-tát tự*

8 *Bồ-tát Trí tuệ thanh tịnh*: Bồ-tát Địa thứ nhất (Hoan hỷ địa).

9 *Bồ-tát giới pháp hoàn hảo*: Bồ-tát Địa thứ hai (Ly cấu địa).

10 *Bồ-tát phương tiện vô tướng*: Bồ-tát Địa thứ bảy (Viễn hành địa).

11 *Bồ-tát tự tại với cảnh*: Bồ-tát Địa thứ tám (Bất động địa).

tại với Tâm¹². Sáu là *Sự năng động*, sẽ được đoạn diệt ở địa vị *Bồ-tát tận cùng địa vị*¹³, nhập vào địa vị Như Lai. Tóm lại, sự Bất giác Tâm Thể (không giác hiểu Pháp giới là cái Nhất Thể) từ địa vị Chánh tín thì tu tập đoạn diệt, đến địa vị Trí tuệ thanh tịnh thì đoạn diệt từng phần, cho đến địa vị Như Lai thì đoạn diệt toàn diện.

Nói *có thích ứng*¹⁴ nghĩa là sự phân biệt của tâm (vọng tâm) khi ô uế, khi trong sạch khác nhau; tức là, khi nào nhận thức và đối tượng cũng tương đồng. Nói *không thích ứng*¹⁵ nghĩa là sự Bất giác của tâm liên tục không thay đổi; tức là, khi nào nhận thức và đối tượng cũng bất đồng (Trong sáu thứ tâm nhiễm trên, ba thứ trước là loại tâm nhiễm *có thích ứng*, ba loại sau là loại tâm nhiễm *không thích ứng*).

Thêm nữa, tâm nhiễm gọi là phiền não chướng, làm chướng ngại cái *Trí căn bản*, là Trí thể nhập Chân như; còn Bất giác gọi là sở tri chướng, làm chướng ngại cái *Trí sự dụng* (Nghịệp trí), là Trí toàn giác vạn

12 *Bồ-tát tự tại với Tâm*: Bồ-tát Địa thứ chín (Thiện huệ địa).

13 *Bồ-tát tận cùng địa vị*: Bồ-tát Địa thứ mười (Pháp vân địa).

14 *Có thích ứng*: Loại nhiễm tâm dễ thấy.

15 *Không thích ứng*: Loại nhiễm tâm khó thấy.

hữu (Trí biết rõ Bản tánh vạn pháp). Ý nghĩa này như thế nào? - Lý do là vì tâm nhiễm thì Năng kiến, Năng hiện, Cố thủ đối cảnh, trái với Tâm Thể đồng nhất; và, vì hết thấy các pháp xưa nay vốn thanh tịnh, bật dứt mọi tướng ngã, mà Bất giác thì trái với đặc tính ấy, nên không thể *thích ứng* để biểu hiện mọi sự thể trong thế gian.

• **GIẢI:**

Đại lược để nói, đoạn này diễn bày quá trình *hoàn tịnh*, tức quá trình hủy diệt tâm nhiễm làm cho các pháp thanh tịnh. Quá trình hủy diệt ở đây chính là Thi giác hủy diệt Bất giác, sáu địa vị giác ngộ ở đây chính là bốn sự giác ngộ của Thi giác, và sáu thứ tâm nhiễm ở đây là tóm lược *ba tế, sáu thô* ở trước. Nội dung này gồm ba điểm sau:

- *Điểm thứ nhất:* Từ “*Cái thức... đến... gọi là Bất giác*” là trình bày tổng quát các điểm chính của quá trình hoàn tịnh và nêu lý do tại sao khó biết cái thức này.

+ *Cái Nghiệp thức* này vốn cực kỳ vi tế sâu thẳm, thấy được nó không phải là khả năng của hàng phàm phu, nên phải từ địa vị *Bồ-tát Chánh tín* mới bắt đầu thấy được bóng dáng của nó. Từ đây dần dần trực diện

với nó để đoạn diệt từ thô đến tế. Tuy thế, đến địa vị tận cùng Bồ-tát (Địa thứ mười) vẫn chưa thấy biết và hủy diệt toàn triệt; duy chỉ chư Phật mới thấy biết và hủy diệt triệt để mà thôi.

+ Lý do khó biết được *Nghiệp thức* này bởi các điểm:

♦ Tâm vốn thanh tịnh nhưng do Bất giác mà có tâm nhiễm. Như thế, uyên nguyên vốn không nhiễm mà thành nhiễm. Đây là cái khó biết thứ nhất.

♦ Tuy hiện hữu tâm nhiễm nhưng Tâm Thể vẫn thanh tịnh, thường hằng bất biến. Đây là cái khó biết thứ hai.

♦ Hết thấy các pháp (Pháp giới) là đồng Nhất Thể Chân như, là trạng thái của vô tướng, vô niệm. Đây là cái khó biết thứ ba.

Nội dung hiện hữu của Tâm thanh tịnh bất biến và tâm ô nhiễm vô thường như thế là nội dung sự thật của Tâm: “*Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến*”.

- *Điểm thứ hai*: Từ “*Tâm nhiễm có sáu thứ... đến... đối tượng cũng bất đồng*” là diễn bày quá trình hoàn tịnh một cách cụ thể căn cứ vào địa vị tu chứng từ thấp đến cao, tức sự thăng tiến tuần tự theo sáu địa

vị trực diện đoạn diệt dần dần sáu thứ tâm nhiễm từ thô đến tế:

- Trước hết, chính thức đoạn diệt tâm nhiễm là địa vị Nhị thừa và hàng Bồ-tát địa vị Sơ trụ; tại các địa vị này, hành giả tu pháp quán *Ngã không*, trực diện hai hoặc là kiến và tư (Ngã kiến, ngã ái), để đoạn diệt, tức đoạn diệt hai trạng thái *Chấp ngôn ngữ* và *Chấp thủ* trong sáu thô. Nơi đây được gọi là *Sự cố chấp* (*Chấp tương ưng nhiễm*).

- Thứ hai, hàng Bồ-tát từ Sơ trụ đến Sơ địa; tại các địa vị này, hành giả tu thêm pháp quán *Pháp không*, dần dần đoạn diệt hai trạng thái Phân biệt là *phân biệt chấp ngã* và *phân biệt chấp pháp*, tức đoạn diệt *Tướng liên tục* trong sáu thô. Nơi đây được gọi là *Sự liên tục* (*Bất đoạn tương ưng nhiễm*).

- Thứ ba, hàng Bồ-tát từ Nhị địa đến Thất địa; tại các địa vị này, hành giả vẫn tiếp tục tu quán *Nhị không* để đoạn diệt dần dần hai trạng thái Câu sinh là *câu sinh chấp ngã* và *câu sinh chấp pháp*, tức trạng thái *Phân biệt*, là tướng vi tế nhất trong sáu thô. Nơi đây được gọi là *Sự phân biệt* (*Phân biệt trí tương ưng nhiễm*).

- Thứ tư, hàng Bồ-tát Bát địa; tại địa vị này, hành giả đã phá xong câu sinh chấp pháp nên tự tại với cảnh. Tức đã đoạn diệt *Sự Năng hiện*, là tế thứ ba trong ba tế (*Hiện sắc bất tương ưng nhiễm*).

- Thứ năm, là hàng Bồ-tát Cửu địa; tại địa vị này, hành giả đã phá xong *Sự Năng kiến* (*Năng kiến tâm bất tương ưng nhiễm*), là tế thứ hai trong ba tế, nên tâm hành giả được tự tại.

- Thứ sáu, là hàng Bồ-tát Thập địa, đã quán phá *Sự năng động*, tức Tướng nghiệp, là tế thứ nhất trong ba tế (*Căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm*). Đến đây câu sinh chấp ngã vi tế mới hoàn toàn tuyệt diệt và hành giả chính thức trực nhập cõi Như Lai.

Trong sáu thứ tâm nhiễm trên, ba thứ trước là loại tâm nhiễm *có thích ứng*, nghĩa là lúc nào nhận thức và đối tượng cũng tương đồng; còn ba thứ sau là loại tâm nhiễm *không thích ứng*, nghĩa là lúc nào nhận thức và đối tượng cũng bất đồng.

Ở trước, Luận chủ đã nêu tiền đề rằng, sở dĩ tâm sinh diệt hiện hữu (Bất giác) là do không thấu triệt Chân như đồng nhất (hay Pháp giới Nhất Thể).

Với giải thích về quá trình hoàn tịnh này Luận chủ đã minh xác cho tiền đề đó; tức là, khi thấu triệt *Pháp giới Nhất Thế* là trực nhập cõi Như Lai, là Giác. Tại đây, Bất giác hoàn toàn không có chỗ đứng.

- *Điểm thứ ba*: Từ “*Thêm nữa... đến... trong lĩnh vực thế gian*” là giải thích thêm để rõ hơn về ý nghĩa của tâm nhiễm.

Tại đây, một lần nữa, Luận chủ khẳng định rằng, cái được gọi là *tâm nhiễm* hay cái gọi là *ba tế, sáu thọ* có mặt, là do nương vào Bất giác (vô minh), tức nương cái “*nhất niệm vô minh tối sơ*” (Sơ tướng vô minh). Tâm nhiễm thì hoạt dụng ở mặt nổi nên được gọi là *Chi mạng vô minh*, còn Bất giác thì hoạt dụng ở trạng thái tiềm ẩn nên gọi là *Căn bản vô minh*. Tâm nhiễm và Bất giác tuy cùng Bản Thể nhưng tác dụng lại sai khác. Tác dụng của tâm nhiễm là gây phiền não khổ đau nên được gọi là phiền não chướng, làm trở ngại cái *Trí căn bản* (Như lý trí), là cái Trí hội nhập Chân như. Tác dụng của Bất giác là gây mê mờ hôn ám nên được gọi là sở tri chướng, làm trở ngại cái *Trí sự dụng* (Như lượng trí), là Trí toàn giác vạn hữu.

Đến đây, đã giải thích xong yếu tố sinh diệt của tâm cả hai mặt thuận và nghịch (Lưu chuyển, Hoàn tịnh). Tiếp theo đây, sẽ nói về sắc thái sinh diệt của tâm.



B.III.1.c¹.a₃: Nói sắc thái sinh diệt.

• **ÂM:**

Phục thứ, sinh diệt tương giả, hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả thô, dữ tâm tương ưng cố. Nhị giả tế, dữ tâm bất tương ưng cố. Hựu thô trung chi thô, phạm phu cảnh giới. Thô trung chi tế, cập tế trung chi thô, Bồ-tát cảnh giới. Tế trung chi tế, thị Phật cảnh giới.

Thử nhị chủng sinh diệt, y ư vô minh huân tập nhi hữu; sở vị y Nhân y Duyên. Y Nhân giả, Bất giác nghĩa cố. Y Duyên giả, vọng tác cảnh giới nghĩa cố. Nhược Nhân diệt tắc Duyên diệt. Nhân diệt cố bất tương ưng tâm diệt. Duyên diệt cố tương ưng tâm diệt.

Vấn viết: Nhược tâm diệt giả, vân hà tương tục? Nhược tương tục giả, vân hà thuyết cứu cánh diệt?

Đáp viết: Sở ngôn diệt giả, duy tâm tướng diệt, phi Tâm Thể diệt. Như phong y thủy nhi hữu động tướng, nhược thủy diệt giả, tắc phong tướng đoạn tuyệt, vô sở y chỉ. Dĩ thủy bất diệt, phong tướng tương tục; duy phong diệt cố, động tướng tùy diệt, phi thị thủy diệt. Vô minh diệt nhĩ, y Tâm Thể nhi động; nhược Tâm Thể diệt giả, tắc chúng sinh đoạn tuyệt, vô sở y chỉ, dĩ Thể bất diệt, tâm đắc tương tục; duy si diệt cố, tâm tướng tùy diệt, phi Tâm trí diệt.

• NGHĨA:

Lại nữa, sắc thái sinh diệt thì có hai loại. Hai loại ấy như thế nào? -Một là thô, tức loại *thích ứng* với tâm; hai là tế, tức loại không *thích ứng* với tâm (nhận thức). Trong này, có loại thô trong thô, là lĩnh vực của hàng phàm phu; loại tế trong thô và loại thô trong tế là lĩnh vực của hàng Bồ-tát; loại tế trong tế là lĩnh vực của chư Phật. Hai sắc thái sinh diệt này sở dĩ có mặt là do *vô minh huân tập*, nghĩa là do nương vào Nhân tố và Duyên tố. Nhân tố chính là Bất giác, Duyên tố chính là đối cảnh do Bất giác hình thành. Nhân tố diệt thì Duyên tố diệt; Nhân tố diệt là loại *không thích ứng*

diệt, Duyên tổ diệt là loại *thích ứng* diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì tại sao có sự liên tục? Có sự liên tục thì tại sao nói diệt hoàn toàn?

Đáp: Diệt ở đây chỉ là diệt cái tướng của tâm, chứ không phải diệt cái Thể của Tâm. Như gió tác động với nước mà có sóng, giả như nước diệt thì gió phải diệt vì không có đối tượng để tác động. Nhưng nước thì không bao giờ diệt nên gió vẫn tác động liên tục, chỉ có trường hợp gió lặng thì sóng mới ngừng và nước thì vẫn như cũ. Vô minh cũng vậy, nương Tâm Thể mà vọng động, giả như Tâm Thể diệt thì chúng sinh đoạn diệt vì không chỗ nương tựa. Nhưng sự thật, Tâm Thể thì bất diệt nên vọng tâm vẫn liên tục; chỉ khi vô minh diệt thì vọng tâm mới hủy diệt, và Tâm Thể thì bất diệt.

• **GIẢI:**

Đoạn này có hai phần:

1. *Phần thứ nhất:* Từ “*Lại nữa... đến... loại thích ứng diệt*” là lược nói về sắc thái sinh diệt của tâm nhiễm, tức sắc thái của *ba tế, sáu thô* ở trước, và nói về địa vị hủy diệt các tâm nhiễm ấy.

Đề rõ nghĩa hơn, nơi đây Luận chủ phân tích *ba té, sáu thô* thành ba sắc thái. Tuy vậy, hai tướng thô thứ năm và thứ sáu (Động tác, Khổ đau) vì quá thô ai cũng rõ biết, nên không nói đến.

- Trước hết là *sắc thái thô*, tức chỉ hai tướng *Chấp thủ* và *Chấp ngôn ngữ*. Đây là đối cảnh mà ở địa vị Nhị thừa và Tam hiền giác ngộ.

- Thứ đến có hai sắc thái, đó là *sắc thái tế trong thô*, tức chỉ tướng *Phân biệt* và tướng *Liên tục*. *Sắc thái thô trong tế*, tức chỉ *Chuyển tướng* và *Hiện tướng*. Đây là đối cảnh mà hàng Bồ-tát từ Sơ địa đến Thập địa giác ngộ.

- Thứ ba là *sắc thái tế*, tức chỉ *Vô minh Nghiệp tướng* (Sơ tướng vô minh). Đây là đối cảnh mà Bồ-tát cấp Đẳng giác giác ngộ để hoàn thành quả vị Phật-đà.

- *Sắc thái thô* là sắc thái dễ thấy nên gọi là sắc thái *thích ứng*, nghĩa là giữa chủ-khách, năng-sở luôn luôn khế hợp nhau. Tức khi tâm nhiễm thì các pháp (đối tượng) ô nhiễm, khi Tâm trong sáng thì các pháp nhiễm ô vắng mặt. *Sắc thái tế* là sắc thái khó thấy nên gọi là sắc thái *không thích ứng*. Nghĩa là tính chất ô nhiễm luôn luôn hiện hữu dù tâm ở trạng thái nào.

Sở dĩ có những sắc thái trên là do *vô minh huân tập*, nghĩa là lấy vô minh làm gốc. Chính vô minh là Nhân để sinh khởi ba tướng tế, rồi chính tướng tế thứ ba (Hiện tướng) làm Duyên mà sinh khởi sáu thô. Vì thế, khi vô minh diệt (Nhân) thì Hiện tướng (Duyên) diệt; và Duyên diệt thì sáu thô diệt.

2. *Phần thứ hai*: Từ “*Hỏi... đến... bắt diệt*” là xác minh cái gì hủy diệt. Phần trên trình bày rằng, khi vô minh diệt thì ba tế, sáu thô diệt, tức là tâm nhiễm hủy diệt; sợ rằng sẽ có người cho giáo nghĩa *Khởi Tín* chủ trương đoạn diệt, chính thế mới có phần này. Nói đại lược, Luận chủ giải thích rằng, đoạn diệt ở đây là đoạn diệt cái tướng hư vọng của tâm, chứ không phải đoạn diệt Bản Thể của Tâm. Để dễ hiểu, Luận chủ đưa ra ví dụ: Vì có gió (vô minh) nên nước (Tâm Thể) nổi sóng (vọng tâm) tiếp nổi liên tục (Tướng tương tục). Nếu gió hết (vô minh diệt) thì sóng lặng (vọng tâm diệt) mà nước không diệt (Tâm Thể).

Tiếp theo trình bày sự *sinh diệt liên tục* để biểu thị Thể-Tướng-Dụng vĩ đại của Tâm ở hai lĩnh vực Mê và Ngộ.



B.III.1.c¹.b: Nói sự sinh diệt liên tục (có 4 ý):

B.III.1.c¹.b₁: Nói tổng quát.

B.III.1.c¹.b₂: Nói pháp nhiễm liên tục như thế nào.

B.III.1.c¹.b₃: Nói pháp tịnh liên tục như thế nào.

B.III.1.c¹.b₄: Nói pháp nào bất diệt.



B.III.1.c¹.b₁: Nói tổng quát.

• **ÂM:**

Phục thứ, hữu tứ chủng pháp huân tập nghĩa cố, nhiễm pháp tịnh pháp khởi bất đoạn tuyệt. Vân hà vi tứ? -Nhất giả Tịnh pháp, danh vi Chân như. Nhị giả nhất thiết Nhiễm nhân, danh vi Vô minh. Tam giả Vọng tâm, danh vi Nghiệp thức. Tứ giả Vọng cảnh giới, sở vi Lục trần.

Huân tập nghĩa giả, như thế gian y phục, thật vô ưu hương, nhược nhân dĩ hương nhi huân tập cố, tắc hữu hương khí. Thử diệt như thị, Chân như tịnh pháp thật vô ưu nhiễm, đản dĩ Vô minh huân tập cố, tắc hữu nhiễm tướng. Vô minh nhiễm pháp thật vô tịnh nghiệp, đản dĩ Chân như nhi huân tập cố, tắc hữu tịnh dụng.

• **NGHĨA:**

Lại nữa, có bốn pháp liên quan đến huân tập làm cho pháp nhiệm và pháp tịnh hoạt dụng liên tục. Bốn pháp đó là gì? - Một là *Pháp tịnh*, tức *Chân như*. Hai là *Tâm nhiệm*, tức *Vô minh* (Bất giác). Ba là *Vọng tâm*, tức *Nghiệp thức*. Bốn là *Vọng cảnh*, tức *Sáu cảnh*.

Huân tập nghĩa là, ví như y phục vốn không có mùi thơm, nhưng xông ướp với mùi hương gì thì y phục sẽ có mùi thơm của hương ấy. Ở đây cũng vậy, *Chân như* vốn không có sắc thái ô nhiễm, nhưng vì *Vô minh huân tập*, nên có sắc thái ô nhiễm. *Vô minh* vốn không có hoạt dụng trong sáng, nhưng vì *Chân như huân tập* nên có hoạt dụng trong sáng.

• **GIẢI:**

Đoạn này là giới thiệu tổng quát về sự sinh diệt liên tục của Tâm ở hai lĩnh vực Mê và Ngộ.

Tổng quát để nói, trong quá trình sinh diệt có bốn pháp tham dự huân tập qua lại giữa Tịnh và Nhiễm liên tục không ngừng. Đó là bốn pháp “*Chân như huân tập*”, “*Vô minh huân tập*”, “*Vọng tâm huân tập*” và “*Vọng cảnh huân tập*”. Bốn pháp huân tập này tạo

thành hai loại huân tập là huân tập nhiễm và huân tập tịnh (sẽ được giải thích ở phần kế tiếp). Thực tại Chân như vốn thanh tịnh, nhưng vì *Vô minh huân tập* mà thành nhiễm. Vô minh vốn ô nhiễm, nhưng vì *Chân như huân tập* mà có hoạt dụng thanh tịnh.



B.III.1.c¹.b₂: Nói pháp nhiễm liên tục như thế nào.

• **ÂM:**

Vân hà huân tập khởi nhiễm pháp bất đoạn?
-Sở vị dĩ y Chân như pháp cố, hữu u vô minh; dĩ hữu vô minh nhiễm pháp Nhân cố, tức huân tập Chân như; dĩ huân tập cố, tác hữu vọng tâm; dĩ hữu vọng tâm, tức huân tập vô minh, bất liễu Chân như pháp cố, Bất giác niệm khởi, hiện vọng cảnh giới; dĩ hữu vọng cảnh nhiễm pháp duyên cố, tức huân tập vọng tâm, linh kỳ niệm trước, tạo chủng chủng Nghiệp, thọ u nhất thiết thân tâm đẳng khổ.

Thử vọng cảnh giới huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả tăng trưởng niệm huân tập. Nhị giả tăng trưởng thủ huân tập.

Vọng tâm huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả Nghiệp thức căn bản huân tập, năng thọ A-la-hán, Bích-chi Phật, nhất thiết Bồ-tát sinh diệt khổ cố. Nhị giả tăng trưởng Phân biệt sự thức huân tập, năng thọ phàm phu Nghiệp hệ khổ cố.

Vô minh huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả căn bản huân tập, dĩ năng thành tựu Nghiệp thức nghĩa cố. Nhị giả sở khởi ái huân tập, dĩ năng thành tựu Phân biệt sự thức nghĩa cố.

• NGHĨA:

Pháp nhiệm được huân tập liên tục như thế nào? -Nghĩa là, vì nương vào Chân như nên có vô minh; vì có *Vô minh*, là Nhân tố của pháp nhiệm nên huân tập lại Chân như; vì có sự huân tập này nên có *Vọng tâm*; vì có vọng tâm nên huân tập lại vô minh làm cho Bất giác Chân như lại càng Bất giác thêm mà hình thành *Vọng cảnh*. Vì có vọng cảnh, là Duyên tố của pháp nhiệm, nên huân tập lại vọng tâm làm cho vọng tâm phân biệt, chấp thủ, tạo đủ thứ Nghiệp, chịu đủ thứ *khổ sở thân tâm*.

Ý nghĩa huân tập của *Vọng cảnh* có hai: Một là

huân tập làm lớn thêm *Phân biệt*, hai là huân tập làm lớn thêm *Chấp thủ*.

Ý nghĩa huân tập của *Vọng tâm* có hai: Một là huân tập củng cố thêm *Căn bản Nghiệp thức* (Động thức) làm cho A-la-hán, Duyên giác và Bồ-tát chịu cái khổ sinh diệt (Biến dịch sinh tử). Hai là huân tập làm lớn thêm *Phân biệt sự thức*, làm cho phàm phu chịu cái khổ Nghiệp buộc (Phần đoạn sinh tử).

Ý nghĩa huân tập của *Vô minh* cũng có hai: Một là huân tập căn bản làm lớn thêm và hoàn thành bản thân *Nghiệp thức*. Hai là huân tập xuất phát từ kiến-ái làm lớn thêm và hoàn thành *Phân biệt sự thức*.

• **GIẢI:**

Đoạn này trình bày về sự huân tập liên tục của các pháp nhiễm. Gồm có 2 phần:

- *Phần thứ nhất*: Từ “*Pháp nhiễm... đến... khổ thân tâm*” là trình bày đại lược sự huân tập các pháp nhiễm vào Chân như.

Khế kinh dạy: “*Vô minh là cái không có Thực Thể, nó nương vào Chân như mà khởi*”. Nói khác hơn, vì có Thực Thể Chân như mà không biết như thật về Chân

như, đây là trạng huống vô minh. Vì có *Vô minh* nên nó làm Nhân tố huân tập vào Chân như, do huân tập này mà Chân Tâm (Chân như) biến thành vọng tâm. *Vọng tâm* lại huân tập vô minh làm tăng thêm sự vô minh về Chân như, mà có mặt vọng cảnh. *Vọng cảnh* này lại làm Duyên tố huân tập lại vọng tâm, làm cho vọng tâm phân biệt, chấp thủ tạo tác đủ thứ để nhận lấy mọi *khổ đau về thân và tâm*.

Đây chỉ là những nét đại cương sự huân tập các pháp nhiệm; nếu phối hợp *ba tế, sáu thô, năm ý, sáu nhiệm* để triển khai thì sự huân tập vô minh vào Chân như thật là phức tạp. Chính thế, nên luận văn bảo rằng, chỉ có hàng Bồ-tát Pháp thân trở lên mới thấy và đoạn diệt được.

- *Phần thứ hai*: Từ “*Ý nghĩa... đến... Phân biệt sự thức*” là trình bày tác dụng huân tập của ba pháp nhiệm trên, đó là *Vọng cảnh, Vọng tâm và Vô minh*:

+ *Vọng cảnh huân tập*: *Vọng cảnh* chính là sáu trần, vọng cảnh này huân tập vào vọng tâm làm tăng thêm *Chi mật vô minh*. Thứ nhất, làm tăng thêm *Trí tướng và Tương tục tướng* (Phân biệt + Liên tục), nghĩa

là vốn chúng đã được phát sinh từ vô minh, giờ đây do *Vọng cảnh huân tập* nữa, nên càng lớn mạnh thêm. Thứ hai, làm tăng thêm *Chấp thủ* (Chấp thủ + Chấp ngôn ngữ). Tóm lại, *Vọng cảnh huân tập* vào vọng tâm làm tăng thêm sức mạnh bốn thô đầu trong sáu thô.

+ *Vọng tâm huân tập*: Vọng tâm chính là Nghiệp thức (Ý), vọng tâm này huân tập vào *Căn bản vô minh* làm cho Thánh-Phàm chịu cái khổ sinh diệt. Thứ nhất, vì vọng tâm huân tập vào vô minh củng cố thêm sức mạnh của vô minh, làm cho A-lại-da liên tục bất đoạn, nên các bậc Nhị thừa, Bồ-tát phải chịu cái khổ sinh diệt (Biến dịch sinh tử). Thứ hai, làm tăng thêm sức mạnh của *Phân biệt sự thức* (Ý thức), tức tăng thêm sức mạnh ngã kiến, ngã ái làm tăng cường độ chấp thủ sáu trần, rồi tạo tác đủ mọi sự càng thêm sâu dày, đây là hoàn cảnh của hàng phàm phu phải chịu cái khổ của Nghiệp ràng buộc là vậy (Phần đoạn sinh tử).

+ *Vô minh huân tập*: Vô minh là trạng thái không biết như thật về Chân như. Sự huân tập của vô minh có hai: Thứ nhất là huân tập *Căn bản vô minh*, tức trạng huống *Vô minh huân tập* vào Chân như biến Chân như

thành Nghiệp thức (A-lại-da thức). Chính do sự huân tập này mà có ba tế, sáu thô, năm ý, sáu nhiễm; tất cả đều là kết quả của vô minh hoặc trực tiếp hay gián tiếp. Thứ hai là huân tập *Chi mật vô minh*, Chi mật vô minh chính là ngã kiến, ngã ái; chúng vốn được sinh khởi từ *Căn bản vô minh*. Kiến và ái này huân tập vào vọng tâm (biến thái của Chân như) mà hình thành Phân biệt sự thức (Ý thức tức bảy thức trước); vì phân biệt và phân biệt liên tục nên có mọi đối cảnh ngàn sai muôn biệt.



B.III.1.c¹.b₃: *Nói pháp tịnh liên tục như thế nào.*
(Đoạn này khá dài, tạm chia nhiều phần để dễ nhận thức).

• **ÂM:**

Vân hà huân tập khởi tịnh pháp bất đoạn?
-Sở vị dĩ hữu Chân như pháp cố, năng huân tập vô minh; dĩ huân tập nhân duyên lực cố, tác linh vọng tâm yếm sinh tử khổ, nhạo cầu Niết-bàn. Dĩ thử vọng tâm hữu yếm cầu nhân duyên cố, tức huân tập Chân như, tự tín kỹ tánh, tri tâm vọng động, vô tiền cảnh giới, tu viễn ly pháp; dĩ như thật tri vô

tiền cảnh giới, cố chủng chủng phương tiện, khởi tùy thuận hạnh, bất thủ bất niệm. Nãi chí cửu viên, huân tập lực cố, vô minh tắc diệt. Dĩ vô minh diệt cố, Tâm vô hữu khởi; dĩ vô khởi cố, cảnh giới tùy diệt; dĩ nhân duyên câu diệt cố, Tâm tướng giai tận, danh đức Niết-bàn, thành tự nhiên nghiệp.

• NGHĨA:

Pháp tịnh huân tập liên tục như thế nào? Đó là, vì có Chân như nên huân tập vào vô minh; do sức mạnh của sự huân tập này mà làm cho vọng tâm chán ghét cái khổ sinh tử, cầu mong cái vui Niết-bàn. Vì vọng tâm có sự chán ghét và cầu mong này, lại huân tập vào Chân như làm cho chúng sinh tự tin Chân như, nhận thức được vọng tâm, không theo vọng cảnh và tu tập các pháp viển ly. Nghĩa là, vì biết một cách đúng như thật rằng, vọng cảnh không thật có, nên vận dụng mọi phương tiện tu tập *thích ứng* với Chân như không còn chấp thủ, phân biệt nữa. Tu tập lâu ngày như thế, sức mạnh của sự huân tập này sẽ làm vô minh hủy diệt. Vô minh hủy diệt thì tâm không còn vọng động; tâm không vọng động nên vọng cảnh diệt theo; vì Nhân tố

và Duyên tổ đều diệt nên tất cả các tướng của tâm đều diệt hết, như thế gọi là chứng đắc Niết-bàn, thành tựu Diệu Dụng.

• **GIẢI:**

- Dù là huân nhiễm hay huân tịnh, đầu mỗi duy nhất của *Nhất Tâm* vẫn là Chân như. Trường hợp ở huân nhiễm, Chân như bị sương mù hư ảo của vô minh che phủ, đó là mặt trái của sự thật Chân như; nhưng ở mặt phải, Chân như tự nó luôn có tác lực huân tập trở lại vào vô minh, phải và trái hay thuận và nghịch là hai mặt của *Nhất Tâm*, chúng tương phản hỗ tương mà hiện hữu; và vô minh sẽ hủy diệt khi hành giả chính thức hội nhập Chân như, tại đây thì không dung chứa bất cứ một tánh ngã nào.

- Trên đây là phần mở đầu nói về *Chân như huân tập* vô minh. Đại lược, do *Chân như huân tập* vào vô minh giúp hành giả khởi tâm (vọng tâm) chán ghét khổ đau sinh tử, cầu mong cái vui Niết-bàn. Do năng lực sự khởi tâm này, nó huân tập trở lại Chân như, làm cho hành giả tự tin tánh Phật (Chân như) của mình; đây là giai đoạn tu tập của hàng Bồ-tát Thập tín. Nhờ đức tin

này, dần dần hành giả nhận thức ra rằng, chính do tâm mình vọng động mà hiện hữu mọi hiện tượng (cảnh giới); đây là giai đoạn tu tập của hàng Bồ-tát Thập trụ. Do nhận thức trên, hành giả hạ quyết tâm tu tập hạnh xả ly khỏi các pháp nhiễm ô; đây là giai đoạn tu tập của hàng Bồ-tát Thập hạnh và Thập hướng. Khi đã biết rõ vọng cảnh là hư huyễn (Sơ địa) nên vận dụng nhiều phương pháp tu tập để *thích ứng* với Chân như (từ Nhị địa đến Cửu địa) không còn chấp thủ, phân biệt nữa (liã bốn tướng thô đầu). Tu tập lâu ngày như thế đến thời điểm nhuần nhuyễn (Thập địa) thì vô minh hủy diệt.

Tóm lại, nhờ sức huân tập của Chân như làm cho vô minh hủy diệt (Nghịch tướng). Vô minh đã hủy diệt ắt hẳn tâm không còn vọng động (Chuyển tướng) và vọng cảnh cũng bật dứt (Hiện tướng). Vậy là, khi Nhân tố (vô minh) và Duyên tố (cảnh giới) diệt hết thì tất cả tướng trạng của tâm (sáu thô) đều hủy diệt; đây là thời điểm hành giả trực nhập Niết-bàn (Chân như) với sự viên mãn vô lượng Diệu Dụng bất tư nghị.

Tựu trung, quá trình hoàn tịnh theo diễn biến Nhân quả trên, quy kết vào ba điểm chính sau:

+ Nhân vô minh diệt thì ba tâm nhiễm *không thích ứng* diệt (ba tế).

+ Duyên cảnh giới diệt thì ba tâm nhiễm *thích ứng* diệt (sáu thô).

+ Các tâm nhiễm diệt là hội nhập Chân như, thành tựu Phật-đà.

• **ÂM:**

Vọng tâm huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả, Phân biệt sự thức huân tập, y chư phạm phu Nhị thừa nhân đẳng, yếm sinh tử khổ, tùy lực sở năng, dĩ tiệm thú hướng vô thượng đạo cố. Nhị giả, Ý huân tập, vị chư Bồ-tát, phát tâm đồng mãnh, tốc thú Niết-bàn cố.

Chân như huân tập nghĩa hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả, tự Thể Tướng huân tập. Nhị giả, Dụng huân tập. Tự Thể Tướng huân tập giả, tòng vô tử thể lai, câu vô lậu pháp, bị hữu bất tư nghị nghiệp, tác cảnh giới chi tánh. Y thử nhị nghĩa, hằng thường huân tập, dĩ hữu lực cố, năng linh chúng sinh, yếm sinh tử khổ, nhạo cầu Niết-bàn, tự tín kỹ thân hữu Chân như pháp, phát tâm tu hành.

• **NGHĨA:**

Sự huân tập của vọng tâm có hai loại: Một, sự huân tập của *Phân biệt sự thức* (Ý thức), làm cho phàm phu và hàng Nhị thừa chán ghét cái khổ sinh tử, tùy năng lực mà tiệm tiến về Tuệ giác vô thượng. Hai, sự huân tập của Ý, làm cho các vị Bồ-tát phát tâm đồng mãnh, tiến nhanh về Niết-bàn vô thượng.

Sự huân tập của Chân như cũng có hai loại: Một, *Thể* và *Tướng* huân tập. Hai, *Dụng* huân tập. Thể và Tướng của *Chân như huân tập* là từ vô thủy đến nay, Chân như đầy đủ các pháp thuần tịnh (Vô lậu) và đầy đủ mọi Hoạt dụng siêu việt. Chính vì có sẵn hai sự đầy đủ này nên Chân như thường xuyên huân tập, và sự huân tập này có sức mạnh làm cho chúng sinh chán ghét cái khổ sinh tử, cầu mong cái vui Niết-bàn, với niềm tự tin rằng, mình có Tâm Thể Chân như mà phát tâm tu hành Tâm Thể ấy.

• **GIẢI:**

Đoạn này gồm hai phần:

- *Phần thứ nhất*: Từ “*Sự huân tập... đến... Niết-bàn vô thượng*” là giải thích *Vọng tâm huân tập* vào Chân như.

Trước tiên, vấn đề thắc mắc tại đây cần được đáp án; đó là, đã vọng tâm thì làm sao sự huân tập của nó vào Chân như mà trở thành Chân được? -Sự thật, bất cứ hiện tượng nào hiện hữu, luôn luôn có hai mặt (luật tương phản hỗ tương); vọng tâm cũng thế, nó có hai mặt, đó là tịnh và nhiễm; vọng tâm tịnh hay nhiễm (thiện, bất thiện) là tùy thuộc tương quan Nhân quả của nó. Thực tế, khi vô minh (Nhân) huân tập Chân như (Duyên) thì vọng tâm (Quả) là pháp nhiễm; nhưng khi Chân như huân tập vô minh thì vô minh đã bị Chân như chi phối nên vọng tâm sẽ nhận kết quả chi phối đó (pháp tịnh).

Nội dung *Vọng tâm huân tập* chính là sự huân tập của *Ý thức* và *Ý*:

+ *Ý thức* (tương đương Thức thứ sáu) *huân tập Chân như* (Phật tánh): Nghĩa là vốn đã được Chân như huân tập nên Ý thức đã được phản tỉnh, Ý thức phản tỉnh này trở lại huân tập vào Chân như, làm cho hàng Nhị thừa và Bồ-tát Thập tín chán ghét khổ đau sinh tử mà mong cầu an vui Niết-bàn, do đây mà phát tâm tu tập tiến dần về Tuệ giác vô thượng.

+ *Ý huân tập* (cả năm ý) *Chân như*: Tương tự như trên, do năng lực phản tỉnh của Ý, nó huân tập trở lại vào Chân như, làm cho sự tu của các hàng Bồ-tát (Tam hiền, Thập thánh) càng thêm mạnh mẽ để mau thành tựu quả vị Phật-đà.

- *Phần thứ hai*: Từ “*Sự huân tập... đến... tu hành Tâm Thể ấy*” là giải thích *Chân như huân tập* vào vô minh. Sự huân tập này cũng có hai loại: Một, *Thể-Tướng huân tập*; hai, *Dụng huân tập*.

Tại Chân như, *Thể-Tướng-Dụng* là một sự thật bất ly (đồng đẳng, Nhất Thể). Nhưng trên phương diện dùng ngôn ngữ để diễn đạt, thì gương ép tằm phân thành ba sắc thái, và cũng đứng trên cơ sở này để giải thích sự huân tập của Chân như. Chính xác để nói, *Chân như huân tập* chính là *Tướng Chân như* (Như Lai tạng, Phật tánh...) và *Dụng Chân như* (Nhân quả thiện thế và xuất thế) huân tập.

Phương tiện để nói là thể, nhưng trên sự thật thì không thể phân chia được, vì thể phải gom lại làm một để giải thích. Tựu trung, nhờ *Chân như huân tập* liên tục như thể làm tánh Phật chúng sinh được khơi dậy,

tự tin mình có tánh Phật, nên nhàm chán sinh tử hướng cầu Niết-bàn. Sau đây, sẽ giải thích một số thắc mắc chung quanh sự huân tập này.

• **ÂM:**

Vấn viết: Nhược như thị nghĩa giả, nhất thiết chúng sinh tất hữu Chân như, đẳng giai huân tập, vân hà hữu tín vô tín, vô lượng tiền hậu sai biệt? Giai ưng nhất thời tự tri hữu Chân như pháp, cần tu phương tiện, đẳng nhập Niết-bàn?

Đáp viết: Chân như bốn Nhất, nhi hữu vô lượng vô biên vô minh. Tùng bốn dĩ lai, tự tánh sai biệt, hậu bạc bất đồng cố; quá Hằng hà sa đẳng thượng phiền não, y vô minh khởi sai biệt; ngã kiến-ái nhiễm phiền não, y vô minh khởi sai biệt. Như thị nhất thiết phiền não, y vô minh sở khởi, tiền hậu vô lượng sai biệt, duy Như Lai năng tri cố.

Hựu chư Phật pháp, hữu Nhân hữu Duyên, Nhân Duyên cụ túc, nãi năng thành biện. Như mộc trung hỏa tánh, thị hỏa chánh Nhân, nhược vô nhân tri, bất giả phương tiện, năng tự thiêu mộc, vô hữu thị xứ. Chúng sinh diệt nhĩ, tuy hữu chánh Nhân

huân tập chi lực, nhược bất ngộ chư Phật Bồ-tát, Thiện tri thức đấng, dĩ chi vi Duyên, năng tự đoạn phiền não, nhập Niết-bàn giả, tắc vô thị xứ. Nhược tuy hữu ngoại Duyên chi lực, nhi nội tịnh pháp vi hữu huân tập lực giả, diệt bất năng cứu cánh yếm sinh tử khổ, nhạo cầu Niết-bàn. Nhược Nhân Duyên cụ túc giả, sở vi tự hữu huân tập chi lực, hựu vi chư Phật Bồ-tát đấng, Từ bi nguyện hộ cố, năng khởi yếm khổ chi tâm, tín hữu Niết-bàn, tu tập thiện căn. Dĩ tu thiện căn thành thực cố, tắc trị chư Phật, Bồ-tát thị giáo lợi hỷ, nãi năng tấn thú, hướng Niết-bàn đạo.

• NGHĨA:

Hỏi: Theo ý nghĩa đó thì ai cũng có Chân như và sự huân tập của Chân như, nhưng tại sao có người tin, có người không tin; lại còn có vô số sự *sai biệt* trước sau nữa? Lẽ ra, ai cũng cùng lúc tự biết mình có Chân như và đều tu tập các phương tiện thích nghi để cùng thể nhập Niết-bàn mới phải chứ?

Đáp: Chân như thì đồng nhất mà vô minh thì vô số. Từ gốc đến ngọn đặc tính của vô minh vốn sai khác

nhau vì nặng-nhẹ bất đồng; các phiền não nặng nhiều hơn số cát sông Hằng, đều nương nơi vô minh mà sinh khởi khác nhau; và những phiền não nhẹ, như ngã kiến, ngã ái cũng đều nương nơi vô minh mà sinh khởi khác nhau. Tất cả phiền não nói trên đều nương nơi vô minh mà sinh khởi, trước sau sai khác nhiều đến vô lượng, và chỉ có đức Như Lai mới biết rõ hết. (Do đó, mà có người tin, người không tin và trước sau sai khác).

Lại nữa, theo Pháp của chư Phật, cái gì cũng có Nhân có Duyên, Nhân Duyên hội đủ thì mới thành tựu. Như tánh lửa trong gỗ là Nhân chính của lửa, nếu không ai biết và dùng cách để lấy lửa mà bảo gỗ tự cháy lên là điều không thể có. Chúng sinh cũng vậy, tuy có Nhân chính là sức mạnh huân tập của Chân như, nhưng nếu không gặp chư Phật, Bồ-tát và các Thiện tri thức làm Duyên mà tự đoạn diệt phiền não để vào Niết-bàn là điều không thể xảy ra. Trường hợp có sức mạnh huân tập của ngoại Duyên, nhưng chưa có sức mạnh nội huân là Chân như, thì cũng chưa hoàn toàn chán cái khổ sinh tử cầu cái vui Niết-bàn. Nếu Nhân và Duyên đầy đủ, tức có sức mạnh nội huân của Chân như bên

trong, lại được nguyện lực ngoại huân của chư Phật, Bồ-tát bên ngoài Từ bi gia hộ, mới thực sự chán cái khổ sinh tử, tin có Niết-bàn và tu tập những điều lành căn bản. Rồi nhờ tu tập các điều lành thuần thực, nên gặp được chư Phật, Bồ-tát khuyến bảo, giáo hóa, tán thưởng mới có thể đi thẳng nhanh chóng đến Niết-bàn.

• **GIẢI:**

Đoạn này gồm có ba phần:

- *Phần thứ nhất:* Từ “*Hỏi... đến... mới phải chứ?*”: Luận chủ giả thiết đặt hai nghi vấn có thể xảy ra khi trình bày sự huân tập Chân như vào vô minh.

+ *Nghi vấn thứ nhất:* Chúng sinh vốn sẵn Chân như bình đẳng như nhau thì tại sao có vô số hiện trạng sai khác, như hiện trạng người trí kẻ ngu, người chánh kẻ tà, người tin kẻ không...?

+ *Nghi vấn thứ hai:* Chúng sinh đều nhờ *Chân như huân tập* mà phát tâm tu tập, thì tại sao không đồng thời tự tin, đồng thời tu tập, đồng thời nhập Niết-bàn... mà có vô số hiện trạng trước sau sai khác nhau?

Qua ý nghĩa của hai nghi vấn trên, có thể quy kết vào một điều nghi: *Thật sự, Chân như không thật có*

hay Bản Thể chúng sinh không phải là tánh Phật!

- Phần thứ hai: Từ “Đáp... đến...rõ biết hết” là phần đầu giải đáp hai nghi vấn trên.

Tổng quát để nói, đáp án cho hai nghi vấn trên có hai ý:

+ Thứ nhất, do vô minh dày mỏng mỗi người mỗi khác nhau.

+ Thứ hai, do ngoại Duyên mỗi người mỗi sai khác.

Phần này giải thích rằng, sở dĩ có những hiện tượng trên là do sự huân tập vô minh vào Chân như ở mỗi người sâu cạn sai khác. Nghĩa là, mỗi người trạng thái các tâm nhiễm *không thích ứng*, tâm nhiễm *thích ứng* có vô số sự sai khác. Nếu trạng thái vô minh sâu nặng thì chậm giác ngộ và ngược lại.

- Phần thứ ba: Từ “Lại nữa... đến... Niết-bàn” là giải thích ngoại Duyên huân tập ở mỗi người sai khác nhau.

Muốn chứng Tuệ giác Niết-bàn, theo Pháp Phật thì phải hội đủ cả Nhân lẫn Duyên. Mỗi người đều sẵn có tánh Phật (nội huân) chưa đủ, mà cần phải có sự trợ duyên bên ngoài, tức nhờ vào sự giáo hóa của chư Phật, Bồ-tát. Mặt khác, có sự trợ duyên mạnh nhưng

nội huân yếu kém cũng chưa đủ. Do thế, cần phải hội đủ cả Nhân lẫn Duyên mạnh mẽ mới đạt kết quả rốt ráo. Tựu trung, muốn hoàn thành tánh Phật (Tuệ giác Niết-bàn) cần hội đủ ba yếu tố:

+ *Chánh nhân tánh Phật* (Chân như): Sẵn có trong mỗi chúng sinh (tương tự, như lửa vốn sẵn trong gỗ).

+ *Duyên nhân tánh Phật*: Những trợ duyên của chư Phật, Bồ-tát (tương tự, như phương cách lấy lửa trong gỗ).

+ *Liễu nhân tánh Phật*: Thể nhập tánh Phật vốn sẵn có (tương tự, như khi lửa bốc cháy).

Tuy thế, nhưng phần này Luận chủ nhằm nhấn mạnh chức năng của *Duyên nhân*; nghĩa là trong quá trình giác ngộ chức năng của ngoại Duyên quan trọng không kém chức năng của Chánh nhân (nội huân). Tóm lại, nội dung tổng quát phần này giải thích rằng, sở dĩ có hiện trạng *Mê-Ngộ* nhanh chậm sai khác như thế, do bởi Duyên huân tập ở mỗi người mỗi sai khác.

• **ÂM:**

Dụng huân tập giả, tức thị chúng sinh ngoại Duyên chi lực. Như thị ngoại Duyên hữu vô lượng

ngĩa, lược thuyết nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả, Sai biệt duyên. Nhị giả, Bình đẳng duyên.

- *Sai biệt duyên* giả, thử nhân y u chư Phật, Bồ-tát đẳng, tòng sơ phát ý thử cầu đạo thời, nãi chí đắc Phật, u trung nhược kiến nhược niệm, hoặc vi quyến thuộc phụ mẫu chư thân, hoặc vi cấp sứ, hoặc vi tri hữu, hoặc vi oan gia, hoặc khởi Tứ nhiếp; nãi chí nhất thiết sở tác vô lượng hành Duyên, dĩ khởi Đại bi huân tập chi lực, năng linh chúng sinh tăng trưởng thiện căn, nhược kiến nhược văn, đắc lợi ích cố. Thử Duyên hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả Cận duyên, tốc đắc độ cố. Nhị giả Viễn duyên, cứu viễn đắc độ cố. Thị Cận-Viễn nhị duyên, phân biệt phục hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả, Tăng trưởng hành duyên. Nhị giả, Thọ đạo duyên.

- *Bình đẳng duyên* giả, nhất thiết chư Phật, Bồ-tát, giai nguyện độ thoát nhất thiết chúng sinh, tự nhiên huân tập, thường hằng bất xả. Dĩ đồng thể Trí lực cố, tùy ứng kiến văn nhi hiện tác Nghiệp. Sở vị chúng sinh y u Tam-muội, nãi đắc bình đẳng kiến chư Phật cố.

Thử Thễ-Dụng huân tập, phân biệt phục hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả, vị tương ưng, vị phàm phu Nhị thừa, sơ phát ý Bồ-tát đẳng, dĩ Ý, Ý thức huân tập, y tín lực cố, nhi năng tu hành, vị đắc vô phân biệt Tâm, dữ Thễ tương ưng cố, vị đắc tự tại nghiệp tu hành, dữ Dụng tương ưng cố. Nhị giả dĩ tương ưng. Vị Pháp thân Bồ-tát, đắc vô phân biệt Tâm, dữ chư Phật Trí-Dụng tương ưng, duy y pháp lực, tự nhiên tu hành, huân tập Chân như, diệt vô minh cố.

• NGHĨA:

Dụng của *Chân như huân tập* chính là năng lực làm ngoại Duyên (ngoại huân) cho chúng sinh vừa nói ở trên. Ngoại Duyên này có rất nhiều, đại lược thì có hai: Một là Duyên sai biệt, hai là Duyên đồng đẳng.

- *Duyên sai biệt*: Đối với những người đã có năng lực nội huân từ khi họ phát tâm cầu đạo giải thoát cho đến khi hoàn thành quả vị Phật-đà, trong thời gian này, chư Phật, Bồ-tát luôn xuất hiện trợ duyên, hoặc hiện làm những người thân như cha mẹ, bà con, hoặc hiện làm người cung cấp hay người giúp việc, hoặc hiện

làm người bạn tốt hay kẻ oán thù, hoặc hiện làm Bốn sự nhiếp hóa. Tổng quát để nói, các Ngài làm vô số Duyên xuất từ Tâm nguyện Đại bi, thành sức mạnh huân tập cho những người ấy, làm cho họ tăng trưởng điều lành, thấy nghe hay hoài niệm đều được lợi ích. Duyên sai biệt này có hai loại: Một là Duyên gần, làm cho nhanh chóng được đắc Đạo; hai là Duyên xa, làm cho lâu ngày mới được đắc Đạo. Hai Duyên gần-xa này nếu phân tích thì có hai loại nữa: Một là Duyên *Tăng trưởng Pháp hạnh*, hai là Duyên *Tiếp nhận Chánh pháp*.

- *Duyên đồng đẳng*: Hết thầy chư Phật, Bồ-tát đều nguyện cứu độ tất cả chúng sinh, Tâm nguyện đó huân tập cho chúng sinh một cách tự nhiên, thường hằng và không rời. Nghĩa là, do sức mạnh của *Tuệ giác đồng thể*¹⁶ mà hiện ra những việc thích hợp với sự thấy nghe và hoài niệm của chúng sinh. Do vậy mà trong kinh đã nói, hễ có Định lực thì ai cũng có thể thấy Phật.

Thể và Dụng của Chân như huân tập cho chúng

16 *Tuệ giác đồng thể*: Đồng thể là Bản Thể Chân như. Chúng sinh và chư Phật đồng nhất Bản Thể ấy. Tuệ giác đồng thể là Tuệ giác đã thể nhập Bản Thể đó.

sinh như trên chia ra hai loại: Một, *chưa thích ứng*, là loại làm cho phàm phu, hàng Nhị thừa và các Bồ-tát mới phát tâm được Ý và Ý thức huân tập, nên dựa vào đức tin mà tu hành, chứ chưa được cái Trí vô phân biệt *thích ứng* với Thể Chân như, chưa được *cái tu không dụng công thích ứng* với Dụng Chân như. Hai, *đã thích ứng*, là loại làm cho hàng Bồ-tát *Pháp thân* được cái Trí vô phân biệt *thích ứng* với Trí và Dụng của chư Phật, nên chỉ dựa vào *Pháp lực*¹⁷ mà tu hành một cách tự nhiên, huân tập vào Chân như mà hủy diệt vô minh (Bất giác).

• **GIẢI:**

Nội dung đoạn này có hai phần:

- *Phần thứ nhất*: Từ “*Dụng của Chân như... đến... thấy Phật*” là nói rõ thêm về Dụng của *Chân như huân tập*. Dụng ở đây chính là *Hoạt dụng siêu việt* (Bất tư nghị nghị) đã nói ở trước. Cụ thể để nói, đó chính là Diệu Dụng của chư Bồ-tát, chư Phật khi đã hội nhập Chân như; các Ngài vì Đại từ, Đại bi và Đại nguyện, luôn thể hiện các phương tiện bất tư nghị *thích ứng*

¹⁷ *Pháp lực*: Năng lực thể nhập Chân như.

mọi căn cơ, giúp chúng sinh tu tập giải thoát. Sự trợ duyên này, tổng quát thì có hai loại:

+ Thứ nhất, *Duyên sai biệt*: Đây là đứng trên căn cơ chúng sinh để xét. Nghĩa là, vì căn cơ chúng sinh bất đồng nên tiếp nhận sự trợ duyên (ngoại duyên) của chư Phật, chư Bồ-tát sai biệt nhau. Nội dung sự trợ duyên sai biệt này thì vô số, nhưng đại lược thì có năm phương diện:

1. Nương Tâm Từ bi để trợ duyên (như hiện làm cha mẹ, bà con...).

2. Nương vào công việc để trợ duyên (như hiện làm người giúp việc...).

3. Nương vào tình nghĩa để trợ duyên (như hiện làm người bạn tâm giao...).

4. Nương vào oán thù để trợ duyên (như hiện làm kẻ thù...).

5. Nương tâm lý chúng sinh để trợ duyên (như thực hành Tứ nhiếp pháp...).

Và, cũng đứng trên căn cơ chúng sinh nhìn theo hướng thời gian, nội dung *Duyên sai biệt* này lại được chia làm hai loại, đó là *Duyên gần* và *Duyên xa*. Dù

phân tích nhiều loại như thế, nhưng tựu trung không ngoài ý hướng trợ duyên cho tất cả chúng sinh *tiếp nhận Chánh pháp và tăng trưởng Pháp hạnh*, hầu thể nhập Chân như, đạt mục đích giải thoát tối hậu.

+ Thứ hai, *Duyên đồng đẳng*: Đây là đứng trên Bản Thể Bi-Trí của chư Phật, chư Bồ-tát để xét; Bi-Trí các Ngài thì thường hằng bất biến và luôn luôn huân tập cho tất cả chúng sinh một cách tự nhiên, đồng đẳng vô phân biệt. Chính vì thế, nên kinh dạy: “*Hễ có Định lực thì ai cũng có thể thấy Phật*”.

- *Phần thứ hai*: Từ “*Thế và Dụng... đến... hủy diệt vô minh*” là đúc kết sự huân tập *Thế và Dụng* của Chân như đã thuyết minh ở trước. Tổng quát phần này nhằm nói lên sự huân tập của một Chân như duy nhất, để phô diễn giáo nghĩa *Khởi Tín* là Chân như Duyên khởi hay Như Lai tạng Duyên khởi. Nội dung này chia làm hai loại:

+ Thứ nhất, *chưa thích ứng* (chưa thể nhập Chân như): Đây là trường hợp của hàng phàm phu, Nhị thừa và chư Bồ-tát sơ phát tâm (Tam hiền); ở các địa vị này, về Trí tuệ thì chưa chứng được *Trí Vô phân biệt* (Căn

bản trí), nên không thể *thích ứng* với Thể Chân như; còn về đức hạnh thì chưa được *tu không dụng công* (Hậu đắc trí), nên cũng không thể *thích ứng* với Dụng Chân như.

+ Thứ hai, *đã thích ứng* (thể nhập Chân như): Đây là trường hợp của hàng Bồ-tát Thập địa (Pháp thân Bồ-tát); ở các địa vị này, chư Bồ-tát nương vào tự thân Chân như (Pháp lực), nên chứng được Trí Vô phân biệt và Hoạt dụng siêu việt. Nghĩa là *thích ứng* với Trí và Dụng của chư Phật hay *thích ứng* với Thể và Dụng của Chân như. Và, đến thời điểm Bồ-tát *thích ứng* toàn triệt, có nghĩa Chân như hiển lộ toàn diện và vô minh hoàn toàn hủy diệt. Chân như hiển lộ là đồng nghĩa với Như Lai tạng hiển lộ hay Pháp thân Như Lai hiển lộ vậy (thành tựu quả Phật).



B.III.1.c¹.b₄: Nói pháp nào bất diệt.

• **ÂM:**

Phục thứ, nhiễm pháp từng vô tử dĩ lai, huân tập bất đoạn; nãi chí đắc Phật hậu tắc hữu đoạn;

Tịnh pháp huân tập, tắc vô hữu đoạn, tận u vị lai. Thử nghĩa vân hà? -Dĩ Chân như pháp, thường huân tập cố, vọng tâm tắc diệt, Pháp thân hiển hiện, khởi Dụng huân tập, cố vô hữu đoạn.

• **NGHĨA:**

Lại nữa, từ vô thủy đến nay các pháp nhiệm được huân tập không ngừng; nhưng đến khi thành Phật thì các pháp nhiệm ấy phải hủy diệt; còn các pháp tịnh được huân tập không ngừng thì không hủy diệt mà hiện hữu đến tận vị lai. Ý nghĩa này như thế nào? -Vi Chân như thường xuyên huân tập nên vọng tâm hủy diệt, Pháp thân hiển lộ mà phát khởi cái Dụng huân tập của nó, chứ không có hủy diệt.

• **GIẢI:**

Nội dung nói về sự sinh diệt liên tục ở trước gồm có hai điểm chính, đó là nói sự huân tập của pháp nhiệm và pháp tịnh. Chính do sự huân tập qua lại giữa nhiệm-tịnh này mà toàn bộ Pháp giới có mười cảnh giới (Tứ thánh, Lục phàm). Trong mười cảnh giới này, cảnh giới tối thượng là cảnh giới Phật. Đây cảnh giới Chân như hiển lộ toàn diện và vô minh hủy diệt hoàn

toàn. Nội dung đoạn này giải thích rằng, *pháp nhiệm* và *pháp tịnh* đều là mặt Dụng của Tâm, nhưng pháp nhiệm là nghịch dụng, nên vô tử mà hữu chung; trong khi đó, pháp tịnh là thuận dụng nên vô tử và vô chung. Vì thế, pháp nhiệm là pháp hủy diệt mà pháp tịnh là pháp bất diệt. Nên khi vô minh (pháp nhiệm) hủy diệt thì Pháp thân hiển lộ (Như Lai tạng) trọn vẹn với mọi Hoạt dụng bất khả tư nghị.



B.III.1.c²: Nói Thể-Tướng-Dụng của Chân như để biểu thị Thể, Tướng và Dụng vĩ đại của Tâm trong lĩnh vực Ngộ (Có 2 tiểu tiết):

B.III.1.c².a: Nói Thể và Tướng vĩ đại của Chân như.

B.III.1.c².b: Nói Dụng vĩ đại của Chân như.



B.III.1.c².a: Nói Thể và Tướng vĩ đại của Chân như.

• **ÂM:**

Phục thứ, Chân như tự Thể Tướng giả, nhất

thiết phàm phu, Thanh văn Duyên giác, Bồ-tát chư Phật, vô hữu tăng giảm; phi tiền tế sinh, phi hậu tế diệt; tất cánh thường hằng. Tùng bản dĩ lai, tánh tự mãn túc nhất thiết công đức. Sở vị tự Thể hữu Đại Trí tuệ quang minh nghĩa cố, biến chiếu Pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố, tự tánh thanh tịnh tâm nghĩa cố, thường-lạc-ngã-tịnh nghĩa cố, thanh lương bất biến tự tại nghĩa cố. Cụ túc như thị quá ư Hằng sa, bất ly bất đoạn, bất dị bất tư nghị Phật pháp; nãi chí mãn túc vô hữu sở thiếu nghĩa cố, danh vi Như Lai tạng, diệc danh Như Lai Pháp thân.

Vấn viết: Thượng thuyết Chân như, kỳ Thể bình đẳng, ly nhất thiết tướng, vân hà phục thuyết thể hữu như thị chủng chủng công đức?

Đáp viết: Tuy thật hữu thử chư công đức nghĩa, nhi vô sai biệt chi tướng, đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân như. Thử nghĩa vân hà? -Dĩ vô phân biệt, ly phân biệt tướng, thị cố vô nhị. Phục dĩ hà nghĩa đắc thuyết sai biệt? -Dĩ y Nghiệp thức sinh diệt tướng thị. Thử vân hà thị? -Dĩ nhất thiết pháp, bản lai duy Tâm, thật vô ư niệm, nhi hữu vọng tâm,

Bất giác niệm khởi, kiến chư cảnh giới, cố thuyết vô minh. Tâm tánh bất khởi tức thị Đại Trí tuệ quang minh nghĩa cố. Nhược tâm khởi kiến, tắc hữu bất kiến chi tướng. Tâm tánh ly kiến, tức thị biến chiếu Pháp giới nghĩa cố. Nhược tâm hữu động, phi chơn thức tri, vô hữu tự tánh, phi thường phi lạc, phi ngã phi tịnh, nhiệt não suy biến, tắc vô tự tại; nãi chí cụ hữu quá Hằng sa đẳng vọng nhiễm chi nghĩa. Đối thử nghĩa cố, Tâm tánh bất động, tắc hữu quá Hằng sa đẳng chơn tịnh công đức tướng nghĩa thị hiện. Nhược Tâm hữu khởi, cánh kiến tiền pháp khả niệm giả, tắc hữu sở thiếu; như thị tịnh pháp vô lượng công đức, tức thị Nhất Tâm, cánh vô sở niệm; thị cố mãn túc, danh vi Pháp thân, Như Lai chi tạng.

• NGHĨA:

Lại nữa, tự Thế, tự Tướng của Chân như thì ở địa vị phàm phu hay Thanh văn, ở địa vị Duyên giác hay Bồ-tát hoặc ở quả vị Phật-đà, không có việc thêm lên hay bớt đi, không phải phát sinh từ tối sơ, không phải hủy diệt ở tối hậu, mà tuyệt đối thường hằng. Xưa nay

tánh ấy vốn tự đầy đủ mọi công đức. Tức như kinh nói, tự tánh ấy như ánh sáng Trí tuệ vĩ đại, như chiếu khắp vũ trụ vạn hữu, như thấu triệt đúng như sự thật, như cái Tâm Thể trong suốt, như thường-lạc-ngã-tĩnh, như trong mát bất biến tự tại. Đại loại như vậy, đầy đủ những phẩm chất Phật-đà, những phẩm chất nhiều hơn số cát sông Hằng, không tách rời, không bao giờ hủy diệt, không biệt lập với Chân như, không thể tư duy phô diễn; và, vì đầy đủ không thiếu gì, nên Chân như được gọi là Như Lai tạng hay là Pháp thân Như Lai.

Hỏi: Trước đây đã nói Bản Thể Chân như là Nhất Thể, siêu việt tất cả mọi sắc thái, tại sao ở đây lại nói Bản Thể Chân như đầy đủ những tánh đức như vậy?

Đáp: Tuy thật có các tánh đức như thế, nhưng không có sắc thái sai khác mà là đồng đẳng Nhất Thể, duy nhất Chân như. Ý nghĩa này như thế nào? -Là vì siêu việt phân biệt và đối tượng phân biệt nên không phải dị biệt. Như thế tại sao lại nói chúng có sai biệt? -Đó là đứng trên cơ sở sinh diệt của Nghiệp thức mà biểu thị. Biểu thị như thế nào? -Tất cả các pháp đều là Tâm (Nhất Tâm), siêu việt mọi phân biệt, nhưng do

vọng tâm mà phân biệt sinh khởi để hình thành vọng cảnh, nên nói là vô minh. Tâm Thể không phân biệt chính đó là ý nghĩa ánh sáng Trí tuệ vĩ đại. Vọng tâm khởi lên cái nhận thức nên có cái không nhận thức; Tâm Thể không phát khởi cái nhận thức ấy; đây là ý nghĩa chiếu khắp vũ trụ vạn hữu. Vọng tâm vọng động nên không phải là nhận thức chân xác, không có tự tánh, không phải là Bản Thể *thường-lạc-ngã-tĩnh*, mà là nóng bức, suy biến, bị thụ động, cho đến có nhiều hơn số cát sông Hằng những sự ô nhiễm. Ngược lại, Tâm Thể thì không vọng động nên có nhiều hơn số cát sông Hằng các đức tánh trong sáng. Tâm Thể nếu vọng khởi phân biệt thì chỉ thấy được đối tượng phân biệt (mà không thấy được cái không phân biệt), như thế thì phải thiếu sót; còn vô lượng tánh đức trong sáng thì toàn là Tâm Thể đồng nhất, siêu việt phân biệt, nên Tâm Thể thật là sung mãn và được gọi là Pháp thân hay Như Lai tạng.

• **GIẢI:**

1- Sự sinh diệt và sinh diệt liên tục của tâm để biểu thị Thể-Tướng-Dụng vĩ đại của Tâm ở hai lĩnh vực Mê

và Ngộ đã thuyết minh xong. Đoạn này là thuyết minh Thể và Tướng của Chân như ở lĩnh vực Ngộ.

Qua nội dung đã trình bày về hai mặt của Tâm là Chân như và sinh diệt ở trước, không gì hơn là nói lên toàn bộ sắc thái của Pháp giới (*Nhất Pháp giới đại tổng tướng*). Đến đây, Luận chủ quy kết tất cả ý nghĩa vào Như Lai tạng. Như thế, cái Tướng chung vĩ đại của Pháp giới chính là Như Lai tạng (kho tàng chứa tánh đức trong sáng hay chứa đức Như Lai) hay chính là cái Tâm của chúng sinh. Vì thế và chính thế, giáo nghĩa *Khởi Tín* mới được mệnh danh là trường phái Như Lai tạng Duyên khởi.

2- Đoạn này chia làm hai phần:

- *Phần thứ nhất*: Từ “*Lại nữa... đến... Như Lai Pháp thân*” là nói Thể và Tướng vĩ đại của Chân như. Thể và Tướng của Chân như chính là hai trạng thái *Không như thật* và *Bất không như thật* đã giải thích ở trước. Trên phương diện khảo sát thì chỉ có thể thuyết minh mặt *Bất không như thật* (Tướng), chứ mặt *Không như thật* (Thể) thì không thể tư duy, phô diễn gì được. Tuy nhiên, nói như vậy là lập cước trên lý luận, còn trên

thực tại thì *Không như thật* đích thị là *Bất không như thật*, là kho tàng Như Lai với vô lượng tánh đức bất tu nghị. Phần này thuyết minh về Thể và Tướng của Chân như chính là thuyết minh về tánh đức Như Lai tạng hay tánh đức Nhất Tâm. Chân như là bất sinh diệt thì Thể-Tướng Chân như hay Như Lai tạng hẳn là bất sinh diệt, vô thi vô chung; vì thế, ở địa vị phàm phu, Thanh văn hay quả vị Phật-đà, Như Lai tạng không có sự kiện bớt đi hay tăng thêm, mà luôn luôn thường hằng vô lượng tánh đức bất tăng bất giảm. Đại lược để nói, Như Lai tạng sẵn đủ những tánh đức:

+ *Ánh sáng Trí tuệ vĩ đại* (tức Tánh thường quang của Pháp thân Phật. Các kinh Đại thừa thường gọi là Pháp thân Tỳ-lô Giá-na).

+ *Chiếu khắp vũ trụ vạn hữu* (tức Thật trí chiếu suốt lý tánh, Quyền trí soi khắp vạn hữu).

+ *Thấu triệt đúng như thật* (vì siêu việt mọi phân biệt, chỉ là Chân giác).

+ *Tâm Thể trong sáng* (vì không hiện hữu vô minh, pháp nhiễm).

+ *Thường, lạc, ngã, tịnh* (*Thường*: Bất biến, vô

thủ vô chung. *Lạc*: Tuyệt đối an lạc. *Ngã*: Tự tại ngoài vòng Biến dịch sinh tử và Phân đoạn sinh tử. *Tịnh*: Tuyệt đối trong sáng, không bị ô nhiễm bởi các pháp nhiễm).

+ *Trong mát, bất biến, tự tại.v.v...*

Tóm lại, vì sung mãn vô lượng tánh đức như thế, làm chỗ nương tựa cho tất cả các pháp, nên gọi là Như Lai tạng hay Pháp thân Như Lai.

- *Phần thứ hai*: Từ “*Hỏi... đến... Như Lai tạng*” là giải thích những thắc mắc sinh khởi từ phần một trên. Nội dung thắc mắc này có bốn điểm:

a. Đã nói Bản Thể Chân như là Nhất Thể, siêu việt mọi sắc thái thì tại sao lại nói Bản Thể Chân như đầy đủ mọi tánh đức? -Đại khái, Luận chủ trả lời rằng, nói Chân như đầy đủ mọi tánh đức là đứng trên mặt Tướng của Chân như (Như Lai tạng), để thuyết minh. Nhưng sự thật, Tướng (Bất không) và Tánh (Không) của Chân như là Nhất Thể. Nói khác hơn, mọi tánh đức ấy là *Nhất tướng Vô tướng*.

b. Với giải thích trên, tính chúng chưa hiểu nên gạn hỏi: Ý nghĩa ấy như thế nào? -Luận chủ đáp rằng,

tại Chân như thì tuyệt đối dứt mọi phân biệt, mọi sự đối đãi ngã-ngã sở, nên tuyệt đối không có sự sai biệt.

c. Vậy căn cứ đâu mà bảo các tánh đức có sự sai biệt? -Đáp: Nói sai biệt là đứng trên cơ sở sinh diệt của Nghiệp thức để thuyết minh.

d. Thuyết minh như thế nào? -Đáp: Thật sự từ vô thỉ đến vô chung các pháp vốn Vô tướng nên không có tướng sai khác; nhưng vì vô minh vọng động (Nghiệp thức) mà thấy các đối tượng sai biệt, tức hiện hữu vô lượng vô số tướng ô nhiễm. Do đối chiếu với Nghiệp thức có vô lượng sự sai biệt như thế, nên nói Chân như có vô lượng tánh đức sai khác. Đây là vấn đề tỷ giáo đứng trên cơ sở y ngôn để luận bàn.



B.III.1.c².b: Nói Dụng vĩ đại của Chân như.

• **ÂM:**

Phục thứ, Chân như Dụng giả, sở vị chư Phật Như Lai, bản tại nhân địa phát Đại Từ bi, tu chư Ba-la-mật, nhiếp hóa chúng sinh, lập Đại Thệ nguyện, tận dục độ thoát đẳng chúng sinh giới, diệt bất hạn

kiếp số, tận u vị lai. Dĩ thử nhất thiết chúng sinh như kỹ thân cố, nhi diệt bất thủ chúng sinh tướng. Thử dĩ hà nghĩa? -Vị như thật tri nhất thiết chúng sinh cập dữ kỹ thân, Chân như bình đẳng, vô biệt dị cố. Dĩ hữu như thị đại phương tiện Trí, trừ diệt vô minh, kiến bản Pháp thân; tự nhiên nhi hữu bất tư nghị nghiệp chủng chủng chi dụng; tức dữ Chân như đẳng biến nhất thiết xứ; hựu diệt vô hữu dụng tướng khả đắc. Hà dĩ cố? -Vị chư Phật Như Lai, duy thị Pháp thân, Trí tướng chi thân, đệ nhất nghĩa đế, vô hữu thể đế cảnh giới, ly u thi tác, đản tùy chúng sinh kiến văn đắc ích, cố thuyết vi Dụng.

Thử Dụng hữu nhị chủng, vân hà vi nhị? -Nhất giả, y Phân biệt sự thức, phạm phu Nhị thừa, tâm sở kiến giả, danh vi Ứng thân. Dĩ bất tri Chuyển thức hiện cố, kiến tòng ngoại lai, thủ sắc phân tề; bất năng tận tri cố. Nhị giả, y u Nghiệp thức, vị chư Bồ-tát tòng sơ phát ý, nãi chí Bồ-tát cứu cánh địa, tâm sở kiến giả, danh vi Báo thân; thân hữu vô lượng sắc, sắc hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo; sở trụ y quả, diệt hữu vô lượng chủng

chủng trang nghiêm. Tùy sở thị hiện, tức vô hữu biên, bất khả cùng tận, ly phân tề tướng. Tùy kỳ sở ứng, thường năng trụ trì, bất hủy bất thất; như thị công đức, giai nhân chư Ba-la-mật đẳng vô lậu hành huân, cập bất tư nghị huân chi sở thành tựu, cụ túc vô lượng lạc tướng, cố thuyết vi Báo thân. Hựu vi phạm phu sở kiến giả, thị kỳ thô sắc, tùy ư lục đạo, các kiến bất đồng, chủng chủng dị loại, phi thọ lạc tướng, cố thuyết vi Ứng thân. Phục thứ, sơ phát ý Bồ-tát đẳng sở kiến giả, dĩ thâm tín Chân như pháp cố, thiếu phần nhi kiến; tri bỉ sắc tướng trang nghiêm đẳng sự, vô lai vô khứ, ly ư phân tề, duy y Tâm hiện, bất ly Chân như. Nhiên thử Bồ-tát, do tự phân biệt, dĩ vị nhập Pháp thân vị cố; Nhược đắc tịnh Tâm, sở kiến vi diệu, kỳ dụng chuyển thắng. Nãi chí Bồ-tát địa tận kiến chi cứu cánh. Nhược ly Nghiệp thức, tắc vô kiến tướng, dĩ chư Phật Pháp thân vô hữu bỉ thử sắc tướng, diệt tướng kiến cố.

Vấn viết: Nhược chư Phật Pháp thân, ly ư sắc tướng giả, vân hà Năng hiện sắc tướng?

Đáp viết: Tắc thử Pháp thân thị sắc Thể cố,

Năng hiện ư sắc. Sở vị tùy bản dĩ lai, Sắc Tâm bất nhị, dĩ Sắc tánh tức Trí cố; Sắc Thể vô hình, thuyết danh Trí thân. Dĩ Trí tánh tức Sắc cố, thuyết danh Pháp thân. Biến nhất thiết xứ, sở hiện chi sắc vô hữu phân tề; tùy tâm năng thị thập phương thế giới: Vô lượng Bồ-tát, vô lượng Báo thân, vô lượng trang nghiêm; các sai biệt, giai vô phân tề, nhi bất tương phương. Thử phi tâm thức phân biệt năng tri, dĩ Chân như tự tại Dụng nghĩa cố.

• NGHĨA:

Lại nữa, Dụng của Chân như là các đức Như Lai khi còn ở địa vị tu nhân (Bồ-tát), phát Đại Từ bi làm các hạnh Ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh với thế nguyện vĩ đại đã lập ra, vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh, không hạn thời kỳ, cùng tận vị lai. Các Ngài làm như thế là vì nhìn chúng sinh như thân của mình, lại không có khái niệm chấp thủ chúng sinh. Như thế là vì ý nghĩa gì? -Tức các Ngài nhận thức đúng như thật rằng, chúng sinh và thân mình là đồng nhất Chân như, hoàn toàn không sai khác. Với nhận thức này chính là Trí tuệ làm phương tiện lớn lao giúp các Ngài hủy diệt được vô

minh, thấy được Pháp thân xưa nay của mình; Pháp thân đó, tự nó có những Hoạt dụng siêu việt không thể nghĩ bàn, đồng đẳng với Chân như và phổ biến khắp tất cả; dù là thế, nhưng những hoạt dụng đó chẳng có tướng trạng gì để có thể nắm bắt. Tại sao như vậy? -Vì thân của chư Như Lai là Pháp thân, là *Trí thân* thuộc về *chân lý tuyệt đối*¹⁸, chứ không phải lĩnh vực *chân lý phổ thông*¹⁹, nên siêu việt mọi động tác, chỉ vì chúng sinh thấy nghe đến Phật là được lợi ích cả, nên tạm gọi là Dụng vậy.

Dụng của Chân như này có hai loại: Loại thứ nhất là do *Phân biệt sự thức*, nên tâm trí hàng phàm phu và Nhị thừa được thấy, cái ấy gọi là *Ứng thân* của Phật. Họ không biết cái họ thấy chính do *Chuyển thức* của họ hình thành, họ thấy thân ấy đến từ ngoài Tâm và thấy theo kiểu cục bộ hình sắc; do thế, họ không thể biết hết thân Phật. Loại thứ hai là do *Nghiệp thức*, nên tâm trí các vị Bồ-tát mới phát tâm đến hàng Bồ-tát tận cùng địa vị được thấy, cái ấy gọi là *Báo thân* của Phật;

18 Chân lý tuyệt đối: Thăng nghĩa đế.

19 Chân lý phổ thông: Thế tục đế.

thấy rằng, thân Phật có vô lượng hình sắc, mỗi hình sắc có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng vẻ đẹp; thấy thế giới của thân ấy có vô lượng trang nghiêm. Thấy biểu hiện trên đây của Phật là vô giới hạn, là vô cùng tận, siêu việt cục bộ. Sự thấy *thích ứng* như thế nên thấy thân Phật thường trú bất diệt; và thân Phật hoàn hảo như vậy là do sự huân tập không thể nghĩ bàn của Chân như và sự huân tập các pháp Vô lậu, như Lục độ Ba-la-mật... mà thành tựu, nên đầy đủ vô lượng sắc thái an lạc và được gọi là *Báo thân*.

Thêm nữa, thân Phật mà chúng sinh được thấy là sắc tướng thô xấu, sáu loại chúng sinh lại thấy không giống nhau và toàn là sắc thái khổ não nên được gọi là *Ứng thân*. Còn thân Phật mà Bồ-tát mới phát tâm trở nên được thấy, do vì thâm tín Chân như nên thấy được ít phần; biết rằng, sắc tướng trang nghiêm mà mình thấy là không đến không đi, siêu việt cục bộ, do Tâm biểu hiện, không rời Chân như. Nhưng các vị Bồ-tát này vẫn còn phân biệt (mình khác với Phật) nên chưa hội nhập được Pháp thân, Đến khi chúng đạt *Tịnh tâm* (Trí tuệ trong sáng) thì thân Phật được thấy mới tinh tế

và Diệu Dụng của thân ấy trở thành tối thắng hơn lên. Đến hàng Bồ-tát tận cùng địa vị mới thấy thân Phật một cách rõ ràng. Do thế, nếu tách rời Nghiệp thức thì không có sự thấy thân Phật (Năng kiến) và thân Phật được thấy (Năng hiện), vì Pháp thân chư Phật thì siêu việt mọi đối đãi sắc tướng của năng-sở, nên không thể thấy được.

Hỏi: Pháp thân chư Phật siêu việt sắc tướng thì làm sao hiện được sắc tướng?

Đáp: Vì chính Pháp thân là Bản Thể của sắc tướng nên biểu hiện ra các sắc tướng ấy. Nghĩa là, xưa nay *Sắc Tâm* vốn không phải hai đối thể, nên Bản Thể của *Sắc* (Tánh của sắc) tức là *Tâm* (Trí); vì Bản Thể của *Sắc* là vô hình nên gọi là *Trí thân*. Và, vì tánh của *Tâm* (Trí tánh) tức là *Sắc*, nên gọi là Pháp thân. Do vì Pháp thân này hiện khắp mọi nơi nên sắc thân của chư Phật biểu hiện không có cục bộ; tùy Tâm mà biểu hiện khắp các thế giới mười phương; vô lượng Bồ-tát, vô lượng *Báo thân*, vô lượng các thứ trang nghiêm, mỗi thứ sai khác đều không cục bộ và không chướng ngại nhau. Đây là cái Dụng tự tại của Chân như, nên không thể dùng tâm thức phân biệt mà biết được.

• **GIẢI:**

Tổng quát, đoạn này nói về Dụng vĩ đại của Chân như và chia thành bốn phần:

- *Phần thứ nhất:* Từ “*Lại nữa... đến... gọi là Dụng mà thôi*” là nói Nhân tố mà Bồ-tát cần thực hiện để thể nhập Chân như (đạt quả vị Phật-đà). Khi thể nhập Chân như thì tự nhiên có Hoạt dụng siêu việt không thể nghĩ bàn.

Nói đại lược, khi còn địa vị Bồ-tát (Nhân địa), các Ngài phát tâm Đại Từ bi, lập Đại Thệ nguyện. Đây là hai Nhân tố nòng cốt để giúp các Ngài đồng mãnh thực hiện các hạnh Ba-la-mật, nhiếp hóa chúng sinh không giới hạn, cho đến tận cùng vị lai; làm được như thế là nhờ Trí tuệ thấy đúng như thật mình và chúng sinh không sai khác, chỉ là Nhất Thể Chân như. Nhờ Trí tuệ ấy nên các Ngài đã đoạn tận vô minh, thể nhập Chân như, chứng đạt Pháp thân rốt ráo. Và khi đã thể nhập Chân như thì không cần dụng công mà cái Dụng vĩ đại siêu việt không thể nghĩ bàn tự nhiên hoạt hiện. Sự thật, cái Dụng này vốn vô danh vô tướng; bởi lẽ, Thể-Tướng Chân như ly danh tuyệt tướng thì cái Dụng

Chân như cũng thế. Sở dĩ được gọi là Dụng, là đứng ở góc độ chúng sinh để nói. Vì họ chưa thể nhập Chân như tùy theo căn cơ mà cảm nhận những lợi ích từ Pháp thân chư Phật (Chân như).

- *Phần thứ hai*: Từ “*Dụng của Chân như... đến... Báo thân*” là thuyết minh sự cảm nhận Chân như sâu hay cạn theo căn cơ lợi hay độn của chúng sinh. Nghĩa là tùy *Thể* của Chân như hiển lộ ở nơi mỗi cá thể nhiều hay ít mà có kết quả nhận biết về Chân như. Đại khái, có hai sự cảm nhận là *Ứng thân* và *Báo thân*.

+ Với hàng Phàm phu và Nhị thừa, vì vô minh còn sâu dày nên cái thấy của họ là Phân biệt sự thức (Ý thức) do Chuyển thức hiện ra. Tuy thế, họ không nhận biết đối tượng thấy là do Tâm, mà cho rằng mình thấy đối tượng bên ngoài. Vì vậy, họ chỉ thấy được *Ứng thân Phật* mà thôi, và loài nào thì thấy theo Nghiệp cảm của mình, như loài người thì thấy thân Phật (*Ứng thân*) qua ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Với hàng Bồ-tát sơ phát tâm đến hàng Bồ-tát tận cùng địa vị, vì vô minh đã giảm nhẹ nên cái thấy của quý Ngài là Báo thân Phật và đến từ bên trong do Nghiệp

thức (A-lại-da) đã được thanh tịnh hóa; tuy vậy, nội dung sự thấy này có thô-tế sai khác theo cấp độ đoạn trừ vô minh của chư Bồ-tát. Tổng quát để nói, chư Bồ-tát Tam hiền thì chỉ thấy được phần thô của Báo thân Phật; kể từ Sơ địa đến Đẳng giác thì dần thấy Báo thân Phật (Bản Thể của mình) tinh tế thù thắng hơn. Nội dung sự thấy này là thấy thân tướng Phật (Chánh báo) có vô lượng tướng hảo vi diệu, và thấy thế giới Phật (Y báo) có vô lượng cấu tạo trang nghiêm hy hữu. Kết quả để có sự thấy này là do *Chân như huân tập* (Bất khả tư nghị huân) và các pháp thanh tịnh huân tập (Vô lậu hành huân) tức các hạnh Lục Ba-la-mật.v.v...

+ Vì Nghiệp thức đã được thanh tịnh hóa khế hợp với Chân như, nên sự thấy này là thấy Chân như vĩ đại của mình. Chính sự thật này, nên luận văn mới bảo cái thấy ấy là không giới hạn, vô cùng tận, siêu việt cục bộ.v.v...

- *Phân thứ ba*: Từ “*Thêm nữa... đến... không thể thấy được*” là nói rõ thêm sự thấy thân Phật từ thô đến tế, cho đến thấy toàn triệt. Nói đại lược:

+ Với chúng sinh, vì đang bị vô minh che phủ quá

sâu dày, nên chỉ thấy sắc thân Phật một cách thô thiển; thêm nữa, do Nghiệp cảm sai khác nên chúng sinh có nhiều chủng loại sai khác, và sự thấy thân Phật cũng sâu cạn sai khác. Tuy nhiên, nói một cách đích thực, toàn bộ sự thấy đó không phải là thân như thật của đức Phật, nên mới gọi là *Ứng thân* (*thích ứng* với sự thấy của đương cơ).

+ Với hàng Bồ-tát ở địa vị Tam hiền, nhờ thâm tín Chân như mà thấy được thân Phật từ tự tâm mình, thân này không tách rời Chân như nên không giới hạn và siêu việt mọi phạm trù. Tuy trong thâm tâm các Ngài nhận biết như thế, nhưng trên mặt nhận thức thì lại rơi vào *tự tâm phân biệt tự tâm* (Tương tự Giác), vì thế mà các Ngài chưa thể hội nhập Chân như. Khi chính thức bước lên địa vị Thập thánh, các Ngài mới thật sự đoạn từng phần vô minh, khi ấy Pháp thân mới dần dần tỏa chiếu; đến địa vị Đẳng giác các Ngài mới thật sự hủy diệt toàn bộ vô minh, hội nhập Chân như một cách hoàn hảo (chứng đắc Pháp thân toàn triệt).

+ Thế là, ở địa vị Tam hiền, mặc dầu chư Bồ-tát thấy được Báo thân Phật, nhưng không phải là thân

Phật đích thực. Phải lên địa vị Sơ địa mới chính thức bắt đầu thấy thân Phật từng phần từ cạn đến sâu, và đến Đẳng giác mới thâm chứng trọn vẹn được Báo thân Phật, cũng tức hoàn thành Pháp thân Phật. Như thế, sự kiện thấy thân Phật (Ứng thân và cả Báo thân) là sự kiện có mặt của *Nghiệp thức*, *Năng kiến*, *Năng hiện* nơi hành giả; và, cho đến khi nào không thấy thân Phật, chính là thời điểm hành giả đã hủy diệt toàn bộ vô minh, hội nhập Chân như và Pháp thân hiển lộ một cách toàn triệt.

- *Phần thứ tư*: Từ “*Hỏi... đến... mà biết được*” là giải thích cho nghi vấn: Pháp thân chư Phật siêu việt sắc tướng thì tại sao lại hiện ra sắc tướng là *Ứng thân* và *Báo thân*?

Đại khái, Luận chủ giải thích rằng, xưa nay *Sắc-Tâm* vốn bất nhị; *Tâm* chính là Bản Thể của *Sắc*, mà Bản Thể thì vô hình, vô tướng, nên được gọi là *Trí thân* (Sắc tức thị Không); và, tánh của *Tâm* là *Sắc*, nên được gọi là *Pháp thân* (Không tức thị Sắc). Đây chính là cái thấy biết của Trí tuệ Bát-nhã, Trí tuệ thấy biết sự thật *bất nhất, bất dị* của vũ trụ vạn hữu, và nói lên cái uyên

nguyên vô thủ vô chung của toàn bộ Pháp giới là Pháp thân hay Nhất Tâm. Nhất Tâm là giềng mối (Bản Thể) để có mọi hiện tượng hoạt dụng bất tư nghị (Báo thân, Ứng thân và cả vạn tượng trong Pháp giới); chính thế mới gọi Nhất Tâm là Pháp thân, nghĩa là lấy vạn pháp (Pháp giới) làm thân. Đây là ý nghĩa Pháp giới có vô lượng sắc tướng, như vô lượng Bồ-tát, vô lượng món trang nghiêm.v.v.. không có hạn lượng, không chướng ngại nhau; thế là *Thể* và *Dụng* hay *Tâm* và *Sắc* là bất khả ly, nên khi chưa thể chứng Chân như (Pháp thân) thì không thể nhận biết được.

Đến đây, đã thuyết minh xong mặt sinh diệt của tâm, sau đây Luận chủ sẽ chỉ cách từ sinh diệt hội nhập Chân như.



B.III.1.d: Chỉ cách từ sinh diệt hội nhập Chân như.

• ÂM:

Phục thứ, hiển thị tòng sinh diệt môn, tức nhập Chân như môn. Sở vị suy cầu ngũ âm, Sắc chi dữ Tâm, lục trần cảnh giới, tất cánh vô niệm. Dĩ Tâm

vô hình tướng, thập phương cầu chi chung bất khả đắc. Như nhân mê cố, vị Đông vi Tây, phương thật bất chuyển. Chúng sinh diệt nhĩ, vô minh mê cố, vị Tâm vi niệm, Tâm thật bất động. Nhược năng quán sát, tri Tâm vô niệm, tức đắc tùy thuận nhập Chân như môn cố.

• NGHĨA:

Thêm nữa, bây giờ chỉ cách từ mặt sinh diệt mà hội nhập trực tiếp vào mặt Chân như. Cách ấy là cứu xét Sắc và Tâm ở tại cái thân năm ấm này, và bên ngoài là sáu đối cảnh, tất cả đều siêu việt phân biệt (vô niệm). Nhưng Tâm vốn vô hình tướng cho dù có rong ruổi khắp cả mười phương cũng không thể tìm thấy. Tương tự như kẻ lầm đường, lấy Đông làm Tây; song, Đông-Tây thì không thay đổi theo cái lầm ấy. Chúng sinh cũng vậy, vì vô minh mà cho Tâm Thể là phân biệt, nhưng thật sự Tâm Thể thì bất động. Do vậy, nếu biết quán sát Tâm Thể vốn vô phân biệt, thế là *thích ứng* để hội nhập Chân như vậy.

• GIẢI:

Qua trên, khi trình bày về mặt Chân như và mặt sinh diệt, Luận chủ đã khẳng định cho chúng ta hiểu

như thật rằng, Bản Thể muôn thuở của chúng sinh (vạn pháp) là Chân như, vốn bất sinh diệt; nhưng vốn từ vô thỉ, chúng sinh đã bị vô minh che phủ Bản Thể Chân như của mình, nên luân lưu trong sinh tử cho đến bây giờ; tuy vậy, Chân như vẫn luôn hiện hữu trong tâm thức chúng sinh. Đến đây, Luận chủ lại chỉ cho chúng ta phương cách từ hiện tượng sinh diệt trở về hội nhập Chân như. Vậy phương cách ấy như thế nào? Hay bằng con đường nào mà hội nhập Chân như?

Con đường phải đi, theo Luận chủ, phải là con đường được khởi điểm từ sinh diệt đến đích điểm là Chân như. Nghĩa là, hành giả khởi tâm cứu xét *thực trạng sinh tử đang là* của tự thân, tức cứu xét cái thân được cơ cấu Sắc-Tâm của năm uẩn bên trong và sáu đối cảnh môi trường sinh hoạt bên ngoài. Kinh qua sự cứu xét, hành giả sẽ dần dần nhận chân Bản Thể năm uẩn, sáu trần (hay mười tám giới hoặc hết thảy các pháp) chính là Tâm (Chân như). Tâm thì xưa nay bất động (thanh tịnh), vô phân biệt (vô niệm); sở dĩ có sự sai biệt, nào là Tâm-Sắc, nào là sáu đối cảnh.v.v... là do vô minh mà vọng động (phân biệt).

Trường hợp này, tương tự như người lầm đường cho hướng Đông là Tây, nhưng bản thân của hướng Đông hướng Tây thì bất động, nghĩa là không thay đổi vị trí do nhận lầm của con người. Trở lại vấn đề chính, với bản vị con người nói riêng, thì phân biệt liên tục đủ thứ, đủ cách... Sự phân biệt đó là do vô minh mê lầm, nhưng không vì sự phân biệt mê lầm này mà Bản Thể các pháp đổi thay. Thế là, con đường được khởi điểm từ sinh diệt tiến về đích điểm Chân như phải được cấu trúc bằng những bước tỉnh giác vô niệm. Duy trì tinh thần *vô niệm* chính là trạng thái *thích ứng* với Tâm (Chân như) để hội nhập Chân như.

Tinh thần *vô niệm* hay *ly niệm* này chính là ý nghĩa mà Tổ Đức thường dạy: “*Vô Tâm thị Đạo*”; hay ý nghĩa mà Lục Tổ bảo: “*Bỏn lai vô nhất vật...*” vậy.



B.III.2: Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm
(Có 3 chi):

B.III.2.a: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan nhân ngã.

B.III.2.b: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan pháp ngã.

B.III.2.c: Sửa chữa triệt để mọi sự ngộ nhận.



B.III.2.a: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan nhân ngã.

• **ÂM:**

Đôi trĩ tà chấp giả, nhất thiết tà chấp giai y ngã kiến; nhược ly u ngã, tắc vô tà chấp. Thị ngã kiến hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? -Nhất giả *nhân ngã* kiến. Nhị giả *pháp ngã* kiến. *Nhân ngã* kiến giả, y chư phạm phu thuyết hữu ngũ chủng. Vân hà vi ngũ?

- Nhất giả, văn Tu-đa-la thuyết: “Nhu Lai Pháp thân tất cánh tịch mịch, do như hư không”. Dĩ bất tri vi phá trước cố, tức vị hư không thị Như Lai tánh. Vân hà đôi trĩ? -Minh hư không tướng, thị kỳ vọng pháp, thể vô bất thật, dĩ đối sắc cố hữu, thị khả kiến tướng, linh tâm sinh diệt; dĩ nhất thiết sắc pháp, bản lai thị Tâm, thật vô ngoại sắc. Nhược vô

ngoại sắc giả, tắc vô hư không chi tướng. Sở vị nhất thiết cảnh giới, duy tâm vọng khởi cố hữu. Nhược tâm ly u vọng động, tắc nhất thiết cảnh giới diệt, duy nhất Chân Tâm, vô sở bất biến. Thử vị Như Lai quảng đại tánh trí cứu cánh chi nghĩa, phi như hư không tướng cố.

- Nhị giả, văn Tu-đa-la thuyết: “Thế gian chư pháp, tất cánh Thế không, nãi chí Niết-bàn Chân như chi pháp diệt tất cánh không, tòng bản dĩ lai tự không, ly nhất thiết tướng”. Dĩ bất tri vi phá trước cố, tức vị Chân như Niết-bàn chi tánh, duy thị kỳ không. Vân hà đối trị? -Minh Chân như Pháp thân tự Thế bất không, cụ túc vô lượng tánh công đức cố.

- Tam giả, văn Tu-đa-la thuyết: “Như Lai chi tạng, vô hữu tăng giảm, Thế bị nhất thiết công đức chi pháp”. Dĩ bất giải cố, tức vị Như Lai chi tạng, hữu sắc-tâm pháp, tự Tướng sai biệt. Vân hà đối trị? -Dĩ duy y Chân như nghĩa thuyết cố, nhân sinh diệt nhiệm nghĩa thị hiện thuyết sai biệt cố.

- Tứ giả, văn Tu-đa-la thuyết: “Nhất thiết thế gian, sinh tử nhiệm pháp, giai y Như Lai tạng nhi

hữu, nhất thiết chư pháp, bất ly Chân như”. Dĩ bất giải cố, vị Như Lai tạng, tự Thể cụ hữu nhất thiết thế gian, sinh tử đẳng pháp. Vân hà đối trị? -Dĩ Như Lai tạng, từng bốn dĩ lai, duy hữu quá Hằng sa đẳng chư tịnh công đức, bất ly, bất đoạn, bất dị Chân như nghĩa cố. Dĩ quá Hằng sa đẳng phiền não nhiễm pháp, duy thị vọng hữu, tánh tự bốn vô, từng vô tử thế lai, vị tăng dữ Như Lai tạng tương ưng cố. Nhược Như Lai tạng, thể hữu vọng pháp, nhi sử chúng hội vĩnh tức vọng giả, tắc vô thị xứ cố.

- Ngũ giả, văn Tu-đa-la thuyết: “Y Như Lai tạng cố hữu sinh tử, y Như Lai tạng, cố đắc Niết-bàn”. Dĩ bất giải cố, vị chúng sinh hữu tử, dĩ kiến tử cố, phục vị Như Lai Sở đắc Niết-bàn, hữu kỳ chung tận, hoàn tác chúng sinh. Vân hà đối trị? -Dĩ Như Lai tạng vô tiền tế cố, vô minh chi tướng, diệt vô hữu tử. Nhược thuyết tam giới ngoại, cánh hữu chúng sinh tử khởi giả, tức thị ngoại đạo kinh thuyết. Hựu Như Lai tạng vô hữu hậu tế, Chư Phật sở đắc Niết-bàn, dữ chi tương ưng, tắc vô hậu tế cố.

• NGHĨA:

“Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm” thì phải biết tất cả mọi nhận thức sai lầm đều xuất phát từ khái niệm về ngã (ngã kiến). Nếu tách rời khái niệm ngã đó thì không có nhận thức nào sai lầm nữa. Khái niệm về ngã này có hai loại: Một là *nhân ngã*, hai là *pháp ngã*. Nhân ngã là căn cứ vào phàm phu để khảo sát và có năm sự kiện làm chấp:

- Một, khi hàng phàm phu nghe Khế kinh dạy: “*Pháp thân Như Lai tuyệt đối vắng lặng tựa như hư không*”. Vì không biết lời này là để phá chấp, nên *ngộ nhận sự trống rỗng là thực chất của Như Lai*. Vậy sửa chữa bằng cách nào? -Hãy nói rõ rằng, sự trống rỗng đó là hư giả, không có Thực Thể; vì đối đãi với vật chất (sắc) nên có sự trống rỗng, có cái thấy (phân biệt) sự trống rỗng ấy. Nghĩa là, xưa nay tất cả vật chất (sắc pháp) đều do tâm phân biệt mà hiện hữu, chứ không phải độc lập ngoài tâm; thế là, vật chất đã không thì hư không (trống rỗng) cũng là không. Cho nên, tất cả mọi đối cảnh do tâm động mà hình thành, tách rời cảnh do tâm động thì tất cả mọi đối cảnh đều không, chỉ còn

duy nhất Chân Tâm hiện hữu cùng khắp. Đây là cái nghĩa như thật về Bản tánh Tuệ giác vĩ đại của Như Lai, chứ không phải trống rỗng như hư không.

- Hai, khi hàng phàm phu nghe Khế kinh dạy: “*Vũ trụ vạn hữu hoàn toàn không có Thực Thể, thậm chí pháp xuất thế gian là Niết-bàn, Chân như cũng hoàn toàn là không, thực chất vốn không, tuyệt đối không có tướng trạng gì*”. Vì không biết lời này là để phá chấp, nên ngộ nhận thực chất Niết-bàn, Chân như cũng không. Vậy sửa chữa bằng cách nào? -Hãy nói rõ rằng, sự thật của Chân như, tự Thể của nó vốn bất không, nghĩa là sung mãn vô lượng tánh đức.

- Ba, khi hàng phàm phu nghe Khế kinh dạy: “*Tự thân Như Lai tạng sung mãn vô lượng tánh đức, không có thêm bớt*”. Vì không lý giải lời này, nên ngộ nhận Như Lai tạng có những sắc thái sai biệt, như sai biệt giữa sắc và tâm... Vậy sửa chữa bằng cách nào? -Hãy nói rõ rằng, Khế kinh nói vậy là đứng trên mặt Chân như, còn khi nói những sắc thái sai biệt là nói theo mặt sinh diệt.

- Bốn, khi hàng phàm phu nghe Khế kinh dạy:

“Toàn bộ pháp nhiệm đều nương Như Lai tạng mà hiện hữu; và, hết thảy pháp nhiệm, pháp tịnh không tách rời Chân như”. Vì không lý giải lời này nên ngộ nhận tự thân Như Lai tạng sung mãn mọi thứ pháp nhiệm. Vậy sửa chữa bằng cách nào? -Hãy nói rõ rằng, vô thi đến giờ Như Lai tạng chỉ có vô lượng tánh đức trong sáng nhiều hơn số cát sông Hằng; những tánh đức này không tách rời, không biến đổi, không sai khác với Chân như. Còn các phiền não ô nhiễm nhiều hơn số cát sông Hằng, chỉ có trong trạng thái giả dối, thực chất vốn không; nên vô thi đến giờ chưa hề thích ứng với Như Lai tạng. Nếu bản thân Như Lai tạng vốn có những pháp ô nhiễm mà làm cho chúng hủy diệt để hội nhập Chân như (Như Lai tạng), thì thật vô lý.

- Năm, khi hàng phàm phu nghe Khế kinh dạy: “Do nương Như Lai tạng mà có sinh tử và do nương Như Lai tạng mà chứng nhập Niết-bàn”. Vì không lý giải lời này, nên ngộ nhận rằng, thế là chúng sinh hữu thi; mà chúng sinh hữu thi thì Niết-bàn Như Lai chứng đắc cũng là hữu chung và Như Lai sẽ trở lại làm chúng sinh. Vậy sửa chữa bằng cách nào? -Hãy nói rõ rằng,

Như Lai tạng là vô thí, vì vậy vô minh là vô thí; nếu nói ngoài tam giới (ngoài chúng sinh trong tam giới) còn có những chúng sinh mới sinh khởi (nếu nói chúng sinh hữu thí) thì đó là kinh sách ngoại đạo nói; lại nữa, Như Lai tạng cũng vô chung, Niết-bàn Như Lai chứng đắc *thích ứng* với Như Lai tạng nên cũng là vô chung.

• **GIẢI:**

Đến đây là bước qua điểm thứ hai của mục Giải thích; tức điểm chỉ cách “*Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm*” (Pháp giới). Mọi nhận thức sai lầm của chúng sinh (tà chấp) xuất phát từ điểm căn bản *khái niệm tánh ngã* (ngã kiến), tức nhìn nhận vạn hữu đều riêng có một thật ngã độc lập. Đại lược để nói, nhận thức sai lầm này có hai khía cạnh: Một là ngộ nhận về *nhân ngã*, hai là ngộ nhận về *pháp ngã*. Đoạn này là trình bày về ngộ nhận *nhân ngã*.

Đứng ở địa vị phàm phu mà khảo sát thì sự ngộ nhận này gồm năm điểm:

- Ngộ nhận thứ nhất, do khi nghe kinh dạy: “*Pháp thân Như Lai tuyệt đối vắng lặng tựa như hư không*”. Vì không hiểu lời dạy này là để phá trừ sự cố chấp,

đó là chấp Pháp thân Như Lai có sắc thái này, có hình tướng nọ.v.v... Do không hiểu như thế, nên ngộ nhận sự trống rỗng là thực chất Như Lai. Để sửa chữa ngộ nhận này, Luận chủ giải thích rằng, sự trống rỗng ấy (hư không) là so sánh với vật chất để nói; trên sự thật để xét, vật chất vốn là duyên sinh nên không có Thực Thể, cái trống rỗng cũng là như thế, và hết thảy vũ trụ vạn hữu cũng như thế. Sở dĩ thấy có thiên hình vạn trạng sai biệt, đó chính là những hiện tượng giả dối được hình thành bởi vọng tâm của chúng sinh mà thôi. Nếu vọng tâm hủy diệt thì mọi đối cảnh tuyệt diệt. Và, bấy giờ chỉ duy Tâm Thể Chân như hiển lộ cùng khắp. Đây là ý nghĩa của *Bản tánh Tuệ giác vĩ đại như thật của Như Lai*, chứ không phải giống như sự trống rỗng hư dối của hư không.

- Ngộ nhận thứ hai, do khi nghe kinh dạy: “*Tất cả các pháp xuất thế gian không có Thực Thể, ngay cả các pháp xuất thế gian như Niết-bàn, Chân như.v.v... cũng tuyệt đối không có tướng trạng gì, nghĩa là Thực Thể vốn không*”. Sở dĩ kinh dạy như thế là để phá trừ sự cố chấp, đó là chấp các pháp thế gian và xuất thế gian

có thật ngã, thật tướng. Do không hiểu ý kinh nên ngộ nhận rằng, Niết-bàn, Chân như là cái trống rỗng, ngoan không. Để sửa chữa sai lầm này, Luận chủ giải thích rằng, Thực Thể Niết-bàn, Chân như là *Không như thật* và *Bất không như thật*. Nghĩa là, thuần nhất không có các pháp ô nhiễm, mà chỉ có các pháp vô lậu vô nhiễm, chứ không phải là trạng thái ngoan không.

- Ngộ nhận thứ ba, do khi nghe kinh dạy: “*Tự thân Như Lai tạng vốn sẵn đủ vô lượng tánh đức, không thêm không bớt*”. Vì không lý giải ý kinh, kinh bảo rằng Như Lai tạng là kho tàng vốn sẵn vô lượng các pháp thanh tịnh, bất sinh diệt, bất tăng giảm, vô thủ vô chung, vì không hiểu nên rơi vào lầm chấp cho rằng, Như Lai tạng có những sắc thái dị biệt, chẳng hạn như sự sai khác giữa Tâm và Sắc.v.v... Để sửa chữa ngộ nhận này, Luận chủ giải thích rằng, khi đề cập đến tự thân Như Lai tạng là đứng trên mặt Chân như (Bản Thể) để nói; tại Chân như thì tuyệt dứt mọi đối đãi tương trạng, tuyệt dứt mọi tư duy của tánh ngã; còn khi đề cập đến sắc và tâm là đứng về mặt sinh diệt để luận bàn vậy.

- Ngộ nhận thứ tư, do khi nghe kinh nói: “*Mọi pháp nhiệm hiện hữu là do nương vào Như Lai tạng*”. Vì không hiểu nguyên lý pháp Duyên khởi và không hiểu nguyên lý tương phản hỗ tương hiện hữu của vạn pháp, của Pháp giới, nên đi đến ngộ nhận và cố chấp rằng, Như Lai tạng chứa đựng mọi pháp nhiệm. Sửa chữa cho ngộ nhận này, Luận chủ giải thích rằng: Các tánh đức của Như Lai tạng là thuần tịnh, là như thật, là vô thủ vô chung, là Chân như đồng nhất; trong khi đó, các pháp ô nhiễm là hư cấu của vọng tâm, là pháp hữu lậu của sinh tử khổ đau và sẽ hủy diệt. Nếu hiểu bản thân Như Lai tạng chứa đựng ô nhiễm, bây giờ phải hủy diệt ô nhiễm đó để hội nhập Như Lai tạng (Chân như) là điều phi lý; vì rằng, hiểu như thế thì hủy diệt ô nhiễm chính là hủy diệt Như Lai tạng.

- Ngộ nhận thứ năm, khi nghe kinh dạy: “*Do nương Như Lai tạng mà có sinh tử, và cũng do nương Như Lai tạng mà chứng Niết-bàn*”. Vì không lý giải nguyên lý tương phản hỗ tương hiện hữu của Pháp giới, và không nhận chân được Bản Thể Pháp giới, nên ngộ nhận kinh dạy rằng, chúng sinh phát xuất từ nguyên nhân đầu tiên là Như Lai tạng (hữu thủ); thế thì, đức Thế Tôn nhờ

Như Lai tạng mà chúng Niết-bàn thì sẽ có ngày đọa làm chúng sinh (hữu chung). Để sửa chữa ngộ nhận này, Luận chủ giải thích rằng, từ vô thủy, mọi chúng sinh vốn có sẵn Như Lai tạng và Thức A-lại-da, một chân một vọng tương phản hiện hữu. Vì là *CHÁN*, nên Như Lai tạng vô thủy vô chung; còn A-lại-da là *VONG* nên vô thủy mà hữu chung. Vì thế, hành giả nương vào Như Lai tạng (Phật tánh, Bản Thể...) để tu tập, khi chúng Niết-bàn thì không thể trở lại làm chúng sinh nữa, đó là điều hiển nhiên.

Tóm lại, nội dung đoạn này là chính lý năm sự kiện tâm lý ngộ nhận về *nhân ngã*. Đó là sự ngộ nhận:

- + *Pháp thân Như Lai là trống rỗng.*
- + *Niết-bàn, Chân như là trống rỗng.*
- + *Như Lai tạng có những sắc thái dị biệt.*
- + *Như Lai tạng chứa đựng các pháp nhiệm.*
- + *Chúng sinh hữu thủy, chư Phật hữu chung.*

Tựu trung, điểm nhất quán năm ngộ nhận này là xác định rằng: *Mọi hữu tình đều có riêng một thật ngã độc lập, bất biến.*



B.III.2.b: Sửa chữa những ngộ nhận liên quan pháp ngã.

• **ÂM:**

Pháp ngã kiến giả, y Nhị thừa độn căn cố, Như Lai dẫn vị thuyết nhân vô ngã; dĩ thuyết bất cứu cánh, kiến hữu ngũ ấm sinh diệt chi pháp, bố úy sinh tử, vọng thủ Niết-bàn. Vân hà đối trị? -Dĩ ngũ ấm pháp, tự tánh bất sinh, tác vô hữu diệt, bản lai Niết-bàn cố.

• **NGHĨA:**

Pháp ngã là nhận thức sai lầm của hàng Nhị thừa. Vì là độn căn nên đức Như Lai chỉ nói với họ Đạo lý nhân vô ngã; và vì Ngài dạy chưa rõ ráo nên họ thấy có năm uẩn, có sự sinh, có sự diệt của năm uẩn; vì thế, họ lo sợ sự sống chết mà ưa thích Niết-bàn. Vậy sửa chữa bằng cách nào? -Cần nói rõ với họ rằng, tự tánh cái năm uẩn đó vốn bất sinh, nên hẳn nhiên là bất diệt, vì bản lai là Niết-bàn.

• **GIẢI:**

Đoạn này là nhằm sửa chữa nhận thức sai lầm về pháp ngã của hàng Nhị thừa. Vì để phá trừ chấp thủ tự thân có một thật ngã, nên đức Phật dạy rằng: “Chỉ

có năm uẩn sinh diệt chứ không có thật ngã”. Nghe lời dạy này hàng Nhị thừa lia khỏi chấp thủ nhân ngã, nhưng lại rơi vào chấp thủ *pháp ngã*. Nghĩa là họ nhận thấy rằng, năm uẩn là thật có, năm uẩn có sinh có diệt; vì thế mà họ lo sợ sự sống chết, ưa thích cảnh Niết-bàn. Chấp năm uẩn là thật có (sắc...thức có thật), tức là chấp pháp có thật ngã, đây là kiến chấp căn bản để đưa đến chấp thủ vũ trụ vạn hữu (hết thấy các pháp) là thật có.

Thật ra, câu trên đức Phật dạy chưa rõ ráo, mà chỉ nhằm đối trị tà chấp nhân ngã mà thôi. Vì không liễu nghĩa lời dạy đó, nên hàng Nhị thừa rơi vào chấp pháp là vậy. Trước ngộ nhận ấy, nên giải thích cho họ rõ rằng, Bản tánh của năm uẩn vốn là bất sinh bất diệt, xưa nay là Niết-bàn tịch tịnh (Chân như). Nói cách khác, Thể tánh mọi hiện tượng sinh diệt (các pháp hữu vi) là Chân như, là Niết-bàn, là bất sinh bất diệt.



B.III.2.c: Sửa chữa triệt để mọi sự ngộ nhận.

• ÂM:

Phục thứ, cứu cánh ly vọng chấp giả, đương tri

niêm pháp tịnh pháp, giai tất tương đãi, vô hữu tự Tướng khả thuyết. Thị cố nhất thiết pháp, tòng bản dĩ lai, phi sắc, phi tâm, phi trí, phi thức, phi hữu, phi vô, tất cánh bất khả thuyết tướng. Nhi hữu ngôn thuyết giả, đương tri Như Lai thiện xảo phương tiện, giả dĩ ngôn thuyết, dẫn đạo chúng sinh. Kỳ chỉ thú giả, giai vi ly niệm, quy u Chân như; dĩ niệm nhất thiết pháp, linh tâm sinh diệt, bất nhập Thật trí cố.

• NGHĨA:

Lại nữa, muốn triệt để xa lìa mọi ngộ nhận về Tâm thì cần nhận thức rằng, các pháp niêm, pháp tịnh toàn là đối đãi nhau mà hình thành, chúng không có đặc tính biệt lập gì để có thể nêu lên. Vì thế, bản chất tất cả các pháp chẳng phải vật lý, chẳng phải tâm lý, chẳng phải Trí tuệ, chẳng phải nhận thức, chẳng phải khẳng định, chẳng phải phủ định, tuyệt đối không thể diễn tả được. Nhưng, sở dĩ có diễn tả là do sự khéo léo của đức Như Lai mượn ngôn ngữ để hướng dẫn chúng sinh. Ý hướng của Ngài là làm cho chúng sinh vượt khỏi phân biệt, hội nhập Chân như; bởi vì, chính phân biệt làm cho tâm động, không thể hội nhập Thật trí được.

• **GIẢI:**

Hai đoạn ở trước, Luận chủ đã sửa chữa nhận thức sai lầm, đó là nhận thức cho rằng mọi hữu tình, vô tình đều có một thật ngã độc lập bất biến. Trong này hàng phàm phu ngoại đạo thì chấp *nhân ngã* đều có thật ngã, còn hàng Nhị thừa thì chỉ chấp *pháp* mà thôi. Trọng tâm hai tà chấp này là khẳng định rằng, thật ngã của hữu tình là *Tâm* và thật ngã của vô tình là *Sắc*.

Đến đây, đoạn đúc kết, Luận chủ phủ nhận một cách triệt để mọi ngộ nhận về Tâm (Chân Tâm, Bản Thể Pháp giới). Luận chủ khẳng định rằng, Thể tánh đích thực của Tâm thì nằm ngoài mọi ngôn ngữ, văn tự (ly danh tự tướng), nằm ngoài mọi phô diễn luận bàn (ly ngôn thuyết tướng), và nằm ngoài mọi tư duy tỉ giao (ly tâm duyên tướng). Nghĩa là, nằm ngoài tất cả mọi khái niệm về ngã; do đó, thực tánh của Tâm là vấn đề của thực ngộ, thực chứng. Vì thế và chính thế, trên mặt ngôn ngữ hay trên mặt tư duy không bao giờ hiện lộ được thực tại như thật của Tâm, nên mọi khẳng định, phủ định cũng đều là vọng tưởng, phân biệt cả. Do vậy, là hành giả đang hướng về Chân Tâm (Chân như) thì

cần tỉnh giác ra khỏi mọi khái niệm về ngã, đó chính là trạng thái *thích ứng* với Chân Tâm vậy.

Tuy nhiên, trên phương diện dẫn dắt chúng sinh trở về Chân Tâm của mình để giải thoát mọi khổ đau sinh tử, đức Như Lai đã khéo léo dùng ngôn ngữ phô diễn về thực tại Chân Tâm là thế này, thế kia, với ý hướng giúp chúng sinh loại dần những trạng thái phân biệt từ thô đến tế, để đạt cứu cánh ly niệm (vô phân biệt). Thời điểm ly niệm là thời điểm hành giả hội nhập Chân như hay thành tựu Tuệ giác vô thượng vậy.

Điểm hai (điểm B.III.2) của mục Giải thích này, với tiền đề: *Sửa chữa nhận thức sai lầm về Tâm* (hay ngộ nhận về Chân như, về Như Lai tạng.v.v... về Bản Thể vạn pháp); nhưng qua nội dung trình bày cũng nhằm đến việc làm sáng tỏ thêm ý nghĩa đích thực của Tâm đã được trình bày ở điểm trước (điểm: “*Chỉ thị nghĩa lý chính xác về Tâm*”).



B.III.3.: Phân tích sắc thái phát huy về Tâm
(Có 4 chi):

B.III.3.a: Nói tổng quát về sự phát tâm.

B.III.3.b: Nói sự phát tâm bằng sự tin.

B.III.3.c: Nói sự phát tâm bằng sự biết và sự làm.

B.III.3.d: Nói sự phát tâm bằng sự chứng.



B.III.3.a: Nói tổng quát về sự phát tâm.

• **ÂM:**

Phân biệt phát thú Đạo tướng giả, vị nhất thiết chư Phật sở chứng chi đạo, nhất thiết Bồ-tát phát tâm tu hành thú hướng nghĩa cố. Lược thuyết phát tâm hữu tam chủng. Vân hà vi tam? -Nhất giả tín thành tựu phát tâm. Nhị giả giải hạnh phát tâm. Tam giả chứng phát tâm.

• **NGHĨA:**

Phân tích sắc thái phát huy về Tâm là phân tích cái Tâm mà hết thấy chư Phật đã chứng ngộ, cái Tâm mà hết thấy các vị Bồ-tát phát tâm tu hành để tiến đến đó. Nói đại lược, sự phát tâm có ba: Một là phát tâm bằng sự tin. Hai là phát tâm bằng sự biết và sự làm. Ba là phát tâm bằng sự chứng.

• **GIẢI:**

- “*Phân biệt phát thú Đạo tướng*”, Đạo ở đây chính là *Bồ-đề Niết-bàn* mà chư Phật đã chứng ngộ; nó cũng là cái mà *Khởi Tín* gọi là *Nhất Tâm Chân như*. Tướng của Chân như là Như Lai tạng, nó tròn đầy hiện hữu thường hằng trong tất cả chúng sinh, nên được gọi là *Đại*. Do nương Như Lai tạng (*Đại*) mà trở về Chân như gọi là *Thừa*.

- Chính ý nghĩa này, nên Luận chủ gọi Tâm chúng sinh là *Đại thừa*, tức *cỗ xe lớn* đưa chúng sinh hội nhập Chân như, đưa chúng sinh thành tựu Phật-đà. Sắc thái phát tâm tiến về hội nhập Chân như, tùy theo căn cơ mà có nội dung phát tâm sai khác. Khái quát, *Khởi Tín* chia làm ba cấp bậc:

1. *Phát tâm bằng sự tin* (Tín thành tựu phát tâm): Do đức tin đã hoàn mãn nên phát tâm tu tập tiến về Chân như. Đây là địa vị đã hoàn thành Thập tín bước lên Sơ trụ.

2. *Phát tâm bằng sự biết và sự làm* (Giải hạnh phát tâm): Đây là địa vị hàng Thập hạnh và Thập hướng. Tại đây, các vị Bồ-tát đã có nội lực về *Tri* và *Hành*, dựa

vào năng lực này, các Ngài hạ thủ công phu để tiến gần về Chân như.

3. *Phát tâm bằng sự chứng* (Chứng phát tâm): Đây là địa vị hàng Bồ-tát Thập địa. Nhờ công đức tu tập các cấp bậc trước, các Ngài đã đoạn trừ các *Chi mạng vô minh*, khi đăng địa là thời điểm các Ngài đối diện trực tiếp từng phần *Căn bản vô minh* để đoạn trừ, khi đoạn trừ một phần vô minh là chứng một phần Pháp thân hay Chân như. Do ý nghĩa này nên gọi là *phát tâm bằng sự chứng*.

Tóm lại, ba sự phát tâm này là đánh dấu tiến trình tu tập hội nhập Chân như, được khởi đầu từ *Sơ trụ* và kết quả kết thúc ở *Địa thứ mười*.



B.III.3.b: Nói sự phát tâm bằng sự tin (Có 3 tiết):

B.III.3.b¹: Nói tư cách và lý do phát tâm bằng sự tin.

B.III.3.b²: Nói ba Tâm được phát và bốn phương diện được tu.

B.III.3.b³: Nói thành quả của sự phát tâm ấy.



B.III.3.b¹: Nói tư cách và lý do phát tâm bằng sự tin (Có 2 tiêu tiết):

B.III.3.b¹.a: Nói tư cách và lý do phát tâm của người được đứng vào Chánh định tụ.

B.III.3.b¹.b: Nói tư cách và lý do phát tâm của người chưa đứng vào Chánh định tụ.



B.III.3.b¹.a: Nói tư cách và lý do phát tâm của người được đứng vào Chánh định tụ.

• **ÂM:**

Tín thành tựu phát tâm giả, y hà đẳng nhân, tu hà đẳng hạnh, đắc tín thành tựu, kham năng phát tâm? -Sở vị y Bất định tụ chúng sinh; hữu huân tập thiện căn lực cố, tín Nghiệp Quả báo, năng khởi thập thiện, yếm sinh tử khổ, dục cầu vô thượng Bồ-đề. Đắc trị chư Phật, thân thừa cúng dường, tu hành tín tâm, kinh nhất vạn kiếp, tín tâm thành tựu cố, chư Phật Bồ-tát giáo linh phát tâm. Hoặc dĩ Đại bi cố, năng tự phát tâm; hoặc nhân Chánh pháp dục diệt, dĩ hộ pháp nhân duyên cố, năng tự phát tâm.

Như thị tín tâm thành tựu, đắc phát tâm giả, nhập Chánh định tụ, tất cánh bất thối danh trụ Như Lai chủng trung, chánh nhân tương ưng.

• **NGHĨA:**

Phát tâm bằng sự tin hoàn hảo là hạng người nào? Tu theo hạnh gì để thành tựu được đức tin và đủ khả năng phát tâm? -Họ là những người thuộc *Bất định tụ*²⁰; những người này nhờ sức mạnh huân tập của *thiện căn*²¹ mà tin tưởng Nghiệp và Nghiệp quả, tu mười điều thiện, chán ghét cái khổ sinh tử, mong cầu Tuệ giác vô thượng. Nhờ vậy, họ được gặp chư Phật, để đích thân phụng sự cúng dường và tu tập sự tin; trải qua mười ngàn kiếp²² thì thành tựu sự tin, nên chư Phật

20 *Bất định tụ, Chánh định tụ*: Theo Bắc tông, tổng quát để nói. Tất cả mọi người được phân thành 3 nhóm (tụ): a. Nhóm sống theo Phật pháp, theo Chánh pháp gọi là Chánh định tụ; b. Nhóm sống theo tà pháp gọi là Tà định tụ; c. Nhóm sống chưa theo bên nào thì gọi là Bất định tụ. Với *Khởi Tín*, phân thành hai nhóm mà thôi: 1. Ai đã phát tâm kiên cố nghĩa là đã vào dòng Phật pháp thì gọi là Chánh định tụ. 2. Tất cả mọi người còn lại đều là Bất định tụ.

21 *Thiện căn*: Những điều thiện căn bản. Đó là Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn.

22 *Kiếp*: Kalpa (S), dịch âm là Kiếp ba, có nghĩa là thời kỳ, thời gian dài lâu. Kiếp có Tiểu kiếp, Trung kiếp và Đại kiếp.

- *Tiểu kiếp*: Khởi đầu lấy tuổi thọ con người là 10 tuổi, cứ 100 năm

và chư vị Bồ-tát giáo hóa mà phát tâm. Hoặc do lòng Đại bi thương xót chúng sinh mà tự phát tâm; hoặc vì muốn duy trì Phật pháp sắp mất mà tự phát tâm. Những người thành tựu sự tin mà phát tâm như thế thì được đứng vào hàng *Chánh định tu*, tuyệt đối không bị thối lui và được gọi là người ở trong dòng giống Như Lai, thích hợp với Nhân tố chánh yếu.

• **GIẢI:**

- Phần này, nội dung nói về tư cách và lý do những người phát tâm bằng sự tin được vào *Chánh định tu*. Đại để, có ba trường hợp:

+ Thứ nhất, những người có thiện căn vững mạnh (năm căn).

+ Thứ hai, những người có tâm Đại bi do thấy chúng sinh đau khổ.

tăng 1 tuổi cho đến tuổi thọ 84.000 tuổi, gọi là kiếp tăng. Rồi tính từ tuổi thọ con người là 84.000 tuổi và cứ 100 năm giảm 1 tuổi cho đến khi tuổi thọ còn 10 tuổi gọi là kiếp giảm. Cộng 1 kiếp tăng với 1 kiếp giảm là 1 tiểu kiếp (16.800.000 năm).

- *Trung kiếp*: Hai mươi lần tiểu kiếp là 1 Trung kiếp (336.000.000 năm).

- *Đại kiếp*: 4 Trung kiếp là 1 Đại kiếp. 4 Trung kiếp là Thành-Trụ-Hoại-Không. Đó là tuổi thọ của một thế giới. (1 Đại kiếp = 1.344.000.000 năm).

+ Thứ ba, những người muốn hộ trì Phật pháp sắp mất.

Nhờ ba đức tin này mà Bồ-tát phát tâm để được hội nhập vào “*dòng giống Như Lai*”, không còn thối chuyển và *thích ứng* với *Chánh nhân Phật tánh*.

- Theo quan điểm *Khởi Tín*, chúng sinh chỉ có hai nhóm, đó là *Bất định tụ* và *Chánh định tụ*; *Chánh định tụ* là *Bản Thể bất sinh diệt*, *Bất định tụ* là *hiện tượng sinh diệt*. Chúng sinh thì luôn được *Chân như huân tập*, nên dù mau hay lâu thể nào đi nữa, cũng sẽ trở về với *Chân như*. Đây là ý nghĩa để khẳng định một lần nữa: “*Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật*” vậy.



B.III.3.b¹.b: Nói tư cách và lý do phát tâm của người chưa đứng vào Chánh định tụ.

• **ÂM:**

Nhược hữu chúng sinh, thiện căn vi thiếu, cửu viễn dĩ lai, phiền não thâm hậu, tuy trị ư Phật, diệt đắc cúng dường, nhiên khởi Nhân Thiên chủng tử, hoặc khởi Nhị thừa chủng tử. Thiết hữu câu Đại

thừa giả, căn tắc bất định, nhược tấn nhược thoái. Hoặc hữu cúng dường chư Phật, vị kinh nhất vạn kiếp; u trung ngộ duyên, diệt hữu phát tâm; sở vị kiến Phật sắc tướng nhi phát kỳ tâm, hoặc nhân cúng dường chúng Tăng nhi phát kỳ tâm, hoặc nhân Nhị thừa chi nhân, giáo linh phát tâm; hoặc học tha phát tâm. Như thị đẳng phát tâm, tất giai bất định, ngộ ác nhân duyên, hoặc tiện thoái thất, đọa Nhị thừa địa.

• NGHĨA:

Với những hạng người thiện căn yếu kém, phiền não lâu ngày quá sâu dày, dù họ gặp được đức Phật và được cúng dường cũng chỉ gây được hạt giống Nhân, Thiên hay hạt giống Nhị thừa. Giả như họ cầu Đại thừa thì tâm tánh bất thường khi tiến khi thoái. Hoặc có người gặp Phật cúng dường nhưng chưa quá mười ngàn kiếp; trong thời kỳ này, gặp duyên thì cũng phát tâm; chẳng hạn, như thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc do cúng dường Tăng mà phát tâm, hoặc do các vị *Nhị thừa dạy bảo mà phát tâm*²³, hay do học tập người khác mà

²³ *Nhị thừa dạy bảo*: Các vị Nhị thừa có thể dạy bảo cho người khác

phát tâm. Đại khái là như vậy, tất cả sự phát tâm này đều *không cố định*²⁴, nếu gặp nhân duyên xấu có thể bị thối thất hay sa vào địa vị Nhị thừa.

• **GIẢI:**

Đại để, phần này nói về tư cách là lý do phát tâm của những người chưa đứng vào Chánh định tụ. Đây là những người xưa nay thiện căn quá yếu kém, phiền não quá sâu dày, nên dù có duyên lành gặp Phật và cúng dường cũng chỉ tạo được phước báo Nhân, Thiên hay Nhị thừa mà thôi. Lắm lúc, có phát tâm cầu Đại thừa đi nữa, cũng không đồng mãnh, khi yếu khi mạnh.

Tóm lại, sự phát tâm hàng Bất định tụ có bốn trường hợp:

1. Do gặp Phật mà phát tâm.
2. Do cúng dường Tăng mà phát tâm.
3. Do hàng Nhị thừa giáo hóa mà phát tâm.
4. Do học hỏi người khác mà phát tâm.

Vì phiền não quá sâu dày, nên sự phát tâm của họ quá yếu kém, vì thế không thể vào *Chánh định tụ* được,

phát tâm Đại thừa, mặc dù các vị ấy không thích Đại thừa.

24 Không cố định : Bất định, thuộc Bất định tụ.

và không thể khẳng định thời điểm nào họ hội nhập Chân như; chính thế, nên gọi là *Bất định tự*.



B.III.3.b²: Nói ba Tâm được phát và bốn phương diện được tu.

• **ÂM:**

Phục thứ, tín thành tự phát tâm giả, phát hà đẳng tâm? Lược thuyết hữu tam chủng. Vân hà vi tam? -Nhất giả Trục tâm, Chánh niệm Chân như pháp cố. Nhị giả Thâm tâm, nhạo tập nhất thiết chư thiện hạnh cố. Tam giả Đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sinh khổ cố.

Vấn viết: Thượng thuyết Pháp giới Nhất tướng, Phật Thể vô nhị, hà cố bất duy niệm Chân như, phục giả cầu học chư thiện chi hạnh?

Đáp viết: Thí như đại ma-ni bảo, thể tánh minh tịnh, nhi hữu khoáng uế chi cấu; nhược nhân tuy niệm bảo tánh, bất dĩ phương tiện chủng chủng ma tri, chung vô đắc tịnh. Như thị chúng sinh, Chân như chi pháp, Thể tánh không tịnh, nhi hữu vô

lượng phiền não nhiễm cấu; nhược nhân tuy niệm Chân như, bất dĩ phương tiện chủng chủng huân tu, diệt vô đắc tịnh. Dĩ cấu vô lượng biến nhất thiết pháp cố, tu nhất thiết thiện hạnh, dĩ vi đối trị. Nhược nhân tu nhất thiết thiện pháp, tự nhiên quy thuận Chân như pháp cố. Lược thuyết phương tiện hữu tứ chủng. Vân hà vi tứ?

- Nhất giả, hạnh căn bản phương tiện, vị quán nhất thiết pháp, tự tánh vô sinh, ly u vọng kiến, bất trụ sinh tử. Quán nhất thiết pháp, Nhân duyên hòa hợp, Nghiệp quả bất thất; khởi u Đại bi, tu chư phước đức, nhiếp hóa chúng sinh, bất trụ Niết-bàn. Dĩ tùy thuận Pháp tánh vô trụ cố.

- Nhị giả, năng chỉ phương tiện, vị tầm quý hồi quá, năng chỉ nhất thiết ác pháp, bất linh tăng trưởng; dĩ tùy thuận Pháp tánh, ly chư quá cố.

- Tam giả, phát khởi thiện căn, tăng trưởng phương tiện, vị cần tu cúng dường, lễ bái Tam Bảo, tán thán tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật. Dĩ ái kính Tam Bảo thuần hậu tâm cố, tín đắc tăng trưởng, nãi năng chí cầu vô thượng chi Đạo, hựu nhân Phật-

Pháp-Tăng lực sở hộ cố, năng tiêu Nghiệp chướng, thiện căn bất thối; dĩ tùy thuận Pháp tánh, ly si chướng cố.

- Tứ giả, Đại nguyện bình đẳng phương tiện, sở vị phát nguyện tận ưu vị lai, hóa độ nhất thiết chúng sinh, sử vô hữu dư, giai linh cứu cánh Vô dư Niết-bàn. Dĩ tùy thuận Pháp tánh vô đoạn tuyệt cố; Pháp tánh quảng đại, biến nhất thiết chúng sinh, bình đẳng vô nhị, bất niệm bỉ thử, cứu cánh tịch diệt cố.

• NGHĨA:

Thêm nữa, phát tâm bằng sự tin hoàn hảo là phát những tâm gì? -Nói đại lược thì có ba: Một là *Tâm ngay thẳng* (Trực tâm), tức nhớ thẳng Tâm Thể Chân như. Hai là *Tâm sâu xa* (Thâm tâm), tức thích thú tập hợp mọi hạnh lành. Ba là *Tâm Đại bi*, tức muốn cứu vớt tất cả chúng sinh thoát khỏi mọi khổ đau.

Hỏi: Ở trước đã nói, Chân như là Pháp tánh đồng nhất, là Thực Thể (Bản Thể Phật, Phật tánh) không hai (bất nhị); như thế, tại sao không chỉ nhớ nghĩ Chân như mà còn phải tu học các hạnh lành?

Đáp: Tương tự như khối ngọc ma-ni to lớn, thể

chất thì trong suốt mà bị quặng làm dơ bản, nếu chỉ nghĩ đến thể chất của ngọc mà không tìm cách mài giũa, thì ngọc không bao giờ trong suốt được. Chân như cũng vậy, Thể tánh vốn trong sáng, nhưng có vô số phiền não làm dơ bản; nếu chỉ nhớ nghĩ Chân như mà không tu các phương tiện thì Chân như ấy không thể trong sáng được. Vì rằng, phiền não làm dơ bản mọi pháp nên cần phải tu tất cả các pháp lành để sửa trị. Tu tập các hạnh lành chính là quay lại thuận theo với Chân như vậy. Phương tiện nói trên, đại khái có bốn;

- Một là *phương tiện căn bản*, tức quán sát các pháp đang là *vốn vô sinh*, nên siêu thoát mọi nhận thức hư ảo và *không trú*²⁵ trong sinh tử; lại quán sát các pháp là sự hội tụ của Nhân và Duyên, nên Nghiệp và Nghiệp báo không mất; do vậy mà khởi Tâm Đại bi làm mọi phước đức để hóa độ chúng sinh chứ không trú ở Niết-bàn. Tu phương tiện này là vì thuận theo sự *vô trú* của Chân như vậy.

- Hai là *phương tiện đình chỉ*, tức hỏ thẹn mà sám hối tội lỗi, đình chỉ mọi việc ác không cho lớn thêm.

²⁵ Không trú: Không vướng, không chấp thủ.

Tu phương tiện này là vì thuận theo *sự tách rời mọi ô nhiễm* của Chân như vậy.

- Ba là *phương tiện phát sinh và nuôi lớn thiện căn*, tức tinh tấn cúng dường và lễ bái Tam Bảo, tán dương, tùy hỷ và khuyến thỉnh chư Phật trú thế giáo hóa chúng sinh. Do cái tâm kính mến Tam Bảo thuần hậu như thế, mà đức tin lớn mạnh để rồi lập chí cầu Tuệ giác vô thượng. Lại nhờ sức mạnh hộ trì của Tam Bảo làm cho Nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Tu phương tiện này là vì thuận theo *sự thoát ly si mê và chướng ngại* của Chân như vậy.

- Bốn là *phương tiện Đại nguyện bình đẳng*, tức phát nguyện cùng tận vị lai, hóa độ tất cả chúng sinh không bỏ sót một ai, làm cho tất cả đều hội nhập Vô dư Niết-bàn. Tu phương tiện này là vì thuận theo *sự không gián đoạn* của Chân như, thuận theo *sự phổ biến ở tất cả chúng sinh*, thuận theo *sự bình đẳng, không bỉ thử* và *sự vắng lặng tuyệt đối* của Chân như vậy.

• **GIẢI:**

Nội dung phần này, Luận chủ giải thích hàng *Chánh định tụ* (Tín thành tựu) phát tâm gì và tu theo

những phương tiện gì.

Nói tổng quát, sự phát tâm của hàng Chánh định tụ có ba sắc thái: Một là *Tâm ngay thẳng* (Trực tâm), tức nghĩ nhớ thẳng Chân như không qua trung gian một đối tượng nào khác. Đây chính là trạng thái *Tam-muội Chân như*; đồng thời, cũng chính tâm này làm nền tảng cho hai tâm sau phát khởi. Nghĩa là, Chân như là nền tảng của hai hạnh *tự lợi, lợi tha*; vô lậu công đức trong Chân như là gốc tự lợi, tánh đồng đẳng của Chân như là gốc lợi tha. Vì biết Chân như đầy đủ mọi công đức vô lậu, nên thích thú tu tập các thiện căn, đây chính là *Tâm sâu xa* (sắc thái phát tâm thứ hai: Tự lợi). Vì thấy tất cả chúng sinh đồng thể Chân như, nên cứu vớt tất cả chúng sinh thoát khỏi mọi sự thống khổ; đây là *Tâm Đại bi* (sắc thái phát tâm thứ ba: Lợi tha). Tóm lại, công hạnh tu tập thì vô số, nhưng tất cả đều phát xuất từ ba tâm này đây.

Qua ý nghĩa trên, Luận chủ tự nêu lên nghi vấn để giải đáp, hầu tránh sự thắc mắc cho thính giả, độc giả. Đại đề, Bản Thể Pháp giới là Chân như, thể thì chỉ cần nhớ nghĩ Chân như là đủ, cần gì mà phải tu tập các

thiện hạnh nữa?

Đề thánh giả, độc giả dễ nhận thức, Luận chủ đưa ra ví dụ để so sánh như sau: Như khối ngọc ma-ni, nó vốn trong suốt nhưng bị quặng dơ bám vào, nếu không mài giũa thì ngọc sẽ không trong suốt được; tương tự, chúng sinh cũng như thế, Chân như vốn là Bản Thể thanh tịnh của chúng sinh, nhưng Chân như đã bị phiền não phủ che, do chúng sinh tạo ra từ xa xưa đến nay; vì thế, hành giả cần phải tu tập các thiện căn để sửa trị phiền não, có như thế Chân như mới hiển lộ. Tóm lại, tu tập các thiện căn chính là đoạn trừ các hạnh ác và cũng chính là quay về thuận theo Chân như vậy.

Phương tiện mà hàng Chánh định tu nương theo tu tập, đại lược để nói thì có:

- *Thứ nhất: “Phương tiện căn bản”*. Gọi là căn bản vì nương trực tiếp Chân như mà tu tập. Pháp tu này vận dụng triệt để *Tâm ngay thẳng* và *Tâm Đại bi*, phối hợp với hai pháp quán là *Quán vô sinh* và *Quán duyên sinh*. Vận dụng *Tâm ngay thẳng* là nghĩ thẳng Chân như, cũng chính là tu quán Bản Thể các pháp là vô sinh; do thế mà ra khỏi vọng kiến và không vướng mắc

sinh tử. Và, tu quán các pháp do Nhân duyên mà hiện hữu, nên biết rằng Nghiệp và Nghiệp báo của chúng sinh không mất; do thấy vậy mà khởi *Tâm Đại bi* làm mọi phước đức cứu khổ chúng sinh, chứ không an trú Niết-bàn. Tóm lại, hành giả không vướng mắc sinh tử, không an trú Niết-bàn, đó là *Tánh vô trú* của Chân như, chính ý nghĩa này, nên gọi pháp tu này là “*Phương tiện căn bản*”.

- *Thứ hai: “Phương tiện đình chỉ”*. Pháp tu này tóm tắt trong hai điểm là *tàm quý* và *sám hối*. *Tàm* là thẹn với mình, *Quý* là hổ với người; nhờ *tàm quý* mà ngăn chặn được các điều ác chưa sinh, và nhờ *sám hối* mà các tội ác đã làm không lớn mạnh thêm nữa. Do tu tập hai điểm này mà làm cho mọi pháp ác không phát sinh và tăng trưởng; nên gọi pháp tu thứ hai này là thuận theo “*sự tách rời mọi ô nhiễm*” của Chân như. Nếu so sánh với tu tập Giới, thì đây là cách tu theo *Chỉ trì*.

- *Thứ ba: “Phương tiện phát sinh và nuôi lớn thiện căn”*. Để phát sinh và tăng trưởng thiện căn, thật ra có nhiều cách tu; nhưng ở đây đặt nặng việc xây dựng và củng cố đức tin. Nói tóm tắt, phương tiện này có hai

điểm: Một là kính yêu Tam Bảo, hai là nhờ sức mạnh hộ trì của Tam Bảo. Do thuần nhất kính yêu Tam Bảo mà đức tin lớn mạnh, nhờ vậy mà phát sinh ý nguyện cầu Đạo vô thượng; đồng thời, do đức tin đã hoàn hảo mà được Tam Bảo hộ trì, làm cho Nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Do ý nghĩa đó, pháp tu này gọi là thuận theo “*sự thoát ly si mê và chướng ngại*” của Chân như. Nếu nói theo tu tập Giới, thì đây là cách tu *Tác trì* vậy.

- *Thứ tư: “Phương tiện Đại nguyện bình đẳng”.*

Đây là pháp tu phối hợp giữa 3 tâm, đó là Trục tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm. Cách tu tập này là nguyện cứu độ tất cả chúng sinh đến tận cùng vị lai, làm cho tất cả đều chứng Vô dư Niết-bàn. Thật vậy, nếu không biết rõ Chân như là vô thủ vô chung (Trục tâm), không thích thú vô lậu công đức (Thâm tâm), và không biết Pháp giới đồng Nhất Thể Chân như (Đại bi tâm), thì không thể nào phát Đại nguyện siêu việt như thế được. Vì Đại nguyện này siêu việt thời gian không gian, vô thủ vô chung, nên gọi pháp tu này là thuận theo “*Sự không gián đoạn, sự phổ biến, sự bình đẳng, sự vắng*

lặng tuyệt đối” của Chân như.

Tóm lại, nội dung phần này phân tích hai điểm là Tín và Hành (Tri Hành) của hàng Chánh định tụ. Tín ở đây là tin Thể tánh Chân như, và Hành là làm theo Thể tánh Chân như ấy. Cần phải hiểu như thế mới đúng lý nghĩa *Khởi Tín*.

Điểm cần lưu ý ở đây là trong Phật giáo thường dùng từ *phương tiện*, từ này là để chỉ những Nhân duyên, những mô thức giúp hành giả tiến về cứu cánh, chứ không phải cứu cánh. Do vậy, tất cả các pháp tu tập đều là phương tiện, như ở kinh *Kim Cang* tỷ dụ các pháp tu là “*chiếc bè qua sông*”, ở kinh *Lăng Già* thì gọi là “*ngón tay chỉ mặt trăng*”.v.v...



B.III.3.b³: Nói thành quả của sự phát tâm ấy.

• ÂM:

Bồ-tát phát thị tâm cố, tắc đắc thiểu phần kiến u Pháp thân. Dĩ kiến Pháp thân cố, tùy kỳ nguyện lực, Năng hiện bát chủng lợi ích chúng sinh. Sở vị tòng Đâu-Suất thiên thối, nhập thai, trụ thai, xuất

thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập u Niết-bàn. Nhiên thị Bồ-tát vị danh Pháp thân, dĩ kỳ quá khứ vô lượng thế lai hữu lậu chi Nghiệp, vị năng quyết đoạn; tùy kỳ sở sinh, dữ vi khổ tương ưng; diệc phi Nghiệp hệ, dĩ hữu Đại nguyện tự tại lực cố. Như Tu-đa-la trung hoặc thuyết hữu thối đạo ác thú giả, phi kỳ thật thối; dẫn vị sơ học Bồ-tát, vị nhập chánh vị nhi giải đãi giả, khủng bố linh bỉ đồng mãn cố. Hựu thị Bồ-tát, nhất phát tâm hậu, viễn ly khiếp nhược, tất cánh bất úy đạo Nhị thừa địa. Nhược văn vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, cần khổ nan hành, nãi đắc Niết-bàn, diệc bất khiếp nhược; dĩ tín tri nhất thiết pháp, tòng bản dĩ lai, tự Niết-bàn cố.

• NGHĨA:

Các vị Bồ-tát phát tâm bằng sự tin hoàn hảo như vậy thì thấy được ít phần Pháp thân. Vì thấy được Pháp thân nên các vị ấy có thể tùy sức mạnh của Đại nguyện mà biểu hiện tám tướng làm lợi ích cho chúng sinh. Đó là từ Đâu-Suất giáng thân, nhập thai, ở trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, giáo hóa và nhập Niết-

bàn. Nhưng các vị Bồ-tát này vẫn chưa được gọi là hội nhập Pháp thân, vì các vị ấy chưa loại hết những hành vi xấu ác đã làm trong nhiều đời quá khứ; cho nên sinh ra ở đâu cũng còn những cái khổ đau nhỏ nhiệm; dù thế, các vị không bị Nghiệp buộc ràng, vì có sức mạnh tự tại của Đại nguyện. Trong kinh có chỗ bảo, các vị ấy còn bị thối lui và đọa vào đường dữ, nhưng thật ra không phải như thế; kinh nói vậy là để cảnh cáo các vị Bồ-tát mới tu học chưa vào Chánh định tụ mà lại biếng nhác, để họ dũng mãnh nhiều hơn. Thêm nữa, các vị ấy sau khi phát tâm rồi thì dứt hẳn mọi khiếm nhược, hoàn toàn không còn lo sợ đọa vào hàng Nhị thừa²⁶ (các đường dữ). Và, dù nghe nói phải trải qua vô số thời kỳ tu hành khó khăn, khổ nhọc mới chứng Niết-bàn, các vị cũng không khiếm nhược; vì các vị Bồ-tát tin tưởng và hiểu rằng, tất cả các pháp xưa nay bản chất là Niết-bàn.

• GIẢI:

Nội dung phần này nói về thành quả của sự phát tâm bằng sự tin của hàng Chánh định tụ, tức thành quả

26 Đọa vào hàng Nhị thừa: Theo bản dịch của Ngài Thật-xoa-nan-đà, dịch vào đời Đường, thì ghi đọa ác đạo thú chứ không phải đọa vào hàng Nhị thừa.

của những hành giả khi bước lên địa vị Sơ trụ.

Đại lược để nói, khi các vị Bồ-tát kinh qua Thập tín bước lên Sơ trụ, tại đây, tâm các vị đã được an trú, nên thấy được ít phần Pháp thân (Chân như), lại cộng hưởng sức mạnh Đại nguyện, nên có thể biểu hiện tám tướng thành đạo làm lợi ích cho chúng sinh.

Tuy vậy, sự biểu hiện này rất hạn chế, mang ý nghĩa đang học cách làm Phật; vì vậy, không giống sự biểu hiện của Bồ-tát hàng Thập địa hay sự biểu hiện của chư Phật. Kết quả như thế là vì các vị chỉ mới đoạn trừ được các *Chi mạng vô minh*, nên sinh ra ở đâu cũng còn chịu những khổ đau vi tế (cả Phần đoạn sinh tử lẫn Biến dịch sinh tử); tuy vậy, các vị ấy vẫn tự tại không bị Nghiệp trói buộc. Thêm nữa, tâm lý các vị rất dũng mãnh, nên không còn bị thối lui và không còn khiếp sợ phải tu tập gian khổ nhiều thời kỳ mới thành Phật.

Tóm lại, các vị Bồ-tát đã thành tựu đức tin, bước lên hàng Thập trụ thì có những thành quả: *Biểu hiện tám tướng thành Đạo, ở đâu cũng tự tại, không thối chuyển và không khiếp sợ.*



B.III.3.c: Nói sự phát tâm bằng sự biết và sự làm.**• ÂM:**

Giải hạnh phát tâm giả, đương tri chuyển thắng. Dĩ thị BỒ-tát tùng sơ Chánh tín dĩ lai, ư đệ nhất a-tăng-kỳ kiếp tương dục mãn cố, ư Chân như pháp trung, thâm giải hiện tiền, sở tu ly tướng. Dĩ tri Pháp tánh, Thể ly xan tham cố, tùy thuận tu hành Đàn Ba-la-mật. Dĩ tri Pháp tánh vô nhiễm, ly ngũ dục quá cố, tùy thuận tu hành Thí Ba-la-mật. Dĩ tri Pháp tánh vô khổ, ly sân nã cố, tùy thuận tu hành Săn-dề Ba-la-mật. Dĩ tri Pháp tánh vô thân-tâm tướng, ly giải đãi cố, tùy thuận tu hành Tỳ-lê-da Ba-la-mật. Dĩ tri Pháp tánh thường định, Thể vô loạn cố, tùy thuận tu hành Thiền Ba-la-mật. Dĩ tri Pháp tánh Thể minh, ly vô minh cố, tùy thuận tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

• NGHĨA:

Phát tâm bằng sự biết và sự làm (Giải hạnh) thì nên biết cao sâu hơn trước (Tín thành tựu), vì khi đạt được đức tin hoàn hảo trở đi (Chánh tín), cho đến thời

kỳ vô số (A-tăng-kỳ kiếp)²⁷ thứ nhất sắp đầy đủ, các vị Bồ-tát này đối với Chân như đã có *sự hiểu biết sâu xa* và *sự thực hành ly tướng*. Vì các vị biết Chân như là không có tham lẩn nên thuận theo mà tu tập *Bố thí Ba-la-mật* (Thí độ). Vì biết Chân như là không nhiễm ô, không có sắc thái xấu xa năm dục, nên thuận theo mà tu tập *Giới Ba-la-mật* (Giới độ). Vì biết Chân như là không có khổ đau, sân hận, nên tùy thuận mà tu tập *Nhẫn nhục Ba-la-mật* (Nhẫn độ). Vì biết Chân như không có tướng thân và tâm, không có sự biếng nhác, nên thuận theo mà tu tập *Tinh tấn Ba-la-mật* (Tấn độ). Vì biết Chân như thường an tịnh, không rối loạn, nên thuận theo mà tu tập *Thiền định Ba-la-mật* (Định độ).

27 Tam A-tăng-kỳ kiếp: Ba thời kỳ vô số. Đây là thời gian tu tập kể từ khi hành giả phát tâm chính xác (Chánh tín Sơ trụ) đến khi hành giả hoàn thành quả vị Phật-đà. Theo Bắc tông, khi hết Thập tín bước lên Sơ trụ là bắt đầu thời kỳ vô số thứ nhất, đến khi hết Thập Hồi hướng bước lên Sơ địa là sắp hết thời kỳ vô số thứ nhất này. Thời kỳ vô số thứ hai là từ Sơ địa đến Bát địa; thời kỳ vô số thứ ba từ Bát địa đến hết Thập địa. Theo *Khởi Tín*, sắc thái phát tâm từ thấp đến cao có ba cấp: “*Bằng sự tin, bằng sự biết và làm, bằng sự chứng*”. Phát tâm chính là phát khởi và phát triển Chân như trong tự thân. Nếu phối hợp ba sự phát tâm này với ba thời kỳ vô số, thì *Phát tâm bằng sự tin*, *Phát tâm bằng sự biết và sự làm* thuộc thời kỳ vô số thứ nhất; còn sự *Phát tâm bằng sự chứng* thuộc thời kỳ thứ hai và thời kỳ thứ ba.

Vì biết Chân như là trong sáng không có trạng thái Bất giác, nên thuận theo mà tu tập *Trí tuệ Ba-la-mật* (Trí độ).

• **GIẢI:**

Theo *Khởi Tín*, hàng Thập tín được xếp vào nhóm Bất định tụ, tức thuộc phạm phu. Khi hành giả tu tập viên mãn sự tin bước lên địa vị Sơ trụ, là bước đầu tiên đi vào Chánh định tụ. Quá trình tu tập (phát tâm) từ Sơ trụ đến hết Trụ thứ mười, là sự phát tâm bằng sự tin; từ Sơ hạnh đến Hướng thứ mười, là quá trình tu tập bằng sự biết và sự làm (Giải hạnh). Phần này là giải thích sự phát tâm của hàng Bồ-tát Thập hạnh và Thập hướng.

Quá trình tu tập của Thập trụ, là đề củng cố sự an trú của tâm và Đại nguyện kiên cường vững mạnh. Khi lên Sơ hạnh thì *trú* và *nguyện* đã kiên cố, nên tại đây các vị Bồ-tát có sự hiểu biết Chân như sâu xa hơn và thể hiện hiểu biết này bằng hành động. Do ý nghĩa đó, nên gọi sự tu tập này là “*phát tâm bằng sự biết và sự làm*”.

Tóm lại, sự tu tập của Bồ-tát Thập hạnh, Thập hướng là sự vận dụng *Tri-Hành* để đạt đến Nhất Thể. Tức hiểu Chân như là vô tướng nên biểu hiện cái vô tướng đó qua lục độ, để tiến dần về thực tại vô tướng

Chân như. Nói cách khác, quá trình tu tập này là tùy thuận Bản tánh Chân như mà thể hiện, để hướng đến hội nhập Chân như.



B.III.3.d: Nói sự phát tâm bằng sự chứng (Có 2 tiết):

B.III.3.d¹: Nói sự phát tâm bằng sự chứng và hoạt dụng của sự phát tâm ấy.

B.III.3.d²: Nói sự hoàn tất của sự phát tâm bằng sự chứng.



B.III.3.d¹: Nói sự phát tâm bằng sự chứng và hoạt dụng của sự phát tâm ấy.

• **ÂM:**

Chúng phát tâm giả, tòng định tâm địa, nãi chí Bồ-tát cứu cánh địa, chúng hà cảnh giới? -Sở vị Chân như. Dĩ y Chuyển thức thuyết vi cảnh giới, nhi thử chúng giả, vô cảnh giới tướng, duy Chân như trí, danh vi Pháp thân.

Thị Bồ-tát u nhất niệm khoảnh, năng chí thập phương, vô dư thế giới, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, duy vị khai đạo, lợi ích chúng sinh, bất y văn tự. Hoặc thị siêu địa tốc thành Chánh giác, dĩ vi khiếp nhược chúng sinh cố. Hoặc thuyết ngã u vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, đương thành Phật đạo, dĩ vi giải mạn chúng sinh cố. Năng thị như thị vô số phương tiện, bất khả tư nghị; nhi thật Bồ-tát chủng tánh căn đẳng, phát tâm tác đẳng, sở chứng diệc đẳng, vô hữu siêu quá chi pháp. Dĩ nhất thiết Bồ-tát, giai kinh tam a-tăng-kỳ kiếp cố; dẫn tùy chúng sinh thế giới bất đồng, sở kiến sở văn căn dục tánh dị, cố thị sở hành diệc hữu sai biệt.

• **NGHĨA:**

Phát tâm bằng sự chứng là các vị Bồ-tát từ *địa vị Trí tuệ trong sáng đến địa vị cứu cánh*²⁸, các vị Bồ-tát này chứng cảnh giới gì? -Đó là chứng Chân như. Nhưng cảnh giới nói đây là nương theo Chuyên thức để nói cho dễ hiểu, chứ sự chứng ở đây không có cái

28 *Địa vị Trí tuệ trong sáng đến địa vị cứu cánh*: Tức từ Địa thứ nhất đến Địa thứ mười.

gì gọi là cảnh giới, mà chỉ là Tuệ giác Chân như được gọi là Pháp thân.

Các vị Bồ-tát này, trong thời gian rất nhanh như ý nghĩ, có thể đến khắp các thế giới trong mười phương, cúng dường các đức Phật-đà, thỉnh cầu các Ngài chuyên bán xe Phật pháp, làm như vậy là để mở đường đem lợi ích cho chúng sinh, chứ không cần dùng đến ngôn ngữ văn tự. Các vị Bồ-tát này, có khi vì những chúng sinh hèn yếu khiếp sợ, nên biểu hiện vượt mọi địa vị tu tập mà thành ngay đấng Chánh giác. Hoặc có khi vì những chúng sinh biếng nhác, khinh thường, nên biểu hiện trải qua vô số thời kỳ vô số, mới thành quả vị Phật-đà.

Các vị biểu hiện vô số phương tiện như vậy ngoài sự nghĩ bàn; nhưng thật ra, chủng tánh và thiện căn của các vị Bồ-tát thì đồng đẳng, nên phát tâm cũng đồng đẳng, chúng ngộ cũng đồng đẳng, không có sự kiện vượt qua các địa vị được. Bởi vì, vị nào cũng phải tu hành trải qua ba thời kỳ vô số; chỉ vì tùy theo thế giới bất đồng của chúng sinh, tức tùy theo trình độ, khuynh hướng, cá tính của chúng sinh, để các vị Bồ-tát biểu

hiện các việc làm thích ứng với căn cơ nên có sự sai khác nhau.

• **GIẢI:**

Phần này Luận Chủ thuyết minh về *sự phát tâm bằng sự chứng, và hoạt dụng của sự phát tâm đó*.

- Bồ-tát hàng Thập hạnh và Thập hướng (Giải hạnh) tùy theo Bản tánh của Chân như mà tu tập, chứ chưa chứng nhập Chân như. Khi *sự biết* và *sự làm* thuần thực thì chứng Sơ địa, tức bước lên địa vị tu tập cấp chứng (chứng phát tâm). Cấp chứng là từ Sơ địa đến Địa thứ mười. Sở dĩ gọi là *chứng* vì giai đoạn này các vị Bồ-tát mới trực tiếp đoạn từng phần vô minh để chứng từng phần Pháp thân, địa vị càng cao thì thân chứng Pháp thân càng sâu. Đến địa thứ mười thì hội nhập toàn diện. Nói chứng Chân như (Pháp thân) là dựa vào nhận thức (Chuyển thức) để nói, chứ thực tại Chân như là vô tướng, siêu việt mọi ngôn ngữ, tư duy. Vì vậy, phải tu tập *ly tướng* mới chứng Chân như hay chứng *thực tại vô tướng* được.

- Chứng Chân như chính là chứng Trí tịnh tướng (Trí Chân như), khi đã chứng thì Bồ-tát có khả năng

phát khởi các Diệu Dụng Chân như (Bất khả tư nghị nghiệp) tùy theo sở chứng của mình. Chính do Diệu Dụng này mà các vị Bồ-tát có thể biểu hiện sự thành Phật nhanh hay chậm, tùy theo căn cơ chúng sinh. Và, sự biểu hiện làm lợi ích chúng sinh như thế, toàn là sự biểu hiện thực tại vô tướng của Chân như cả.

- Sự kiện trong một sát-na các vị Bồ-tát có thể đến khắp mọi thế giới mười phương cúng dường, thỉnh cầu chư Phật thuyết pháp.v.v... là hoạt dụng Nhân quả xuất thế gian. Những biểu hiện thành Phật nhanh hay chậm là hoạt dụng Nhân quả thế gian. Đây chính là Dụng vĩ đại của Chân như, của Đại thừa hay của Tâm vậy.

- Sự biểu hiện thành Phật của các vị Bồ-tát là cách tu tập làm Phật, chứ không phải đã thành Phật. Đồng thời, thời gian thành Phật tất cả các vị Bồ-tát đều như nhau, là phải trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp.



B.III.3.d²: Nói sự hoàn tất của sự phát tâm bằng sự chứng.

• **ÂM:**

Hựu thị Bồ-tát phát tâm tướng giả, hữu tam chủng tâm vi tế chi tướng. Vân hà vi tam? -Nhất giả Chân tâm, vô phân biệt cố. Nhị giả Phương tiện tâm, tự nhiên biến hành lợi ích chúng sinh cố. Tam giả Nghiệp thức tâm, vi tế khởi diệt cố.

Hựu thị Bồ-tát, công đức thành mãn, ư Sắc Cứu cánh xứ, thị nhất thiết thể gian tối cao đại thân; vị dĩ nhất niệm tương ưng tuệ, vô minh đốn tận, danh Nhất thiết chủng trí; tự nhiên nhi hữu Bất tư nghị nghiệp, năng hiện thập phương lợi ích chúng sinh.

Vấn viết: Hư không vô biên cố, thế giới vô biên; thế giới vô biên cố, chúng sinh vô biên; chúng sinh vô biên cố, tâm hành sai biệt diệt phục vô biên. Như thị cảnh giới, bất khả phân tề, nan tri nan giải. Nhược vô minh đoạn, vô hữu tâm tướng, vân hà năng liễu, danh Nhất thiết chủng trí?

Đáp viết: Nhất thiết cảnh giới, bản lai Nhất Tâm, ly ư tướng niệm; dĩ chúng sinh vọng kiến cảnh giới, cố tâm hữu phân tề; dĩ vọng khởi tướng niệm, bất xứng Pháp tánh, cố bất năng liễu. Chư

Phật Như Lai, ly u kiến tướng, vô sở bất biến. Tâm chân thật cố, tức thị chư pháp chi tánh, tự Thể hiển chiếu, nhất thiết vọng pháp. Hữu đại trí dụng, vô lượng phương tiện, tùy chư chúng sinh, sở ứng đặc giải, giai năng khai thị chủng chủng pháp nghĩa. Thị cố đặc danh Nhất thiết chủng trí.

Hựu vấn viết: Nhược chư Phật hữu tự nhiên nghiệp, năng hiện nhất thiết xứ lợi ích chúng sinh giả, nhất thiết chúng sinh, nhược kiến kỳ thân, nhược đồ thân biến, nhược văn kỳ thuyết, vô bất đắc lợi; vân hà thế gian đa bất năng kiến?

Đáp viết: Chư Phật Như Lai Pháp thân bình đẳng, biến nhất thiết xứ, vô hữu tác ý, cố thuyết tự nhiên. Đản y chúng sinh tâm hiện. Chúng sinh tâm giả, do như u cảnh, cảnh nhược hữu cấu, sắc tượng bất hiện. Như thị chúng sinh, tâm nhược hữu cấu, Pháp thân bất hiện cố.

• NGHĨA:

Thêm nữa, sắc thái phát tâm bằng sự chúng của các vị Bồ-tát này có ba thứ rất vi tế: Thứ nhất là *Tâm chân thật*, vì siêu việt mọi phân biệt. Thứ hai là *Tâm*

phương tiện, vì làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh một cách tự nhiên. Thứ ba là *Tâm nghiệp thức* (Động thức), vì còn sinh diệt vi tế.

Lại nữa, các vị Bồ-tát này khi công đức viên mãn thì tại cõi trời Sắc Cứu cánh²⁹ biểu hiện cái thân cao to nhất thế gian³⁰; và Tuệ giác thì *thích ứng* tối hậu với Chân như, nên vô minh hết sạch, gọi là *Nhất thiết chủng trí* (Tuệ giác biết tất cả); do đó mà Hoạt dụng siêu việt tự nhiên biểu hiện khắp cả làm lợi ích cho chúng sinh.

Hỏi: Không gian vô biên thì thế giới cũng vô biên, thế giới vô biên thì chúng sinh cũng vô biên, chúng sinh vô biên thì tâm thức tạo tác sai biệt cũng vô biên. Đồi cảnh như vậy thật không có giới hạn khó mà hiểu biết; nếu vô minh hủy diệt thì không còn tâm thức, thế thì lấy gì để hiểu biết mà gọi là Nhất thiết chủng trí?

29 *Cõi trời Sắc Cứu cánh*: Trời Sắc Cứu cánh là cõi trời cao nhất của cõi Sắc, và cũng là cõi mà sắc chất tinh diệu nhất của thế giới sắc chất.

30 *Biểu hiện cái thân cao to nhất thế gian*: Tức *Tha thọ dụng thân* hay *Thắng ứng thân*. Khi chứng *Pháp thân* thì đồng thời có *Báo thân* tức *Tự thọ dụng thân*, có *Thắng ứng thân* tức *Tha thọ dụng thân*, và có *Liệt ứng thân* tức *Biến hóa thân* (tùy loại mà hiện thân).

Đáp: Tất cả đối cảnh vốn là Tâm Thể đồng nhất, siêu việt phân biệt; chúng sinh vì nhận thức không chính xác mà hình thành đối cảnh, nên nhận thức của chúng sinh là phân biệt, là giới hạn; và, vì những phân biệt khởi lên càng không chính xác, không thích hợp với Thực Thể (Chân như) các pháp, nên không thể biết rõ tất cả. Các đấng Phật-đà thì siêu việt cái nhận thức ấy, nên Tuệ giác phổ biến tất cả, cái Tuệ giác xác thực này chính là Bản tánh của các pháp, nên tự Thể soi rõ hết thấy các pháp sai biệt. Cái Tuệ giác này có cái hoạt dụng vĩ đại, đó là vô số phương tiện, tùy chúng sinh nhu cầu như thế nào mới được lý giải, thì chỉ dạy được hết thấy mọi lý nghĩa của mọi pháp. Chính thế, nên gọi là *Tuệ giác biết tất cả* (Nhất thiết chủng trí).

Lại hỏi: Nếu chư Phật có hoạt dụng tự nhiên biểu hiện khắp nơi, làm lợi ích cho chúng sinh, thì lẽ ra mọi chúng sinh thấy được thân hình của Ngài, thấy được biến hóa của Ngài, nghe được lời tiếng của Ngài và ai cũng được lợi ích cả; thế thì tại sao đa số chúng sinh không ai thấy nghe gì hết?

Đáp: Pháp thân của chư Phật thì bình đẳng, hiện

hữu khắp mọi nơi, không có tác ý³¹, nên gọi là *tự nhiên*. Nhưng Pháp thân ấy biểu hiện hay không là tùy thuộc tâm thức chúng sinh. Tâm thức chúng sinh thì như tấm gương, gương mà dơ bẩn thì bóng không hiện; chúng sinh cũng vậy, Pháp thân không hiện là vì tâm thức còn dơ bẩn.

• **GIẢI:**

Phần này nói sự hoàn tất của sự phát tâm bằng sự chứng, gồm ba đoạn:

- *Đoạn thứ nhất:* Từ “*Thêm nữa... đến... lợi ích cho chúng sinh*”. Đoạn này có hai ý:

1. Tâm của hàng Bồ-tát cấp chứng này có ba sắc thái vi tế: Thứ nhất là *Tâm chân thật*, tức tâm vô phân biệt (Trí tịnh tướng, Căn bản trí); thứ hai là *Tâm phương tiện* (Sai biệt trí, Bất tư nghị nghiệp); thứ ba là *Tâm nghiệp thức*, tức tâm còn sự sinh diệt vi tế của vô minh.

2. Khi sinh diệt vi tế hủy diệt chính là thời điểm hoàn tất sự phát tâm bằng sự chứng. Vô minh hủy diệt chính là hội nhập Chân như, tại đây Trí tuệ hiển lộ một

³¹Tác ý: Chú ý, cố ý, chính là sự phân biệt.

cách toàn triệt (Nhất thiết chủng trí); đồng thời, hiện khởi những Hoạt dụng siêu việt làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

- *Đoạn thứ hai:* Từ “*Hỏi... đến... Tuệ giác biết tất cả*”. Luận chủ đặt câu hỏi để giải thích thêm làm rõ nghĩa hơn về *Tuệ giác biết tất cả*. Đại lược, nghi vấn rằng, đối cảnh thì vô biên vô số, mà biết đối cảnh là do tâm thức, nhưng khi hội nhập Chân như thì tâm thức hủy diệt, vậy lấy cái gì để biết mà gọi là *Tuệ giác biết tất cả*? Giải thích cho nghi vấn này có hai điểm:

1. Toàn bộ đối cảnh vốn là Tâm Thể đồng nhất, chúng sinh vì phân biệt mà hình thành đối cảnh, phân chia Nhất Tâm thành từng mảnh vụn, không thích hợp Thực Thể các pháp. Vì vậy chúng sinh không thể biết rõ tất cả.

2. Chư Phật thì siêu việt mọi phân biệt, là các đấng đã chứng ngộ Bản Thể đồng nhất (Chân như) của các pháp, nên biết rõ tất cả các pháp (Nhất thiết chủng trí); do đây mà có Hoạt dụng vĩ đại, tức thể hiện vô số phương tiện làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh theo căn cơ của họ. Chính thế, gọi Trí Phật là *Tuệ giác biết*

tất cả vậy.

- *Đoạn thứ ba:* Từ “*Lại hỏi... đến... tâm thức còn do bản*”. Đoạn này Luận chủ tiếp tục đặt nghi vấn để làm sáng tỏ thêm về Hoạt dụng siêu việt của chư Phật. Nghi vấn là: Chư Phật thường biểu hiện vô số phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh, thế thì tại sao đa số không ai thấy nghe gì cả? -Luận chủ giải thích rằng, đa số chúng sinh đang bị vô minh phiền não che phủ Bản Thể trong sáng (Chân như), nên không thể thấy nghe Diệu Dụng Pháp thân chư Phật được, tương tự như tấm gương đang bị bụi dơ thì đối cảnh không thể hiện hình được.



B.IV. CÁCH TU TẬP (Có 4 điểm):

B.IV.1: Nói tư cách người tu sự tin.

B.IV.2: Nói tổng quát về sự tin và sự tu của sự tin mà người ấy phải tu.

B.IV.3: Đặc biệt nói về sự tin.

B.IV.4: Chỉ cách đề phòng thoái chuyển.



B.IV.1: Nói tư cách người tu sự tin.

• **ÂM:**

Dĩ thuyết Giải thích phần, thứ thuyết Tu hành tín tâm phần. Thị trung y vị nhập Chánh định tu chúng sinh, cố thuyết Tu hành tín tâm.

• **NGHĨA:**

Mục Giải thích đã xong, bây giờ nói mục Tu hành tín tâm. Trong mục này là trình bày cách tu của những người chưa đứng vào Chánh định tu, nên mới gọi là Tu hành tín tâm.

• **GIẢI:**

- Giáo nghĩa *Khởi Tín* là xiển dương đức tin Đại thừa, tin Đại thừa chính là tin cái *Tâm đang là* của chúng ta. Tâm ấy vốn sẵn Thể, Tướng và Dụng vĩ đại, bất sinh bất diệt, vô thi vô chung. Nói khác đi, tin cái *Tâm đang là* của chúng ta tức tin Thực Thể của tâm chính là Chân như. Đức tin khởi phát từ Chân như và tin là tin Chân như này đây.

- Phần này mở đầu cho phần giới thiệu cách tu giáo nghĩa *Khởi Tín*. Đối tượng sơ phát tâm tu tập là hàng Bất định tu và pháp tu là sự tin. Sự tin này là căn

bản của sự phát huy về Tâm hay sự phát khởi, phát huy và hội nhập Chân như. Đây chính là tâm nguyện mà Luận chủ đã nói ở phần mở đầu của luận văn: “...*phát đức tin chính xác Đại thừa để giống Phật không bị mất đi*”.



B.IV.2: Nói tổng quát về sự tin và sự tu của sự tin mà người ấy phải tu.

• **ÂM:**

Hà đẳng tín tâm? Vân hà tu hành? -Lược thuyết tín tâm hữu tứ chủng. Vân hà vi tứ? -Nhất giả Tín căn bản, sở vị nhạo niệm Chân như pháp cố. Nhị giả Tín Phật hữu vô lượng công đức, thường niệm thân cận, cúng dường cung kính, phát khởi thiện căn, nguyện cầu Nhất thiết trí cố. Tam giả Tín Pháp, hữu đại lợi ích, thường niệm tu hành chư Ba-la-mật cố. Tứ giả Tín Tăng, năng chánh tu hành, tự lợi tự tha, thường nhạo thân cận chư Bồ-tát chúng, cầu học như thật hạnh cố.

Tu hành hữu ngũ môn, năng thành thử tín.

Vân hà vi ngũ? -Nhất giả Thí môn. Nhị giả Giới môn. Tam giả Nhẫn môn. Tứ giả Tấn môn. Ngũ giả Chỉ-Quán môn.

• NGHĨA:

Những người này tin những gì, và tu hành những gì? -Đại lược để nói, sự tin ấy có bốn đối tượng. Bốn đối tượng nào? -Một là *Tin căn bản*, tức thích thú nhớ nghĩ Tâm Thể Chân như. Hai là *Tin Phật*, tức tin Ngài có vô lượng công đức, nên thường nghĩ đến sự thân cận, cung kính và cúng dường để phát sinh thiện căn, mong được Tuệ giác vô thượng của Ngài. Ba là *Tin Pháp*, tức tin Pháp ấy có lợi ích vĩ đại, nên thường nghĩ đến sự thực hành các pháp Ba-la-mật. Bốn là *Tin Tăng*, tức tin rằng các vị ấy tu hành chính xác để tự lợi-lợi tha, nên thường thích thú thân gần Bồ-tát Tăng³² để cầu học sự tu hành đúng như thật.

Sự tu hành thì có năm cách để hoàn thành sự tin trên. Năm cách ấy là gì? -Một là Thí, hai là Giới, ba là Nhẫn, bốn là Tấn, năm là Chỉ-Quán (Thiền định).

³² *Bồ-tát Tăng*: Tỷ-kheo mà thọ giới Bồ-tát, như vậy mới gọi là Tăng.

• **GIẢI:**

Phần này giới thiệu tổng quát những đối tượng mà Bồ-tát sơ phát tâm cần phải tin, cần phải tu để hoàn thành mười địa vị đức tin (Thập tín) bước lên hàng Thập trụ.

- Hàng Bất định tụ là những người đứng ngoài cửa Phật pháp, muốn vào dòng Phật pháp căn bản phải có đức tin, như kinh *Tâm Địa Quán* khẳng định: “*Vào biển Phật pháp lấy đức tin làm gốc*”.

Trên căn bản đó, *Khởi Tín* giới thiệu đến với hành giả có bốn đối tượng cần được tin: Đó là *Tin Chân như*, *Tin Phật*, *Tin Pháp* và *Tin Tăng*. Thế là, nội dung sự tin này vẫn là *Tứ bất hoại tín*, chỉ thay thế *Tin Giới* ở vị trí thứ tư bằng *Tin Chân như* và đặt ở vị trí thứ nhất. Với vị trí *Tin Chân như* đặt hàng đầu, *Khởi Tín* muốn khẳng định rằng, đức tin này là căn bản, là chủ yếu; tin *Phật-Pháp-Tăng* cũng từ Chân như lưu xuất mà thôi. Đây là điểm nhất quán trong *Khởi Tín* và cũng là trọng tâm mà giáo nghĩa *Khởi Tín* thuyết minh.

- Tin là sinh hoạt của tâm lý, để đức tin nhuần nhuyễn và hiện thực thì cần được biểu hiện qua hành

động của thân và miệng, như thế tri-hành mới hợp nhất. Chính vì thế, Luận chủ giới thiệu đến với hành giả đương cơ năm pháp: “*Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn và Chỉ-Quán*” để tu tập hằng ngày. Đây là năm pháp trong sáu Ba-la-mật. Bồ-tát cấp chứng thì tu cả sáu Ba-la-mật trong tinh thần ly tướng, trực tiếp chứng Pháp thân; còn tại địa vị sơ phát tâm này, chỉ tu năm pháp và được gọi là *năm môn* chứ không gọi là năm Ba-la-mật.

- Theo Bắc tông nói chung và *Khởi Tín* nói riêng, đây là giai đoạn tu tập của hàng phàm phu (sơ phát tâm Bồ-tát), nên nội dung tu tập hiện hữu năng-sở, bỉ-thử... Vậy là, ai đang trong giai đoạn tu tập này mà nói mình vô chấp, ly tướng... thì thật là đại vọng ngôn (hơn nữa, hành giả đã ly tướng thì không bao giờ nói mình ly tướng).



B.IV.3: Đặc biệt nói về sự tu. (Có 5 chi):

B.IV.3.a: Nói về Thí.

B.IV.3.b: Nói về Giới.

B.IV.3.c: Nói về Nhẫn.

B.IV.3.d: Nói về Tấn.

B.IV.3.e: Nói về Chỉ và Quán.



B.IV.3.a: Nói về Thí.

• **ÂM:**

Vân hà tu hành Thí môn? -Nhược kiến nhất thiết lai cầu sách giả, sở hữu tài vật, tùy lực thí dữ, dĩ tự xả xan tham, linh bỉ hoan hỷ. Nhược kiến ách nạn khủng bố nguy bức, tùy kỹ kham nhậm, thí dữ vô úy. Nhược hữu chúng sinh lai cầu pháp giả, tùy kỹ năng giải, phương tiện vị thuyết. Bất ưng tham cầu danh lợi, cung kính, duy niệm tự lợi lợi tha, hồi hướng Bồ-đề cố.

• **NGHĨA:**

Tu tập *Bố thí* như thế nào? -Đó là, nếu thấy bất cứ ai đến cầu được giúp đỡ, mình có tài sản gì hãy tùy khả năng mà cho họ, để từ bỏ tính tham lẫn của mình và làm cho họ vui vẻ. Hoặc thấy ai bị tai nạn đang lo sợ, hay đang nguy khốn, tùy khả năng của mình để đem

lại cho họ sự không sợ hãi. Hoặc có ai đến cầu học tập Phật pháp, tùy khả năng của mình mà khéo léo trình bày cho họ. Làm ba sự Bồ thí này với tâm lý không tham danh lợi và sự tôn kính, mà chỉ nghĩ đến tự lợi, lợi tha hướng về Tuệ giác vô thượng.

• **GIẢI:**

- Bồ thí là pháp tu đầu tiên của hàng Bồ-tát sơ phát tâm cần thực hiện. Bồ thí có ba cách là Tài thí, Vô úy thí và Pháp thí. Với căn cơ này, Luận chủ chỉ giới thiệu Bồ thí ngoại tài (tài sản...); chứ Bồ thí nội tài, hàng Bồ-tát ly tướng mới thực hiện được.

- Bồ thí được tu tập trước tiên là nhằm trừ bỏ dần lòng tham dục, chấp thủ; tham chấp có giảm thiểu thì Trí-Bi mới sinh khởi, và khi có Trí-Bi mới bước vào dòng Phật pháp được.



B.IV.3.b: Nói về Giới.

• **ÂM:**

Vân hà tu hành Giới môn? -Sở vị Bất sát, Bất đạo, Bất dâm, Bất lưỡng thiệt, Bất ác khẩu, Bất

vọng ngôn, Bất ỷ ngữ, viễn ly tham-tật-khi-trá-siễm-khúc, sân nhuế, tà kiến. Nhược xuất gia giả, vị chiết phục phiền não cố, diệt ung viễn ly hội não, thường xử tịch tịnh, tu tập thiểu dục tri túc, đầu đà đẳng hạnh. Nãi chí tiểu tội, tâm sinh bố úy, tầm quý cải hối, bất đắc khinh ư Như Lai sở chế cấm Giới, đương hộ cơ hiem; bất linh chúng sinh vọng khởi quá tội cố.

• NGHĨA:

Tu tập *Giới* như thế nào? -Đó là Không sát sinh, Không trộm cướp, Không dâm dục, Không nói hai lưỡi, Không nói thô ác, Không nói dối trá, Không nói thêu dệt, không tham lam gồm cả ganh ghét, lừa đảo, gian dối, dua nịnh, giận dữ và tà kiến. Nếu là người xuất gia thì vì bề gãy phiền não, cần phải tránh chỗ não động, thường ở chỗ thanh vắng mà thực hành hạnh *ít ham muốn, biết vừa đủ*, và hạnh *đầu đà*. Dù lỗi nhỏ đi nữa cũng biết lo sợ hổ thẹn đổi bỏ, không nên khinh thường Giới pháp Như Lai quy định, phải giữ gìn để tránh sự phỉ báng, ác cảm; nghĩa là đừng làm cho mọi người phát sinh tội lỗi một cách vô cớ.

• **GIẢI:**

Sự tu tập của hàng Bất định tụ là nói chung cho cả tại gia lẫn xuất gia, độn căn lẫn lợi căn. Thế nên, phần giới thiệu cách tu này là giới thiệu các pháp căn bản làm nền tảng cho mọi căn cơ. Trên quan điểm này, về tu tập Giới, Luận chủ quy kết vào mười điều thiện (Thập thiện là Giới luật căn bản cho tại gia lẫn xuất gia, Thanh văn lẫn Bồ-tát). Nội dung tu tập Giới này bao hàm cả Tam tụ tịnh giới; tuy vậy, với người xuất gia, Giới luật căn bản chính là *thiếu dục tri túc*, nếu không tu tập Giới căn bản này thì mọi giới khác không có cơ sở sinh khởi, phát triển và hiện hữu.



B.IV.3.c: Nói về Nhẫn.

• **ÂM:**

Vân hà tu hành Nhẫn môn? -Sở vị ưng nhẫn tha nhân chi não, tâm bất hoài báo. Diệc đương nhẫn ư lợi-suy, hủy-dự, xưng-cơ, khổ-lạc đẳng pháp cố.

• **NGHĨA:**

Tu tập *Nhẫn nhục* như thế nào? -Đó là, cần chịu

đựng mọi sự quấy rối của kẻ khác, lòng không chứa đựng ý niệm trả thù. Đồng thời, cũng chịu đựng tám điều (bát phong) sau: Vừa ý, không vừa ý (lợi-suy); công kích trước mặt, ca tụng trước mặt (hủy-dự); tán dương sau lưng, chỉ trích sau lưng (xung-cơ); khôn khổ lo buồn, sung sướng an vui (khổ-lạc).

• **GIẢI:**

- Từ *Nhẫn* hay *Nhẫn nhục* trong Phật giáo, ngoài ý nghĩa chịu đựng còn có nghĩa chấp nhận, nhận định. Vì vậy, hiện hữu Nhẫn nhục là hiện hữu Chánh kiến hay hiện hữu Trí tuệ (từ hữu lậu đến vô lậu). Tổng quát để nói, Nhẫn nhục có ba phương tiện, đó là nhẫn người, nhẫn cảnh và nhẫn chân lý. Rõ nghĩa nhất là nhẫn chịu mọi oán đối nghịch cảnh (Nại oán hại nhẫn), chấp nhận mọi khổ đau trong an lạc (An thọ khổ nhẫn) và nhận định các pháp đúng sự thật (Đế sát pháp nhẫn).

- Nơi đây, Luận chủ chỉ giới thiệu tu tập Nhẫn nhục căn bản (hữu lậu) là nhẫn người, nhẫn cảnh về hai mặt thuận ý và nghịch ý.



B.IV.3.d: Nói về Tấn.**• ÂM:**

Vân hà tu hành Tấn môn? -Sở vị ư chư thiện sự, tâm bất giải thối, lập chí kiên cường, viễn ly khiếp nhược. Đương niệm quá khứ cứu viễn dĩ lai, hư thọ nhất thiết thân-tâm đại khổ, vô hữu lợi ích. Thị cố ưng cần tu chư công đức, tự lợi lợi tha, tốc ly chúng khổ.

Phục thứ, nhược nhân tuy tu hành tín tâm, dĩ từng tiên thế lai, đa hữu trọng tội ác Nghiệp chướng cố, vi Tà ma chư Quỷ chi sở não loạn, hoặc vi thế gian sự vụ chủng chủng khiên triền, hoặc vi bệnh khổ sở não; hữu như thị đẳng chúng đa chướng ngại; thị cố ưng đương dũng mãnh tinh cần, trú dạ lục thời, lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng Bồ-đề; thường bất hư phế, đắc miễn chư chướng, thiện căn tăng trưởng cố.

• NGHĨA:

Tu tập *Tinh tấn* như thế nào? -Đó là đối với mọi thiện pháp, tâm không biếng nhác, thối lui, lập chí kiên cường ra khỏi khiếp nhược. Phải luôn nghĩ nhớ rằng,

từ quá khứ xa xưa đến giờ, ta đã chịu đựng vô số sự đau khổ to lớn về thân thể cũng như về tâm lý, mà chẳng có lợi ích gì cả. Do vậy, ngày nay ta phải siêng năng tu tập mọi công đức tự lợi lợi tha, để sớm thoát ly mọi khổ não.

Lại nữa, người nào đang tu tập đức tin (Thập tín), mà vì đời trước đến giờ có nhiều tội nặng, Nghiệp dữ gây ra lắm sự trở ngại, như sự quấy phá của Tà ma Quỷ quái, sự trói buộc của thế sự đa đoan, sự hành hạ của bệnh tật đau đớn; có nhiều sự trở ngại như vậy, nên người ấy cần phải nỗ lực chuyên cần, ngày đêm sáu buổi lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh chư Phật thuyết pháp, tùy hỷ công đức và hồi hướng cầu Tuệ giác vô thượng³³; thường làm như thế không ngừng không bỏ thì trở ngại tiêu trừ, thiện căn lớn mạnh.

• **GIẢI:**

- Diễm nhất quán để đạt kết quả thiết thực khi thực hành các pháp tu của Phật giáo là luôn hiện hữu Chánh

33 Ở đây Luận chủ chỉ nói tinh lược. Nói đủ là mười Đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền.

kiến, tu tập Tinh tấn cũng thế, nếu không thấy rõ từ xa xưa đến giờ, ta sống vô số kiếp trong khổ đau toàn là vô bổ, chẳng chút lợi ích nào cả, thì không thể tinh tấn tu tập. Tuy là thế, thực hiện tinh tấn cần phải có hai trợ duyên đắc lực, đó là *tâm không giải đãi* và *ý chí kiên cường*.

- Với hàng Bất định tụ, đa số là tội nặng chướng dày, khó ra khỏi sự trói buộc của Nghiệp lực. Vì vậy, hành giả cần phải tinh tấn đêm ngày sáu thời lễ bái chư Phật, sám hối Nghiệp chướng, để nhờ Phật lực mà *chỉ ác tác thiện* hướng về quả vị vô thượng Bồ-đề. Có tinh tấn thực hiện như vậy, thì Nghiệp chướng mới tiêu trừ, thiện căn mới tăng trưởng, để có thể đứng vào hàng Chánh định tụ.



B.IV.3.e: Nói về Chỉ và Quán (Có 4 tiết):

B.IV.3.e¹: Nói lược về Chỉ-Quán.

B.IV.3.e²: Nói rộng về Chỉ-Quán.

B.IV.3.e³: Song tu Chỉ-Quán.

B.IV.3.e⁴: Chỉ-Quán đối trị.



B.IV.3.e¹: Nói lược về Chỉ-Quán.

• ÂM:

Vân hà tu hành Chỉ-Quán môn? -Sở ngôn Chỉ giả, vị chỉ nhất thiết cảnh giới tướng, tùy thuận Xa-ma-tha quán nghĩa cố. Sở ngôn Quán giả, vị phân biệt nhân duyên sinh diệt tướng, tùy thuận Tỳ-bát-xá-na quán nghĩa cố. Vân hà tùy thuận? -Dĩ thử nhị nghĩa, tiệm tiệm tu tập, bất tương xả ly, song hiện tiền cố.

• NGHĨA:

Tu tập *Chỉ* và *Quán* như thế nào? -Tu *Chỉ* là *đình chỉ tất cả mọi phân biệt đối cảnh*³⁴, thuận theo ý nghĩa quán Xa-ma-tha (Samatha). Tu *Quán* là *quán sát sự tương quan chuyển biến*, thuận theo ý nghĩa quán Tỳ-bát-xá-na (Vipasyana). *Thuận theo* là như thế nào? -Đó là, trước hết tu tập Chỉ-Quán riêng biệt, kế đó xen kẽ với nhau, sau đó hòa hợp song tu không còn tách rời nhau.

• GIẢI:

Tu tập *Chỉ* và *Quán* chính là tu tập Thiền định. Thông thường, khi nói tu Chỉ và Quán là tu Nhân đề

³⁴ *Đình chỉ tất cả mọi phân biệt đối cảnh*: Tập trung tâm trí.

đưa đến kết quả Định và Tuệ. *Chỉ* là đình chỉ vọng tâm, *Quán* là quán sát *Chân tâm*; nếu nghiêng về *Chỉ* thì dễ hôn trầm, nghiêng về *Quán* thì dễ tán loạn. Vì vậy, cần dung hợp *Chỉ-Quán* để thân tâm khinh an, hỷ lạc, thì *Định-Tuệ* mới sinh khởi.

- Ý nghĩa trên là sự tu tập căn bản và phổ quát về *Chỉ-Quán*. Nhưng với *Khởi Tín* thì chuyên chở một sắc thái đặc biệt; theo *Khởi Tín*, toàn bộ Pháp giới là *Nhất Tâm* hay *Tâm*, *Tâm* này có hai mặt, mặt *Chân như* và mặt sinh diệt. Do đó, muốn *ngộ nhập Nhất Tâm*, không gì khác hơn là phải vào bằng hai lối ấy:

1. Tu *Chỉ* là nội dung đình chỉ mọi phân biệt, khi mọi phân biệt bật dứt thì *Chân như* hiển lộ; chính thế nên luận văn bảo: “*thuận theo ý nghĩa quán Samatha*”, tức tu *Chỉ* để *Chân như* hiển lộ mà quán sát *Chân như*.

2. Tu *Quán* là nội dung quán sát mọi hiện tượng sinh diệt (nhân duyên) để thấy được cái bất sinh diệt (*Chân như*); chính thế nên luận văn bảo: “*Thuận theo ý nghĩa quán Vipasyana*”; tức quán sát cái kết quả của *Quán* (*Chân như*); nói khác hơn, quán sát để dừng lại (*Chỉ*) ở *Chân như*.

Qua ý nghĩa này, ta cần nắm rõ rằng, *Chỉ để Quán* và *Quán để Chỉ*, chúng dung nhiếp nhau. Tuy là vậy, nhưng Luận chủ đã lưu ý hành giả: Ban đầu cần tu tập riêng lẻ, dần dần xen kẽ vào nhau, đến khi thành thục, Chỉ-Quán sẽ dung hợp không tách rời nhau nữa.

- Cũng cần nói thêm rằng, khi tu tập Chỉ-Quán thành tựu, chính là thời điểm hành giả hội nhập Chân như hay đạt quả vị Phật-đà. Tại đây, hành giả thành tựu hai thứ Trí tuệ là *Trí Vô phân biệt* và *Trí Sai biệt*. *Trí vô phân biệt* là *Quả của Chỉ* và *Trí sai biệt* là *Quả của Quán* vậy.



B.IV.3.e²: Nói rộng về Chỉ-Quán (Có 2 tiểu tiết):

B.IV.3.e².a: Nói rộng về Chỉ.

B.IV.3.e².b: Nói rộng về Quán.



B.IV.3.e².a: Nói rộng về Chỉ (Có 4 ý):

B.IV.3.e².a₁: Nói Chánh định Chân như.

B.IV.3.e².a₂: Nói Ma sự của Chánh định Chân như.

B.IV.3.e².a₃: Nói sự khác nhau giữa Tà định và Chánh định.

B.IV.3.e².a₄: Nói hiệu quả của Chánh định Chân như.



B.IV.3.e².a₁: Nói Chánh định Chân như.

• **ÂM:**

Nhược tu Chỉ giả, trụ u tịnh xứ, đoan tọa chánh ý, bất y khí tức, bất y hình sắc, bất y u không, bất y địa thủy hỏa phong, nãi chí bất y kiến văn giác tri; nhất thiết chư tướng, tùy niệm giai trừ, diệt khiến trừ tướng. Dĩ nhất thiết pháp, bản lai vô tướng, niệm niệm bất sinh, niệm niệm bất diệt. Diệt bất đắc tùy tâm ngoại niệm cảnh giới, hậu dĩ tâm trừ tâm; tâm nhược trì tán, tức đương nhiếp lại, trụ u Chánh niệm. Thị Chánh niệm giả, đương tri duy tâm, vô ngoại cảnh giới, tức phục thử Tâm diệt vô tự tướng, niệm niệm bất khả đắc.

Nhược tùng tọa khởi, khứ lai tấn chỉ, hữu sở thi tác, u nhất thiết thời, thường niệm phương tiện,

tùy thuận quán sát; cửu tập thuần thực, kỳ tâm đặc trụ. Dĩ tâm trụ cố, tiệm tiệm mãnh lợi, tùy thuận đặc nhập Chân như Tam-muội; thâm phục phiền não, tín tâm tăng trưởng, tốc thành bất thối. Duy trừ nghi hoặc, bất tin, hủy báng, trọng tội Nghiệp chướng, ngã mạn giải đãi, như thị đẳng nhân, sở bất năng nhập.

Phục thứ, y thị Tam-muội cố, tác tri Pháp giới Nhất tướng; vị nhất thiết chư Phật Pháp thân, dữ chúng sinh thân, bình đẳng vô nhị; tức danh Nhất hành Tam-muội, đương tri Chân như thị Tam-muội căn bản, nhược nhân tu hành, tiệm tiệm năng sinh vô lượng Tam-muội.

• NGHĨA:

Khi tu *Chỉ* thì cần ở nơi thanh vắng, thân ngồi ngay thẳng, tâm ý Chánh niệm, không nghĩ đến hơi thở, không nghĩ đến thân hình, không nghĩ đến hư không, không nghĩ đến đất, nước, gió, lửa, không nghĩ đến cái thấy, cái nghe hay cái nhận thức; hết thấy mọi ý nghĩ gì thì diệt trừ ngay cái ý nghĩ đó, lại diệt trừ luôn cái ý nghĩ diệt trừ. Vì rằng, hết thấy các pháp xưa

nay vô tướng, luôn luôn bất sinh, luôn luôn bất diệt. Cũng đừng tùy tâm mà nghĩ cảnh, sau đó lại đem tâm trừ tâm; nếu tâm nghĩ ngợi thì tức khắc ngưng lại, an trú trong Chánh niệm. Nói Chánh niệm thì nên biết chỉ có Tâm chứ không có cảnh, và Tâm ấy cũng là *không*, tuyệt đối không thể nắm bắt được.

Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy, qua lại đi đứng mà làm việc gì thì lúc nào cũng tùy nghi mà tập như trên; tập mãi lâu ngày như vậy thì sẽ thuần thục và tâm sẽ được an trú. Do tâm an trú nên dần dần mạnh mẽ sắc bén và *thích ứng* mà hội nhập Chánh định Chân như; tại đây, phiền não được dẹp thật sâu, đức tin được lớn mạnh và mau chóng đạt đến sự không thoái chuyển. Ngoại trừ những kẻ hoài nghi, ngộ nhận, không tin, bài xích, tội nặng, Nghiệp buộc, tự cao, biếng nhác, những kẻ như vậy thì không thể hội nhập được.

Thêm nữa, do Chánh định Chân như mà biết được các pháp đồng nhất; nghĩa là, biết thân Phật và thân chúng sinh đồng đẳng bất nhị; do vậy, Chánh định này còn gọi là *Chánh định Nhất hành*. Nên biết rằng, Chân như là căn bản của Chánh định nên ai tu tập thuận theo

Chân như thì dần dần phát sinh vô lượng Chánh định.

• **GIẢI:**

Nội dung phần này nhằm giới thiệu với hành giả cách tu *Chi* để tâm được định; khi tâm định đã vững mạnh và sâu sắc thì hội nhập Chân như.

- Môi trường thuận tiện cho tu *Chi*, đó là hành giả cần phải chọn nơi thanh vắng. Khi tọa thiền, hành giả cần theo tiến trình điều thân trước rồi đến điều tâm; về điều tâm, Luận chủ hướng dẫn rằng, không nên nghĩ đến mọi đối cảnh, như nghĩ về thân, tâm, sắc và vô sắc.v.v... Tổng quát để nói, mọi ý nghĩ cần được hủy diệt và ngay ý nghĩ hủy diệt cũng phải được hủy diệt luôn. Đây là thời điểm mà hành giả an trú trong Chánh niệm hay an trú Chân như. Để được thành tựu như thế, hành giả cần vận dụng tu tập ngay cả khi đi, đứng, nằm, ngồi; nếu siêng năng tu tập lâu ngày thì phiền não sẽ được đoạn trừ, thiện căn sẽ lớn mạnh, dần dần *thích ứng* mà hội nhập Chân như.

- Giáo nghĩa *Khởi Tín* khẳng định rằng, Chân như là Bản Thể các pháp, là Bản Thể chúng sinh; nên mọi cách tu mà *Khởi Tín* giới thiệu, là khởi phát từ Chân như mà tu, và tu là để hội nhập Chân như. Cách tu *Chi*

cũng nằm trong điểm nhất quán ấy; chính thế, luận văn mới gọi tu tập *Chỉ* là “*Chánh định Chân như*” hay “*Chánh định Nhất hành*”.

- Luận chủ khẳng định rằng, bất cứ ai cũng có thể tu tập để chứng đạt Chánh định Chân như, miễn là có đức tin vững mạnh, ý chí kiên cường.



B.IV.3.e².a₂: Nói Ma sự của Chánh định Chân như.

• **ÂM:**

Hoặc hữu chúng sinh, vô thiện căn lực, tác vi chur Ma ngoại đạo Quỷ Thần chi sở hoặc hoạn. Hoặc ư tọa trung hiện hình khủng bố, hoặc hiện đoan chánh nam nữ đẳng tướng. Đương niệm duy tâm, cảnh giới tác diệt, chung bất vi não. Hoặc hiện Thiên tượng, Bồ-tát tượng, diệt tác Như Lai tượng, tướng hảo cụ túc. Hoặc thuyết Đà-la-ni, hoặc thuyết Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ; hoặc thuyết Bình đẳng, Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô oán, vô thân, vô Nhân, vô Quả, tất cánh không tịch, thị chân Niết-bàn. Hoặc linh nhân

tri Túc mạng, quá khứ chi sự, diệt tri vị lai chi sự, đắc Tha tâm trí, biện tài vô ngại, năng linh chúng sinh, tham trước thế gian danh lợi chi sự.

Hựu linh sử nhân, sát sâu sát hỷ, tánh vô thường chuẩn; hoặc đa từ ái, đa thụy đa bệnh, kỳ tâm giải đãi; hoặc tốt khởi tinh tấn, hậu tiện hưu phế, sinh u bất tín, đa nghi đa lự; hoặc xả bỏn thắng hạnh, cánh tu tạp Nghiệp, nhược trước thế gian chủng chủng khiên triền. Diệt năng sử nhân đắc chư Tam-muội, thiếu phân tương tự, giai thị ngoại đạo sở đắc, phi chân Tam-muội. Hoặc phục linh nhân, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nãi chí thất nhật, trụ u định trung, đắc tự nhiên hương mỹ ẩm thực, thân-tâm thích duyệt, bất cơ bất khát, sử nhân ái trước; hoặc diệt linh nhân thực vô phân tề, sạ đa sạ thiếu, nhan sắc biến dị.

Dĩ thị nghĩa cố, hành giả thường ưng Trí tuệ quán sát, vật linh thử tâm đọa u tà võng. Đương cần Chánh niệm, bất thủ bất trước, tác năng viễn ly, thị chư Nghiệp chướng.

• NGHĨA:

Có những người không có sức mạnh của thiện căn, nên bị sự quấy phá của Tà ma, ngoại đạo, Quỷ Thần. Khi ngồi Thiền, chúng hiện thân hình để khủng bố, như hiện trai xinh gái đẹp. Nhưng người ngồi Thiền phải nghĩ rằng, tất cả cái gì cũng đều do tâm, thì những biến hiện ấy sẽ tan biến không thể quấy phá được. Có khi chúng hiện hình tướng chư Thiên, hình tướng Bồ-tát và cả hình tướng Như Lai nữa, với đầy đủ các tướng quý đẹp. Chúng cũng nói Thần chú, nói Lục độ, nói Bình đẳng, nói Tam giải thoát môn, nói không thân thù, không Nhân quả, tuyệt đối là không và đó là Niết-bàn chân thật. Có khi chúng cũng làm cho người tu Thiền ấy biết được đời trước của mình, biết việc quá khứ vị lai, biết tâm niệm người khác, được tài hùng biện vô ngại, làm cho đương sự ham thích danh lợi thế gian.

Lại nữa, chúng cũng làm cho người ngồi Thiền ấy hay giận hay vui, tánh tình bất thường, đa tình đa cảm, ngủ nhiều bệnh nhiều, dã dượi biếng nhác; có khi đột nhiên siêng năng liền đó vất bỏ, sinh ra không tin, lảm sự nghi ngờ lo nghĩ; làm bỏ hạnh tu siêu việt mà tu các hạnh tế toái, để mắc vào những trói buộc, lôi kéo của

thế gian. Chúng cũng làm cho người tu Thiền ấy chứng được các thứ Thiền tương tự như Thiền định chân thật, nhưng toàn là Thiền định ngoại đạo, chứ không phải Thiền định chân thật. Có khi chúng làm cho người ngồi Thiền ấy ở trong Thiền định một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, được ăn uống những thực phẩm có với mùi vị thơm ngon, làm cho thân tâm sáng khoái, không đói không khát, làm cho đương sự sinh ra đam mê; chúng cũng làm cho người ấy ăn uống vô độ, khi nhiều khi ít, nhan sắc biến đổi bất thường.

Vì những dữ kiện trên, người tu tập phải thường dùng Trí tuệ mà quán sát, đừng để tâm thức của mình sa vào lưới tà. Phái siêng năng hành trì Chánh niệm, không tham đắm cũng không để dính mắc thì mới thoát khỏi mọi chướng ngại trên đây.

• GIẢI:

Như ở trước đã nói, tu *Chỉ* là đình chỉ hết thảy mọi phân biệt để quán sát Chân như và hội nhập Chân như, chính ý nghĩa này mới mệnh danh là Chánh định Chân như. Tuy nhiên, với những hành giả chướng dày đức mỏng, khi tu tập thì nội ma hiện ra đủ mọi hình tướng,

mọi dữ kiện thuận ý, nghịch ý đa đoan quấy rầy đương sự, làm cho rơi vào Tà ma ngoại đạo. Dù là nội ma hay ngoại ma quấy phá, phương pháp đối trị tổng quát vẫn là, hành giả cần biết rằng, tất cả mọi đối cảnh đều do tâm, mà Bản Thể của tâm là Chân như, là vô tướng, siêu việt mọi hữu vi. Duy trì Chánh niệm như thế với tâm lý không tham đắm, không chấp thủ, thì Nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, sự quấy phá sẽ biến mất.



B.IV.3.e².a₃: Nói sự khác nhau giữa Tà định và Chánh định.

• **ÂM:**

Ứng tri ngoại đạo sở hữu Tam-muội, giai bất ly kiến-ái ngã mạn chi tâm, tham trước thế gian, danh lợi cung kính cố. Chân như Tam-muội giả, bất trụ kiến tướng, bất trụ đắc tướng, nãi chí xuất định diệt vô giải mạn; sở hữu phiền não, tiệm tiệm vi bạc. Nhược chư phạm phu bất tập thủ Tam-muội pháp, đắc nhập Như Lai chủng tánh, vô hữu thị xứ. Dĩ tu thế gian chư Thiên Tam-muội, đa khởi vị

trước, y u ngã kiến, hệ thuộc tam giới, dữ ngoại đạo cộng. Nhược ly Thiện tri thức sở hộ, tắc khởi ngoại đạo kiến cố.

• **NGHĨA:**

Cần nên biết rằng, mọi Thiện định của ngoại đạo đều bắt nguồn từ ngã kiến, ngã ái và ngã mạn, vì còn ham muốn danh vọng, lợi dưỡng và cung kính của thế gian. Còn Chánh định Chân như thì không chấp thủ cái thấy và cái được thấy, nên khi xuất định rồi không có tâm lý giải đãi, kiêu mạn; do đó, bao nhiêu phiền não vốn có sẽ dần dần nhẹ và mỏng đi. Là phàm phu mà không tu tập Chánh định Chân như thì không thể đi vào dòng giống Như Lai được. Bởi lẽ, tu tập Thiện định thế gian phần nhiều sinh ra đam mê, vì bắt nguồn từ ngã kiến, thuộc phạm vi tam giới, cùng loại với Thiện ngoại đạo. Do vậy, nếu tách rời sự hướng dẫn của bậc Thiện tri thức thì dễ sinh khởi kiến thức ngoại đạo.

• **GIẢI:**

Qua nội dung trên, Luận chủ đã phân định cho chúng ta thấy sự sai khác giữa Thiện định Phật giáo và Thiện định thế gian. Đại lược có hai điểm căn bản:

1. Sự sai khác về căn nguyên:

- Toàn bộ Thiên định của thế gian (ngoại đạo) đều xuất phát từ ngã kiến, ngã ái và ngã mạn.

- Thiên định Phật giáo thì được phát xuất từ Thực Thể bất sinh diệt, Thực Thể Vô ngã, Vô tướng, đó là Chân như.

2. Sự sai khác đang khi tu tập:

- Người tu tập Thiên định thế gian thì sinh khởi tâm lý đam mê dục lạc tam giới, nên không thể đoạn trừ phiền não vô minh, tiến về mục đích cứu cánh *Chân như*.

Tại đây, Luận chủ cũng nhấn nhủ rằng, người tu Thiên cần phải nương tựa một vị Thiện tri thức, để được hướng dẫn chính xác; ngược lại, rất dễ rơi vào Thiên ngoại đạo. Đồng thời, Ngài khẳng định rằng, là *Chánh định Phật giáo* (Thiên định Phật giáo) thì không có con đường nào khác để ra khỏi khổ đau tam giới.



B.IV.3.e².a₄: Nói hiệu quả của Chánh định Chân như.

• **ÂM:**

Phục thứ, tinh cần chuyên tâm tu học thử Tam-muội giả, hiện thể đương đắc thập chủng lợi ích. Vân hà vi thập?

- Nhất giả, thường vi thập phương chư Phật, Bồ-tát chi sở hộ niệm.

- Nhị giả, bất vi chư Ma ác Quỷ, sở năng khủng bố.

- Tam giả, bất vi cửu thập ngũ chủng ngoại đạo, Quỷ Thần chi sở hoặc loạn.

- Tứ giả, viễn ly phỉ báng thậm thâm chi pháp; trọng tội Nghiệp chương, tiệm tiệm vi bạc.

- Ngũ giả, diệt nhất thiết nghi, chư ác giác quán.

- Lục giả, ư chư Như Lai cảnh giới, tín đắc tăng trưởng.

- Thất giả, viễn ly ưu hối; ư sinh tử trung đồng mãnh bất khiếp.

- Bát giả, kỳ tâm nhu hòa, xả ư kiêu mạn, bất vi tha nhân sở nã.

- Cửu giả, tuy vị đắc Định, ư nhất thiết thời, nhất thiết cảnh giới xứ, tắc năng giảm tổn phiền nã, bất nhạo thể gian.

- **Thập giả, nhược đắc Tam-muội, bất vi ngoại duyên, nhất thiết âm thanh chi sở kinh động.**

• **NGHĨA:**

Thêm nữa, ai mà nhất tâm tu tập Chánh định Chân như một cách cần mẫn, siêng năng, thì hiện tại sẽ có mười điều lợi ích như sau:

- Một, được chư Phật, chư Bồ-tát khắp cả mười phương hộ niệm.

- Hai, không bị mọi thứ Tà ma, Quỷ ác làm cho khiếp sợ.

- Ba, không bị chín mươi lăm thứ ngoại đạo³⁵ mê hoặc, quấy phá.

- Bốn, xa lìa sự phi báng Chánh pháp nhiệm mầu; tội nặng, Nghiệp dày dần dần nhẹ mỏng.

- Năm, loại trừ mọi sự nghi ngờ, mọi ý nghĩ xấu xa.

- Sáu, đối với mọi lĩnh vực của Như Lai lòng tin được tăng thêm.

- Bảy, xa lìa mọi lo buồn, đau khổ; ở trong sinh tử đồng mãn chứ không khiếp sợ.

³⁵ Chín mươi lăm thứ ngoại đạo: Tổng số các phái ngoại đạo đương thời.

- Tám, tâm tánh hòa nhã, xả bỏ kiêu mạn, không bị người khác làm cho bực mình.

- Chín, dù chưa đắc Định, nhưng bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu cũng bớt phiền não, cũng bớt đam mê thế sự.

- Mười, khi chứng Tam-muội rồi (Chánh định) thì không bị ngoại duyên và mọi thứ âm thanh làm kinh động.

• **GIẢI:**

Sở dĩ hành giả tu tập *Chánh định Chân như* được mười lợi ích như trên, do vì phương pháp tu tập này *thích ứng* với Chân như, *thích ứng* với Bản Thể bất sinh diệt vậy.



B.IV.3.e².b: Nói rộng về Quán (Có 2 ý):

B.IV.3.e².b₁: Nói lý do sự Quán.

B.IV.3.e².b₂: Nói bốn sự Quán.



B.IV.3.e².b₁: Nói lý do sự Quán.

• **ÂM:**

Phục thứ, nhược nhân duy tu ư Chỉ, tắc tâm trầm một, hoặc khởi giải đãi, bất nhạo chúng thiện³⁶, viễn ly Đại bi; thị cố tu Quán.

• **NGHĨA:**

Thêm nữa, nếu đơn thuần tu *Chỉ* thì tâm trí chìm xuống, sinh khởi biếng nhác, không thích thiện pháp, xa rời Đại bi; vì vậy mà phải tu Quán.

• **GIẢI:**

Nói tổng quát, tu tập Thiền định là tu *Chỉ* và *Quán*, nhưng tu tập *Chỉ*, *Quán* theo *Khởi Tín* là tu *Chỉ* để *Quán Chân như*, và tu *Quán* để *Chỉ Chân như*. Do thế, nếu hành giả đơn thuần tu *Chỉ* thì phiền diện và không thể hội nhập Chân như, vì tâm trí sẽ rơi vào thụ động, vị kỷ như luận văn đã nói. Để bổ túc cho khiếm khuyết này, Luận chủ hướng dẫn hành giả cần phải tu *Quán*, như nội dung phần dưới đây.



B.IV.3.e².b₂: Nói bốn sự Quán.

• **ÂM:**

³⁶ *Thiện*: Thiện ở đây là pháp lợi tha.

Tu tập Quán giả, đương Quán nhất thiết thế gian hữu vi chi pháp, vô đắc cửu đình, tu du biến hoại; nhất thiết tâm hành, niệm niệm sinh diệt. Dĩ thị cố khổ. Ứng Quán quá khứ sở niệm chư pháp, hoảng hốt như mộng; ứng Quán hiện tại sở niệm chư pháp, do như điện quang; ứng Quán vị lai sở niệm chư pháp, do như u vân, hốt nhĩ nhi khởi. Ứng Quán thế gian nhất thiết hữu thân, tất giai bất tịnh, chủng chủng uế ô, vô nhất khả nhạo.

Như thị đương niệm nhất thiết chúng sinh, tòng vô tử thế lai, giai Nhân vô minh sở huân tập cố, linh tâm sinh diệt, dĩ thọ nhất thiết thân-tâm đại khổ; hiện tại tức hữu vô lượng bức bách, vị lai sở khổ diệt vô phân tề. Nan xả nan ly, nhi Bất giác tri. Chúng sinh như thị, thậm vi khả mẫn.

Tác thị tư duy, tức ư đồng mãnh lập Đại Thệ nguyện, nguyện linh ngã tâm, ly phân biệt cố, biến ư thập phương, tu hành nhất thiết chư thiện công đức; tận kỳ vị lai, dĩ vô lượng phương tiện, cứu bạt nhất thiết khổ não chúng sinh, linh đắc Niết-bàn, Đệ nhất nghĩa lạc.

Dĩ khởi như thị nguyện cố, ư nhất thiết thời, ư nhất thiết xứ, sở hữu chúng thiện, tùy hỷ kham năng, bất xả tu học, tâm vô giải đãi.

• **NGHĨA:**

Tu *Quán* là quán sát mọi pháp hữu vi trong thế gian không thể dừng lâu, mà phút chốc đã biến đổi; và mọi hiện tượng tâm lý cũng luôn luôn sinh diệt như vậy. Đây chính là lý do của sự đau khổ. Cũng quán sát những gì nghĩ về quá khứ thì thấp thoáng như giấc mộng; những gì biết trong hiện tại thì chớp nhoáng như điện chớp; những gì nghĩ đến vị lai thì tựa đám mây thoát hiện. Lại quán sát mọi thân thể trong thế giới này đều chẳng sạch sẽ, mà dơ bẩn đủ thứ, chẳng có điểm nào đáng được ưa thích.

Quán sát như trên rồi, lại nghĩ hết thấy chúng sinh từ vô thủy đến giờ toàn do *Vô minh huân tập* làm cho tâm thức sinh diệt, đã từng chịu mọi khổ đau to lớn về thân cũng như về tâm; hiện tại cũng đang chịu vô lượng các thứ bức bách, còn vị lai thì cái khổ không biết dường nào. Mọi sự đau khổ ấy khó mà cởi bỏ, khó mà tách rời, thế mà chẳng biết tỉnh ngộ. Chúng sinh

như thế đây, thật đáng thương cảm!

Tư duy như vậy rồi, hành giả tức thời đồng mãnh lập thế nguyện rộng lớn, nguyện cho tâm mình thoát ly tất cả mọi sự phân biệt, khắp cả thế giới mười phương (không gian) thể hiện mọi phước đức; suốt cả vị lai (thời gian) vận dụng vô số cách thức mà cứu vớt mọi khổ đau cho chúng sinh, làm cho họ chứng đạt Niết-bàn để được an lạc tuyệt đối.

Vì lập thế nguyện như vậy, nên bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào hễ có việc thiện thì tùy khả năng mà học mà làm, tâm không biếng nhác.

• **GIẢI:**

Phần này là nội dung của tu *Quán*, gồm có bốn đối tượng để tu:

1. Từ “*Tu Quán... đến... đáng được ưa thích*”: Nói về *Quán Pháp tướng*. Tức quán sát sắc tướng các pháp hiện hữu trong thế gian để thấy rõ tính chất của các pháp là Khô, Bất tịnh, Vô thường, Vô ngã.

2. Từ “*Quán sát... đến... đáng thương cảm*”: Nói về *Quán Đại bi*. Tức quán chúng sinh do bị *Vô minh huân tập*, nên từ vô thủy đến giờ mãi trôi lăn trong khổ

đau sinh tử khó thoát ra được; do thấy như vậy mà hành giả khởi tâm Đại bi.

3. Từ “*Tư duy... đến... tuyệt đối*”: Nói về *Quán Đại nguyện*. Do thương xót chúng sinh khổ đau như thế, nên hành giả phát Đại thế nguyện, bất cứ thời gian nào, không gian nào, bằng mọi cách làm cho mọi chúng sinh chứng đạt Niết-bàn để được an lạc tuyệt đối.

4. Từ “*Vì lập thế nguyện... đến... biếng nhác*”: Nói về *Quán Tinh tấn*. Để Đại Thế nguyện được thành tựu, thì bất cứ thời gian nào, không gian nào, hành giả luôn luôn nỗ lực học và làm mọi thiện pháp, chẳng biết mỏi mệt, chẳng hề biếng nhác.

Tại đây, cần lưu tâm chữ *Quán*, nghĩa của *Quán* không chỉ đơn thuần là sự tư duy, quán sát của tâm trí, mà bao hàm cả nghĩa thực hành của thân và khẩu. Hiểu như thế mới đúng nội dung của *Quán* trong Phật giáo nói chung và *Khởi Tín* nói riêng.



B.IV.3.e³: Song tu Chỉ-Quán.

• **ÂM:**

Duy trừ tọa thiền, chuyên niệm *ư* Chỉ; nhược dư nhất thiết, tất đương quán sát ung tác bất ung tác. Nhược hành, nhược trụ, nhược ngọa, nhược khởi, giai ung Chỉ-Quán câu hành, sở vị tuy niệm chư pháp tự tánh bất sinh; nhi phục tức niệm nhân duyên hòa hợp, thiện ác chi Nghiệp, khổ lạc đẳng báo, bất thất bất hoại; tuy niệm nhân duyên thiện ác Nghiệp báo; nhi diệt tức niệm tánh bất khả đắc.

• **NGHĨA:**

Chỉ trừ khi nào ngồi Thiền thì chuyên tâm tu tập *Chỉ*, còn những lúc khác thì nên quán sát việc gì đáng làm, việc gì không đáng làm. Đi, đứng, nằm, dậy, lúc nào cũng phải song tu Chỉ-Quán, bằng cách nghĩ nhớ rằng Bản Thể mọi pháp là bất sinh; lại nghĩ nhớ liền rằng, Nhân duyên hội tụ thì mọi hành vi lành-dữ và kết quả vui-khổ không sai không mất; tuy nghĩ nhớ Nhân duyên, hành vi và kết quả là như thế; nhưng cũng nghĩ nhớ liền rằng, thực chất của các pháp đó không thể nắm bắt được.

• **GIẢI:**

Phần này, Luận chủ hướng dẫn hành giả rằng, muốn hội nhập Chánh định Chân như thì cần phải thực hiện *Chỉ-Quán song tu*.

Tu Chỉ và tu Quán được trình bày ở trước, hành giả chỉ nên áp dụng trong khi ngồi Thiền; ngoài ra, trong mọi sinh hoạt thường nhật như đi, đứng, nằm, ngồi.v.v... hành giả cần vận dụng tu tập cả *Chỉ* lẫn *Quán*. Cách tu này, Luận chủ đã hướng dẫn điểm cơ bản là: Nghĩ nhớ các pháp rằng, Bản Thể của chúng là bất sinh diệt, đó là tu *Chỉ*; ngay thời điểm này, liền nghĩ nhớ các pháp do Nhân duyên hội tụ mà hiện hữu, đó là tu *Quán*; tiếp liền đó, lại nhớ nghĩ thực chất các pháp ấy không thể nắm bắt được, đó là tu *Chỉ*. Tóm lại, tại mỗi thời điểm, mỗi đối tượng, hành giả cần vận dụng luân lưu *Chỉ-Quán*; *Chỉ* để nhận biết *Bản Thể* và *Quán* để nhận biết *hiện tượng*. Đây chính là nội dung tu tập để sinh khởi, phát triển và hoàn thành hai thứ Trí tuệ của đức Phật-đà, đó là *Trí Vô phân biệt* và *Trí Sai biệt* vậy.



B.IV.3.e⁴: Chỉ-Quán đối trị.

• ÂM:

Nhược tu Chỉ giả, đối trị phàm phu trụ trước thế gian, năng xả Nhị thừa khiếp nhược chi kiến. Nhược tu Quán giả, đối trị Nhị thừa bất khởi Đại bi, hiệp liệt tâm quá; viễn ly phàm phu bất tu thiện căn.

Dĩ thị nghĩa cố, thị Chỉ-Quán nhị môn cộng tương trợ thành, bất tương xả ly. Nhược Chỉ-Quán bất cụ, tắc vô năng nhập Bồ-đề chi đạo.

• NGHĨA:

Tu Chỉ là để sửa chữa sự tham đắm cuộc đời của hàng phàm phu và sửa chữa tâm lý khiếp nhược cuộc đời ấy của hàng Nhị thừa.

Tu Quán là để sửa chữa cái lỗi lầm của Nhị thừa không có *Tâm Đại bi*, lại sửa chữa cái lỗi của phàm phu không làm việc thiện.

Vì ý nghĩa này, nên Chỉ và Quán cùng giúp nhau để cùng thành tựu, chứ không thể tách rời nhau. Nếu *Chỉ* và *Quán* mà khiếm khuyết thì không thể hội nhập Tuệ giác Bồ-đề được.

• **GIẢI:**

Pháp tu Chi-Quán song hành là điều thiết yếu; cách tu này sẽ giúp hành giả đang ở địa vị phàm phu hay Nhị thừa ra khỏi những lỗi lầm, khiếm khuyết của mình, để tiến sâu vào Chánh định Chân như hầu hoàn thành Đại nguyện của mình.



B.IV.4: Chỉ cách đề phòng thói chuyên.

• **ÂM:**

Phục thứ, chúng sinh sơ học thị pháp, dục cầu Chánh tín, kỳ tâm khiếp nhược. Dĩ trụ ư thử Ta-bà thế giới, tự úy bất năng thường trị chư Phật, thân thừa cúng dường, cụ vị tín tâm nan khả thành tựu; ý dục thói giả. Đương tri Như Lai hữu thắng phương tiện, nhiếp hộ tín tâm. Vị dĩ chuyên ý niệm Phật nhân duyên, tùy nguyện đắc sinh tha phương Phật độ, thường kiến ư Phật, vĩnh ly ác đạo.

Như Tu-đa-la thuyết, nhược nhân chuyên niệm, Tây phương Cực Lạc thế giới A-di-đà Phật, sở tu thiện căn, hồi hướng nguyện cầu sinh bỉ thế

giới, tức đắc vãng sinh; thường kiến Phật cố, chung vô hữu thôi. Nhược Quán bỉ Phật Chân như Pháp thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sinh, trụ Chánh định cố.

• **NGHĨA:**

Thêm nữa, những người mới học tập pháp này, mong ước đạt được Chánh tín (đức tin hoàn hảo), nhưng lòng quá khiếp sợ; họ sợ rằng; đang ở trong thế giới Ta-bà này thì khó thường được gặp Phật để trực tiếp cúng dường, nên đức tin khó mà thành tựu; vì vậy, họ muốn thôi lui. Nhưng nên biết, đức Như Lai có phương pháp đặc biệt để giữ gìn đức tin ấy. Đó là vận dụng Nhân duyên nhất tâm niệm Phật để tùy nguyện vãng sinh về các cõi Phật, để thường được thấy Phật, vĩnh viễn xa lìa các đường ác dữ.

Như trong kinh dạy, nếu ai chuyên tâm niệm đức Phật A-di-đà, ở thế giới Cực Lạc về phía Tây thế giới này; và, bao nhiêu phước thiện làm được đều hồi hướng cầu sinh về thế giới ấy, thì chắc chắn được vãng sinh; đồng thời, vì được luôn luôn thấy Phật nên không bao giờ bị thôi lui. Nếu người ấy biết *Quán Chân như*

*Pháp thân Phật A-di-đà*³⁷, thường siêng năng tu tập pháp quán ấy, thì tuyệt đối sinh về thế giới của Ngài, vì tu tập như vậy là đứng vào hàng Chánh định tụ vậy.

• **GIẢI:**

- Trọn mục giới thiệu cách tu này là nhằm chỉ bày cho hàng *Bát định tụ*. Tổng quát để nói, cách tu gồm các pháp: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn và Chỉ-Quán. Nội dung tu tập này là trợ duyên cho hành giả hoàn thành đức tin cho mình. (Chánh tín: Hoàn thành Thập tín), để được đứng vào hàng Chánh định tụ, tiếp tục tu tập để *thích ứng* và hội nhập Chân như.

- Con người trong thời mạt pháp, chương sâu trí cạn, người có tâm tu tập thì tiến thối bất thường, nên khó mà thành tựu Chánh tín cho mình. Vì xót thương chúng đưng cơ là như vậy, Luận chủ mới giới thiệu phương pháp ngăn ngừa sự thối tâm. Đó là phương pháp hành giả niệm Phật để cầu vãng sinh về cảnh giới của Phật, cụ thể nhất là niệm Phật A-di-đà. Nếu hành giả nhất tâm chuyên niệm thì quyết định được vãng

³⁷ *Quán Chân như Pháp thân Phật A-di-đà*: Tức hành giả đang thực hành phương pháp tu *Chỉ*

sinh, và khi vãng sinh thì không bao giờ thối lui nữa.

Riêng hành giả nào *Quán Pháp thân Phật A-di-đà*, quán sát tinh tấn như vậy thì sẽ hội nhập Chánh định tu ngay đời này và thế giới Cực Lạc hiện hữu ngay tại đây.



B.V. KHUYẾN TU.

• ÂM:

Dĩ thuyết Tu hành tín tâm phần, thứ thuyết Khuyến tu lợi ích phần. Như thị Ma-ha-diễn chư Phật bí tạng, ngã dĩ tổng thuyết. Nhược hữu chúng sinh, dục ư Như Lai thậm thâm cảnh giới, đắc sinh Chánh tín, viễn ly phỉ báng, nhập Đại thừa đạo, đương trì thủ luận, tư lương tu tập, cứu cánh đắc chí vô thượng chi Đạo.

Nược nhân văn thị pháp dĩ, bất sinh khiếp nhược, đương tri thủ nhân định thiệu Phật chủng, tất vị chư Phật chi sở thọ ký. Giả sử hữu nhân năng hóa tam thiên đại thiên thế giới mãn trung chúng sinh, linh hành thập thiện, bất như hữu nhân, ư

nhất tự khoảnh, chánh tư thử pháp, quá tiền công đức, bất khả vi dụ.

Phục thứ, nhược nhân thọ trì thử luận, quán sát tu hành, nhược nhất nhật nhất dạ, sở hữu công đức, vô lượng vô biên, bất khả đắc thuyết. Giả linh thập phương nhất thiết chư Phật, các ư vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, thân kỳ công đức, diệc bất năng tận. Hà dĩ cố? -Vị Pháp tánh công đức vô hữu tận cố, thử nhân công đức diệc phục như thị, vô hữu biên tế. Kỳ hữu chúng sinh, ư thử luận trung, hủy báng bất tín, sở hoạch tội báo, kinh vô lượng kiếp, thọ đại khổ não. Thị cố chúng sinh dẫn ưng ngưỡng tín, bất ưng hủy báng, dĩ thâm tự hại, diệc hại tha nhân, đoạn tuyệt nhất thiết Tam Bảo chi chủng. Dĩ nhất thiết Như Lai, giai y thử pháp đắc Niết-bàn cố; nhất thiết Bồ-tát nhân chi tu hành, đắc nhập Phật trí cố.

Đương tri quá khứ Bồ-tát, dĩ y thử pháp, đắc thành tịnh tín; hiện tại Bồ-tát, kim ư thử pháp, đắc thành tịnh tín; vị lai Bồ-tát, đương y thử pháp, đắc thành tịnh tín. Thị cố chúng sinh ưng cần tu học.

• NGHĨA:

Mục *Tu tập tín tâm* đã nói xong; bây giờ nói tiếp mục *Lợi ích để khuyến khích tu tập*. Như vậy, cái kho tàng bí mật của Phật là Đại thừa, tôi đã trình bày tổng quát xong. Đối với lĩnh vực cực kỳ cao xa ấy của đức Như Lai, người nào muốn tin chính xác, đoạn tận phi bóng, đi vào con đường Đại thừa thì nên nắm giữ luận này mà tư duy thực tập để cuối cùng đạt đến Tuệ giác vô thượng. Ai nghe tư tưởng Đại thừa này mà không khiếp sợ, thì biết người ấy chắc chắn nối tiếp được dòng giống của Phật và được đức Phật xác định sẽ thành Phật. Giả sử có người giáo hóa chúng sinh đầy cả đại thiên thế giới đều làm mười điều thiện, và một người khác chỉ trong thời gian một bữa ăn, tư duy chính xác pháp Đại thừa này, thì công đức người ấy hơn công đức người trên, không thể ví dụ để diễn tả được.

Thêm nữa, người nào học hỏi ghi nhớ luận văn này, quán sát tu tập dù trong một ngày một đêm, công đức đạt được cũng vô lượng vô số, không thể diễn tả được. Giả như chư Phật trong mười phương, Ngài nào cũng ca tụng công đức của người ấy đến vô lượng thời

kỳ vô số, cũng không cùng tận được. Tại sao như vậy? -Vì công đức Chân như không cùng tận nên công đức người ấy cũng không cùng tận. Ngược lại, đối với tư tưởng Đại thừa trong luận văn này, đoạn tận phỉ báng, phủ nhận thì tội báo khổ đau lớn lao họ phải chịu trải qua vô lượng thời kỳ. Do vậy, mọi người hãy nên kính tin, không nên hủy báng mà dẫn đến tai hại lớn lao cho mình và người, là đoạn tuyệt dòng giống Phật-Pháp-Tăng. Bởi lẽ, các đức Như Lai đều do tư tưởng Đại thừa này mà chứng đắc Niết-bàn, các vị Bồ-tát cũng nhờ tu tập tư tưởng Đại thừa này mà hội nhập Tuệ giác Phật-đà.

Phải biết các vị Bồ-tát trong quá khứ đã nhờ tư tưởng Đại thừa này mà đạt đức tin trong sáng; các vị Bồ-tát trong hiện tại đang nhờ tư tưởng Đại thừa này mà đạt được đức tin trong sáng và các vị Bồ-tát trong tương lai sẽ nhờ tư tưởng Đại thừa này mà đạt được đức tin trong sáng. Do vậy, mọi người nên tinh tấn tu học tư tưởng Đại thừa này.

• **GIẢI:**

Sự tai hại lớn lao cho những ai phủ nhận, hủy

báng giáo nghĩa Đại thừa; cũng như sự lợi ích vô hạn cho những ai kính tin, thực hành giáo nghĩa này đã được Luận chủ trình bày rõ ràng ở bản luận. Nơi đây, điều đáng nói, người học *Khởi Tín* có định hướng gì cho mình?



C. KẾT LUẬN (Lưu thông).

• ÂM:

**Chư Phật thậm thâm quảng đại nghĩa,
Ngã kim tùy thuận tổng trì thuyết.
Hồi tử công đức như Pháp tánh,
Phổ lợi nhất thiết chúng sinh giới.**

• NGHĨA:

Nghĩa-lý giáo pháp của chư Phật,
Cực kỳ rộng sâu không giới hạn,
Nay con tùy thuận kính trình bày,
Đại ý tổng quát đủ lý-nghĩa.
Nguyện đem công đức này hồi hướng,
Đến tánh như thật của Chân như,
Khiến hết thảy mọi loài chúng sinh,

Đều được lợi lạc vô bờ bến.

• **GIẢI:**

Đây là bài kệ tổng kết cho luận văn *Khởi Tín*:

- *Câu thứ nhất là tổng kết lý-nghĩa giáo pháp của đức Phật: “Thậm thâm quảng đại nghĩa”* chính là lý-nghĩa “*Nhất Pháp giới đại tổng tướng*”, hay lý-nghĩa của *Như Lai tạng*.

- *Câu thứ hai là tổng kết về văn: “Tổng trì thuyết”* là văn của bản luận ngắn gọn mà quy kết được lý-nghĩa của Đại thừa.

- *Câu thứ ba và câu thứ tư: Tâm nguyện của Luận chủ khi hoàn thành tác phẩm của mình. Luận chủ tùy thuận Chân như để trước tác phô diễn, và phô diễn là phô diễn những gì thích ứng Chân như (hồi hướng) để thức tỉnh mọi người nhận ra và tin rằng: “Chân như chính là mặt mũi xưa nay của mình”*; đây chính là sự lợi ích lớn lao đến với mọi người.

Luận Khởi Tín Đại Thừa.

**NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ-TÁT
MA-HA-TÁT.**



TỔNG MỤC
LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA

LỜI TỰA	7
CHƯƠNG I: NHẬN THỨC KHÁI QUÁT	11
I.I. Bối cảnh thành lập.	11
I.II. Bản dịch.	13
I.III. Tiểu sử Luận chủ.	15
I.IV. Sơ lược nội dung.	17
I.V. Giải thích đề luận.	20
CHƯƠNG II: NỘI DUNG TƯ TƯỞNG	26
II.I. Dàn ý nội dung.	26
II.II. Dịch giải.	32

LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA

Trước tác: BỒ TÁT MÃ MINH - Dịch giải: TK.THÍCH GIÁC QUẢ

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

33 Chu Văn An - Huế

ĐT: 054.3823847 - 3821228

Fax: 054.3848345

Email: nxbthuanhoa@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN DUY TỒ

Biên tập:

LÊ HÒA

Trình bày bìa:

HUYỀN TRUNG

Sửa bản in:

NGỌC CHÂU - THANH NHÃ

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế, 57 Bà Triệu - Thành phố Huế. Số đăng ký KHXB: 1247-2012/CXB/02-53/ThuH. Quyết định xuất bản số: 135/QĐ-XBTH cấp ngày 22/10/2012. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2012.